

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TRƯỜNG ĐỨC THẮNG

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI TỘI
THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - năm 2023

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGUYỄN TRƯỜNG ĐỨC THẮNG

THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI TỘI
THAM Ô TÀI SẢN THEO PHÁP LUẬT
TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM

Ngành: Luật hình sự - Tổ tụng hình sự

Mã số: 9 38 01 04

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

1: TS. Đỗ Đức Hồng Hà

2: TS. Đinh Xuân Nam

HÀ NỘI - năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập do tôi thực hiện, dựa trên sự hướng dẫn của các Thầy và những tài liệu tham khảo đã được trích dẫn. Các số liệu sử dụng trong Luận án là trung thực và từ những nguồn hợp pháp. Những kết luận khoa học của Luận án chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

Nghiên cứu sinh

NGUYỄN TRƯỜNG ĐỨC THẮNG

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án	3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	3
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể	4
5. Những đóng góp mới của Luận án	5
6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án	6
7. Kết cấu Luận án	6
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU.....	7
1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài	7
1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước	12
1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu	23
1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu	25
1.5. Câu hỏi và giả thuyết nghiên cứu	25
Tiểu kết chương 1	27
Chương 2: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN	29
2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản	29
2.2. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản	52
Tiểu kết chương 2	71
Chương 3: THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN	72
3.1. Khái quát tình hình tội Tham ô tài sản từ xảy ra từ năm 2013 đến năm 2022 ở Việt Nam	72
3.2. Kết quả thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản	74
3.3. Những hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản	91
3.4. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản	106
Tiểu kết chương 3	116

Chương 4: YÊU CẦU VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN TỚI.....	117
4.1. Các yêu cầu đảm bảo nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.....	117
4.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.....	124
Tiểu kết chương 4.....	143
KẾT LUẬN	145
DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ.....	148
DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO	149

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BLHS	Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)
BLTTHS	Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017)
CQĐT	Cơ quan điều tra
CQTHTT	Cơ quan tiến hành tố tụng
ĐTV	Điều tra viên
HĐXX	Hội đồng xét xử
KSV	Kiểm sát viên
KSXX	Kiểm sát xét xử
NCS	Nghiên cứu sinh
PCTN	Phòng, chống tham nhũng
QCT	Quyền công tố
THQCT	Thực hành quyền công tố
THTT	Tiến hành tố tụng
TAND	Tòa án nhân dân
TNHS	Trách nhiệm hình sự
TTHS	Tố tụng hình sự
VKS	Viện kiểm sát
VKSND	Viện kiểm sát nhân dân
XHCN	Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC CÁC BẢNG THỐNG KÊ, BIỂU ĐỒ

(Số liệu từ năm 2013 đến năm 2022)

Phụ lục 1: Bảng thống kê về vụ án, bị can phạm tội Tham ô tài sản

Bảng 1.1. Số vụ án, bị can đã khởi tố, truy tố, xét xử

Bảng 1.2. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Bảng 1.3. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.4. Số vụ án, bị can Tòa án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.5. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Bộ Công an khởi tố, Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố và phân công Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh xét xử

Bảng 1.6. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Bộ Công an khởi tố, đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Bảng 1.7. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.8. Số vụ án, bị can Tòa án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung (vụ án do VKSND tối cao truy tố và phân công VKSND cấp tỉnh THQCT giai đoạn xét xử)

Bảng 1.9. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố, đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Bảng 1.10. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.11. Số vụ án, bị cáo Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.12. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu khởi tố đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Bảng 1.13. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát tỉnh nhân dân Bà Rịa - Vũng Tàu truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.14. Số vụ án, bị cáo Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.15. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra tỉnh Lâm Đồng khởi tố, đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Bảng 1.16. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Bảng 1.17. Số vụ án, bị cáo Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Phụ lục 2: Biểu đồ về vụ án, bị can phạm tội Tham ô tài sản

Biểu đồ 2.1. Số vụ án, bị can khởi tố mới về tội Tham ô tài sản

Biểu đồ 2.2. Số vụ án Cơ quan điều tra khởi tố, đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Biểu đồ 2.3. Số bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Biểu đồ 2.4. Số vụ án Viện kiểm sát truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Biểu đồ 2.5. Số bị can Viện kiểm sát truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Biểu đồ 2.6. Số vụ án Toà án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả điều tra bổ sung

Biểu đồ 2.7. Số bị cáo Toà án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả điều tra bổ sung

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Công cuộc đổi mới đất nước dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Nền kinh tế của đất nước trong những năm qua luôn tăng trưởng, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng nâng cao, cùng với đó là sự hội nhập quốc tế sâu rộng, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định. Để đạt những thành tựu to lớn đó, bên cạnh việc đề ra và thực hiện đúng các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội thì Đảng, Nhà nước đã rất quan tâm đến việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đặc biệt là tội phạm, trong đó có tội Tham ô tài sản. Đồng thời, khẳng định đây là một trong những nhiệm vụ trọng yếu nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự phát triển ổn định của đất nước.

Thực tiễn phản ánh hành vi phạm tội Tham ô tài sản xảy ra ở nhiều tỉnh thành trong cả nước, với các cấp quản lý và nhiều lĩnh vực khác nhau, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội tinh vi, giá trị tài sản bị chiếm đoạt ngày càng lớn; làm cho hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp bị suy yếu, kém hiệu quả; làm mất lòng tin của Nhân dân vào Nhà nước; gây nguy hại đến an ninh, thiệt hại cho nền kinh tế đất nước. Theo số liệu của Cục thống kê tội phạm - Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2022, các cơ quan tiến hành tố tụng đã khởi tố mới 1.189 vụ án với 2.045 bị can về tội Tham ô tài sản.

Trước tình hình đó, cơ quan tiến hành tố tụng đã kịp thời áp dụng các biện pháp để xử lý hành vi tham ô tài sản theo quy định pháp luật. Trong đó, thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản là chức năng quan trọng, mang tính cơ bản và xuyên suốt quá trình tố tụng, giúp định hướng hoạt động điều tra, kịp thời đề ra các yêu cầu thu thập chứng cứ nhằm mục đích buộc tội, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản ra Tòa án nhân dân để xét xử. Từ năm 2013 đến 2022, Viện kiểm sát

nhân dân đã truy tố, thực hành quyền công tố tại phiên tòa xét xử 1.173 vụ án với 2.264 bị cáo về tội Tham ô tài sản, kết quả Tòa án nhân dân đã mở phiên tòa xét xử và tuyên bố các bị cáo phạm tội Tham ô tài sản theo quyết định truy tố, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật được Đảng, Nhà nước, Nhân dân ghi nhận và đồng tình ủng hộ; góp phần phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững ổn định chính trị, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản còn bộ lộ một số hạn chế, thiếu sót. Vẫn còn tình trạng truy tố, buộc tội người thực hiện hành vi tham ô tài sản không đúng; số lượng vụ án tham ô tài sản phải trả hồ sơ điều tra bổ sung nhiều, Tòa án tuyên bị cáo phạm tội khác hoặc bản án về tội Tham ô tài sản bị Tòa án có thẩm quyền tuyên hủy bản án để điều tra, xét xử lại... Hạn chế trên xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng nguyên nhân chính là do các nội dung thuộc thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản chưa được Viện kiểm sát nhân dân thực hiện chặt chẽ, hiệu quả như việc đề ra yêu cầu điều tra chưa cụ thể, trọng tâm giúp định hướng cho quá trình thu thập chứng cứ; hoạt động thẩm vấn, tranh luận chưa sắc bén, thuyết phục... Do đó, việc nghiên cứu làm rõ những hạn chế, khó khăn, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản cùng nguyên nhân để có cơ sở xác định giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản là cần thiết; đảm bảo việc buộc tội, truy tố đối với người thực hiện hành vi tham ô tài sản, góp phần bảo vệ pháp chế Xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp. Điều này có vai trò vô cùng quan trọng đối với công cuộc đổi mới đất nước trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới. Với những lý do trên, việc nghiên cứu lý luận và thực tiễn về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong giai đoạn hiện nay là vấn đề có tính cấp thiết, đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

Từ luận giải trên, Nghiên cứu sinh chọn đề tài “***Thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản theo pháp luật Tố tụng hình sự Việt nam***” làm đề tài luận án tiến sĩ tại Học viện Khoa học Xã hội.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

- Bổ sung, hoàn thiện và làm sâu sắc hơn hệ thống lý luận và cơ sở quy định về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.
- Hoàn thiện các quy định pháp luật hiện hành.
- Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt mục đích trên, luận án cần giải quyết nhiệm vụ cụ thể sau:

- Phân tích, đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến luận án, từ đó xác định những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu làm rõ.
- Nghiên cứu tài liệu, hệ thống hóa và phân tích những lý luận và cơ sở quy định pháp luật về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, trên cơ sở đó làm rõ luận cứ khoa học về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.
- Khảo sát thực tế, nghiên cứu, phân tích làm rõ thực trạng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản thời gian từ năm 2013 đến 2022 nhằm làm rõ những hạn chế, thiếu sót và xác định nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.
- Xác định những yêu cầu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận án tập trung nghiên cứu những vấn đề sau:

- Lý luận, thực tiễn thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

- Quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

- Một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Về nội dung*: Luận án nghiên cứu về lý luận, pháp lý và thực tiễn thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân đối với tội Tham ô tài sản trong các giai đoạn tố tụng hình sự (luận án không nghiên cứu các trường hợp do Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố). Trên cơ sở tiến hành đánh giá thực tiễn về hạn chế, vướng mắc sẽ đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

- *Về không gian*: Nghiên cứu về thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân các cấp đối với tội Tham ô tài sản trên phạm vi toàn quốc (không bao gồm Viện kiểm sát quân sự); trong đó, tập trung vào Viện kiểm sát cấp tỉnh và cấp huyện của một số địa phương như tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về thời gian*: Số liệu dùng để phân tích, đánh giá thực trạng trên phạm vi toàn quốc được thu thập từ năm 2013 đến năm 2022.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu cụ thể

- *Phương pháp luận*: Luận án nghiên cứu dựa trên phương pháp biện chứng duy vật của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật; các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm, trong đó có tội Tham ô tài sản. Luận án cũng được thực hiện trên cơ sở cách tiếp cận đa ngành, liên ngành khoa học xã hội, đặc biệt là lý luận của khoa học luật hình sự, luật tố tụng hình sự...

- *Phương pháp nghiên cứu cụ thể*: Để đạt được mục đích nghiên cứu, luận án đã được sử dụng tổng thể các phương pháp nghiên cứu sau đây: Quy

nạp, diễn giải, phân tích, hệ thống hoá, thống kê, tổng hợp, so sánh, khảo sát thực tiễn, tình huống thực tiễn và trao đổi với Kiểm sát viên có kinh nghiệm.

Phương pháp hệ thống hoá, phân tích, tổng hợp, so sánh được sử dụng để nghiên cứu tổng quan về những công trình khoa học liên quan tại chương 1.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, quy nạp, được sử dụng nghiên cứu các vấn đề tại chương 2 nhằm làm rõ vấn đề lý luận liên quan đến thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong tố tụng hình sự, dấu hiệu pháp lý của tội Tham ô tài sản.

Phương pháp phân tích, thống kê, so sánh, khảo sát, tình huống thực tiễn, trao đổi trực tiếp với những Kiểm sát viên để nghiên cứu, đánh giá thực trạng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, qua đó xác định những kết quả, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế tại chương 3.

Phương pháp phân tích, tổng hợp, hệ thống, diễn giải được sử dụng tại chương 4 để làm rõ những, yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

5. Những đóng góp mới của Luận án

Đây là công trình nghiên cứu có hệ thống và tương đối đầy đủ, toàn diện về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian hiện nay.

- Luận án đã nghiên cứu về lý luận và cơ sở quy định của pháp luật về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố đến giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án.

- Xác định những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

- Luận án góp phần bổ sung cơ sở về lý luận và thực tiễn để thực hiện việc sửa đổi, bổ sung một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Tương trợ tư pháp và các văn bản hướng dẫn pháp luật có liên quan đến thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

- Luận án đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian tới.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của Luận án

Ý nghĩa khoa học: Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần hoàn thiện lý luận và cơ sở quy định của pháp luật, từ đó giúp nhận thức thống nhất về quy định pháp luật trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

Ý nghĩa thực tiễn: Luận án có thể dùng làm tài liệu để tham khảo trong các chương trình đào tạo cho Kiểm sát viên về kỹ năng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản. Ngoài ra, nếu vận dụng đồng bộ các giải pháp đã được đề xuất trong luận án sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản tại các đơn vị của ngành Kiểm sát nhân dân.

7. Kết cấu Luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, bảng phụ lục. Luận án được kết cấu thành 04 chương như sau:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu

Chương 2: Những vấn đề lý luận và pháp luật về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Chương 3: Thực trạng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Chương 4: Yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian tới.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

1.1. Tình hình nghiên cứu nước ngoài

TS. Ngô Phi Phi (2014), “*Chế độ kiểm sát Trung Quốc*”, Học viện Kiểm sát quốc gia Trung Quốc. Chế độ Kiểm sát Trung Quốc xây dựng trên cơ sở thể chế chính trị phù hợp với truyền thống văn hoá, môi trường và đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội Nhà nước Trung Quốc. Những đặc điểm chủ yếu của chế độ Kiểm sát Trung Quốc bao gồm: Cơ quan Kiểm sát là cơ quan cấp Nhà nước trực thuộc Đại hội đại biểu Nhân dân Trung Quốc, ngang cấp với cơ quan hành chính và cơ quan xét xử, có vị trí pháp luật độc lập; Cơ quan Kiểm sát là cơ quan giám sát pháp luật của Nhà nước; thông qua việc thực hiện chức năng điều tra tội phạm chức vụ, thực hành quyền công tố và giám sát tố tụng; Cơ quan Kiểm sát thực hiện chế độ phụ trách trong hệ thống, Viện kiểm sát (VKS) cấp trên lãnh đạo VKS cấp dưới. Quyền công tố là đặc quyền của cơ quan Kiểm sát được Nhà nước quy định, đại diện Nhà nước thực hành quyền công tố, yêu cầu Toà án tiến hành xét xử, góp phần đảm bảo hành vi vi phạm được xử lý theo đúng quy định của Nhà nước. Quyền công tố của cơ quan Kiểm sát được thể hiện bằng những nhiệm vụ sau: Thẩm tra, ra quyết định khởi tố, quyết định không khởi tố và kháng nghị... những nhiệm vụ này cũng là chức năng và thẩm quyền cơ bản của cơ quan Kiểm sát, là một trong những biện pháp quan trọng để cơ quan Kiểm sát có thể thực hiện chức năng, nhiệm vụ giám sát việc tuân theo pháp luật [29]. Tác phẩm trên đã giúp tác giả biết được tổng thể về vị trí, bộ máy, chức năng, nhiệm vụ và cách thức hoạt động của VKS Trung Quốc, đây là những kiến thức hữu ích, có thể nghiên cứu vận dụng những nội dung phù hợp đối với quá trình xây dựng, hoàn thiện quy định pháp luật Việt Nam về tổ chức, chức năng của Viện kiểm sát nhân dân (VKSND).

Cuốn sách “*EU Criminal Justice: Fundamental Rights, Transnational Proceedings and the European Public Prosecutor's Office*” (Tạm dịch: *Tư*

pháp hình sự Châu Âu: Quyền cơ bản, thủ tục xuyên quốc gia và Văn phòng công tố viên Châu Âu) của các tác giả Tommaso Rafaraci, Rosanna Belfiore (năm 2019, Nhà xuất bản Springer International Publishing). Tác giả nghiên cứu công lý hình sự Châu Âu từ ba quan điểm. Đầu tiên liên quan đến các quyền cơ bản khi thông qua chỉ thị củng cố quyền lợi tố tụng của nghi phạm và bị cáo trong tố tụng hình sự quốc gia, tại các thành viên liên minh Châu Âu (EU) để tạo thuận lợi cho hợp tác tư pháp. Quan điểm thứ hai liên quan đến điều tra và tố tụng hình sự xuyên quốc gia, được coi là một mặt cắt ngang của tình trạng hợp tác tư pháp hiện nay trong lĩnh vực an ninh và công lý, với vấn đề liên quan về hiệu quả, phối hợp, giải quyết xung đột quyền tài phán. Quan điểm thứ ba liên quan đến sự phát triển của một hệ thống tư pháp quốc gia với sự hoạt động của Văn phòng Công tố viên Châu Âu [79]. Qua nghiên cứu tác phẩm, Nghiên cứu sinh (NCS) đã tiếp cận với những kiến thức hữu ích để tham khảo hoàn thiện Luận án như: Quyền lợi của người bị tình nghi và bị cáo khi tham gia tố tụng hình sự; về hoạt động điều tra, thu thập chứng cứ làm rõ hành vi phạm tội, đặc biệt là các tội phạm xuyên quốc gia. Đồng thời, giúp cho NCS hiểu được quá trình phát triển cùng những chức năng đặc thù của Văn phòng Công tố viên Châu Âu.

L. H. Erkelens, A.W.H. Meij, M. Pawlik (năm 2015, Nhà xuất bản **Intersentia**), “*The European Public Prosecutor’s Office*” (Tạm dịch: *Văn phòng Công tố viên Châu Âu*). Cuốn sách cung cấp nền tảng lý luận về Cơ quan công tố ở Châu Âu, theo đó, Cơ quan Công tố này được ủy thác quyền lực tư pháp sâu rộng trong điều tra và truy tố tội phạm. Trong phạm vi giới hạn, hệ thống hợp tác tư pháp giữa các quốc gia thành viên Châu Âu sẽ thay đổi về cơ bản, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của Toà án quốc gia và Văn phòng Công tố. Cuốn sách cũng phân tích các biện pháp để nâng cao chất lượng hoạt động của Cơ quan Công tố [73]. Hơn nữa, nghiên cứu về sự phát triển của Văn phòng Công tố viên Châu Âu còn có tác phẩm “*Shifting Perspectives on the European Public*

Prosecutor's Office” (Tạm dịch: *Quan điểm thay đổi về Văn phòng Công tố viên Châu Âu*) của các tác giả Willem Geelhoed, Leendert H. Erkelens, Arjen W.H. Meij (eds.) (năm 2018, Nhà xuất bản Asser Press). Sách chuyên khảo này đã phân tích xu hướng phát triển; chức năng của Văn phòng Công tố viên Châu Âu trong đấu tranh hành vi vi phạm pháp luật của các nước Liên minh Châu Âu, bao gồm vấn đề luật hình sự và thủ tục tố tụng. Ngoài ra, cuốn sách còn thể hiện sự tác động tích cực của quyền lực công tố đối với một số cơ quan thuộc Liên minh Châu Âu cũng như những tác động lớn đến hệ thống tư pháp hình sự Châu Âu [81]. Qua nghiên cứu 02 tác phẩm trên, NCS nhận thức được những quan điểm khác nhau về hoạt động chức năng của Văn phòng Công tố viên Châu Âu. Trên cơ sở đó, rút ra những kinh nghiệm quý cho thực hiện chức năng của VKSND ở Việt Nam.

Lorena Bachmaier Winter (năm 2018, Nhà xuất bản Springer International Publishing), *“The European Public Prosecutor's Office: The Challenges Ahead”* (Tạm dịch: *Văn phòng công tố viên Châu Âu, Những thách thức*). Sách chuyên khảo nghiên cứu về Văn phòng Công tố viên Châu Âu (EPPO), đây là cơ quan độc lập được giao nhiệm vụ điều tra và truy tố những hành vi phạm tội về gian lận lãi suất tài chính quy định trong luật hình sự. Hoạt động điều tra này chịu sự chi phối của nguyên tắc hợp tác với cơ quan công tố quốc gia. Tác giả đã làm rõ một số thách thức mà cơ quan công tố các quốc gia thành viên sẽ phải đối mặt khi phối hợp giải quyết những tội phạm xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, tác giả cũng phân tích quan điểm của các chuyên gia pháp lý, những người đã tham gia vào cuộc đàm phán để thành lập Công tố viên Châu Âu [74]. Nội dung tác phẩm trên đã giúp NCS hiểu được lý luận trong thực hiện chức năng điều tra, truy tố tội phạm và những khó khăn trong quá trình Công tố viên chứng minh hành vi phạm tội. Đây là những kinh nghiệm quý để xây dựng các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của VKSND nước ta.

Erik Luna; Marianne Wade (năm 2012, Nhà xuất bản Oxford University Press, USA), “*The Prosecutor in Transnational Perspective*” (Tạm dịch: *Công tố viên trong quan điểm xuyên quốc gia*). Sách chuyên khảo phân tích vai trò Công tố viên Mỹ trong hệ thống tư pháp, cho phép cơ quan có thẩm quyền chấp nhận hoặc từ chối truy tố hành vi phạm tội, chọn tội nào để truy tố và quyết định số tội danh sẽ buộc tội. Lựa chọn này, trong số những lựa chọn khác, thực hiện với sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Phân tích những kinh nghiệm có được thông qua những hoạt động của Công tố viên khi giải quyết các vụ án có tính chất xuyên quốc gia. Đồng thời, tác giả đưa ra những lý giải để chứng minh vai trò Công tố viên thể hiện sự giao thoa của công lý hình sự với những hậu quả pháp lý và kinh tế xã hội [71]. Đây là tác phẩm có giá trị về mặt thực tiễn, cuốn sách đã chuyển tải các kinh nghiệm đối với quá trình giải quyết vụ án về tội phạm xuyên quốc gia; điều kiện cần và đủ cũng như thủ tục thực hiện việc lựa chọn truy tố. Qua đó, xác định những ưu điểm, hạn chế trong thực hiện chế định lựa chọn truy tố. Đây là tài liệu giá trị có thể nghiên cứu để xây dựng các quy định pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam và chế định truy tố tùy nghi.

Shawn Marie Boyne (năm 2014, Nhà xuất bản Springer Berlin Heidelberg), “*The German Prosecution Service: Guardians of the Law?*” (Tạm dịch: *Cơ quan công tố Đức: Những người bảo vệ luật pháp?*). Thông qua trình bày việc sử dụng dữ liệu được thu thập từ các cuộc phỏng vấn với chính Công tố viên nước Đức, sách chuyên khảo phân tích những hạn chế trong khả năng tìm kiếm khách quan sự thật đối với hành vi phạm tội của Công tố viên nước Đức. Cuốn sách đã đánh giá nghiêm túc các nghiên cứu trước đây về thực tiễn truy tố của Cơ quan công tố Đức và cung cấp cho độc giả góc nhìn về thực tiễn ra quyết định và văn hóa dịch vụ truy tố của Cơ quan công tố Đức. Cuốn sách luận giải về vị trí, thể chế cũng như cách thức hoạt động của Công tố viên điều tra và truy tố tội phạm ở Đức [78]. Đây là những lý luận, tư tưởng lập pháp có những ưu điểm trong đấu tranh, giải

quyết các hành vi phạm tội. Đây là những thông tin có giá trị tham khảo để hoàn thiện đề tài Luận án.

David Hricik, Mercedes Meyer (năm 2009, Nhà xuất bản Oxford University Press), “*Patent Ethics Prosecution*” (Tạm dịch: *Truy tố theo nguyên tắc rõ ràng*). Các tác giả phân tích hoạt động Công tố cần phải thực hiện theo những nguyên tắc nhất định. Bằng cách cung cấp quy tắc và luật án lệ có liên quan, pháp luật cho phép Công tố viên xác định các vấn đề về nguyên tắc và giải quyết hiệu quả nhất khi tội phạm xảy ra. Công tố có vai trò quan trọng đảm bảo hoạt động buộc tội đối với tội phạm được thực hiện đúng theo quy định. Bài viết cũng thể hiện chuyên môn và chất lượng kinh nghiệm của chính tác giả trong việc truy tố theo nguyên tắc này [70]. Tác phẩm đã truyền tải nhiều kiến thức hữu ích về nguyên tắc phải tuân theo trong hoạt động truy tố. Đây là tác phẩm có giá trị tham khảo đối với NCS trong quá trình viết về lý luận của đề tài.

Peter J. Henning, Lee Radek (năm 2011, Nhà xuất bản Oxford University Press, USA), “*The Prosecution and Defense of Public Corruption: The Law and Legal Strategies*” (Tạm dịch: *Công tố và đấu tranh tham nhũng công: Luật pháp và chiến lược pháp lý*). Sự phân tích toàn diện về áp dụng pháp luật chống tham nhũng tại Hoa Kỳ. Các tác giả phân tích những quy định khác nhau của pháp luật có thể được sử dụng để truy tố quan chức Chính phủ ở tất cả cấp chính quyền; thảo luận về cách phát triển chiến lược pháp lý phù hợp để truy tố trong các trường hợp này, bao gồm: Vấn đề thu thập bằng chứng, đặc quyền, hoạt động tại phiên tòa và kết án [75]. Cuốn sách đã đánh giá khá toàn diện về bức tranh giải quyết tội phạm tham nhũng ở Hoa Kỳ; đồng thời cung cấp những phương pháp điều tra, truy tố có hiệu quả đối với những hành vi tham nhũng có tính chất phức tạp của quan chức Chính phủ Hoa Kỳ.

Ngoài những công trình trên, còn có các tác phẩm như: “*Corruption, Global Security, and World Order*” (Tạm dịch: *Tham nhũng, an ninh toàn cầu*

và trật tự thế giới) của tác giả Robert I. Rotberg (năm 2009, Nhà xuất bản Brookings Institution Press); sách tham khảo “*Anti-Corruption Evidence: The Role of Parliaments in Curbing Corruption*” (Tạm dịch: *Bằng chứng chống tham nhũng: Vai trò của Quốc hội trong chống tham nhũng*), của các tác giả Rick Stapenhurst, Rasheed Draman, Brooke Larson, Anthony Staddon (năm 2020, Nhà xuất bản Springer International Publishing). Các công trình này phân tích về vai trò và sự giám sát của Quốc hội đối với việc kiểm chế tham nhũng ở nước đang phát triển. Đồng thời, đánh giá khó khăn và đưa ra khuyến nghị có thể làm giảm và tiến tới loại trừ các mối đe dọa của tham nhũng đối với an ninh toàn cầu [76, 77].

Như vậy, những công trình nghiên cứu ở nước ngoài liên quan đến luận án có đề cập đến vấn đề về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công tố (VKS) và đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đây là các công trình có giá trị, giúp cho NCS nhận thức tổng quát về chức năng của cơ quan Công tố nhiều nước trên thế giới, từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam về thực hành quyền công tố (THQCT) đối với tội Tham ô tài sản.

1.2. Tình hình nghiên cứu trong nước

1.2.1. Nhóm công trình nghiên cứu về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát và đấu tranh với tội phạm về tham nhũng, đặc biệt là tội Tham ô tài sản

- Nhóm công trình nghiên cứu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát nhân dân

Về chức năng, nhiệm vụ của Viện kiểm sát, trong đó có chức năng thực hành quyền công tố (THQCT) đã được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu ở nhiều công trình với góc độ khác nhau. Có thể đề cập đến một số công trình nghiên cứu như sau:

Đề tài khoa học cấp bộ “*Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn*

điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị” do TS. Lê Hữu Thể chủ nhiệm (năm 2004). Tác giả đã phân tích cụ thể về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của VKSND trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự; đồng thời, phân tích những yêu cầu của tiến trình cải cách tư pháp theo nội dung Nghị quyết 08 NQ/TW của Bộ Chính trị. Trên cơ sở đó, tác giả làm rõ định hướng đổi mới và hoạt động cần thiết của VKS khi thực hiện chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự [41]. Nghiên cứu đề tài trên giúp NCS nhận thức được những kiến thức về nội dung THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật đối với vụ án hình sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2003. Đồng thời, NCS biết được yêu cầu của tinh thần cải cách tư pháp, trên cơ sở đó, có những định hướng trong nghiên cứu hoàn thiện Luận án, đặc biệt là về giải pháp nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Sách chuyên khảo *“Thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra”* do TS. Lê Hữu Thể chủ biên (năm 2008), sách đã đề cập các quan điểm và lý luận về quyền công tố, THQCT, hoạt động tư pháp và kiểm sát các hoạt động tư pháp. Đồng thời phân tích về chức năng, nhiệm vụ của VKS khi THQCT và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự [42]. Nội dung sách chuyên khảo đã phân tích nên đã giúp NCS hiểu rõ hơn về các nội dung thuộc chức năng THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự. Đây là nền tảng để NCS trình bày, đánh giá về chức năng, nhiệm vụ của VKS trong Luận án.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2012), *“Viện kiểm sát nhân dân trong tiến hành cải cách tư pháp”*. Sách đã tập hợp các bài viết của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và VKSND tối cao về chức năng, nhiệm vụ của VKS và yêu cầu việc xây dựng ngành Kiểm sát nhằm đảm bảo trách nhiệm trong công tác bảo vệ Đảng, Nhà nước... Nâng cao trách nhiệm của VKS khi THQCT, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong tiến trình cải cách tư pháp nhằm không bỏ lọt tội phạm

và làm oan người vô tội [56]. Đây là nguồn tài liệu có giá trị, truyền tải quan điểm của Đảng và Nhà nước về chức năng và nhiệm vụ của VKSND trong tiến trình cải cách tư pháp. Giúp NCS nhận thức đầy đủ hơn vấn đề này và đánh giá được yêu cầu cần phải nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của VKS.

Sách chuyên khảo *“Một số vấn đề tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp”* của tác giả TS. Nguyễn Hải Phong (năm 2014). Sách chuyên khảo đã phân tích khái niệm, nội dung và đặc điểm hoạt động công tố. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra vụ án hình sự. Công tố giữ vai trò chủ đạo, định hướng và giải quyết những vấn đề quan trọng trong quá trình điều tra vụ án hình sự [30]. Qua nghiên cứu cuốn sách này, giúp NCS nhận thức tương đối về thực hiện trách nhiệm công tố và hiểu hơn về hoạt động công tố góp phần giúp cho các hoạt động điều tra vụ án hình sự có hiệu quả, làm rõ hành vi phạm tội. Đây là tài liệu giúp NCS định hướng có hiệu quả trong việc trình bày về nội dung THQCT trong giai đoạn điều tra đề tài nghiên cứu.

Luận án Tiến sĩ luật học *“Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay”* do Hoàng Xuân Đàn thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội (năm 2018). Luận án đã nghiên cứu và sơ lược lịch sử hình thành, phát triển về quy định pháp luật đối với THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự. Qua đó, phân tích quy định pháp luật hình sự Việt Nam, cũng như một số nước trên thế giới về THQCT trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự [8]. Luận án đã giúp NCS hiểu được lý luận và quy định pháp luật Việt Nam về THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự cũng như nội dung, quy định về THQCT của pháp luật một số nước trên thế giới. Đây là tài liệu có giá trị, nền tảng để NCS hoàn thành đề tài nghiên cứu liên quan đến lý luận chức năng, nhiệm vụ của VKSND.

Luận án Tiến sĩ luật học “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*” của tác giả Trần Thị Liên thực hiện tại Đại học Luật Hà Nội (năm 2019). Tác giả phân tích toàn diện và có hệ thống vấn đề THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự trên cơ sở nghiên cứu lý luận và đánh giá thực tiễn THQCT của VKSND các cấp, tiếp cận dưới góc độ cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam. Qua đó, luận án đã trình bày một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng THQCT trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án, gồm giải pháp về hoàn thiện quy định pháp luật, đảm bảo số lượng, nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ, nâng cao năng lực quản lý chỉ đạo, phân công, phân nhiệm của VKS, kiện toàn cơ sở vật chất, chế độ đãi ngộ chính sách đối với cán bộ KSV [26].

Các công trình trên đã nghiên cứu chuyên sâu về lý luận và quy định của pháp luật thực định đối với chức năng THQCT trong từng giai đoạn hay toàn bộ quá trình tố tụng. Các công trình này là tài liệu tham khảo có giá trị, giúp NCS tiếp cận nhiều góc độ nghiên cứu khác nhau về lý luận cũng như nội dung THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

- *Nhóm công trình nghiên cứu tội phạm về tham nhũng, trong đó gồm tội Tham ô tài sản*

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2007), “*Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong Bộ luật Hình sự Việt Nam*”. Sách chuyên khảo đã phân tích chi tiết, cụ thể về tham nhũng và các yếu tố cấu thành tội phạm của nhóm tội phạm về tham nhũng, trong đó có tội Tham ô tài sản [54]. Qua nghiên cứu cuốn sách, NCS nhận thức đầy đủ hơn về yếu tố cấu thành các tội phạm về tham nhũng; đồng thời, hiểu hơn về yếu tố đặc trưng của mỗi loại tội phạm, trên cơ sở đó giúp phân biệt được những tội phạm có hành vi khách quan tương đối giống nhau. Đây là căn cứ xác định nội dung thực hành quyền công tố phù hợp nhằm làm rõ hành vi phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2015), “*Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng*”. Tài liệu hội nghị dựa trên số liệu tội phạm về tham nhũng từ ngày 01/12/2004 đến 31/05/2012, qua nghiên cứu cơ sở phân tích những số liệu này, các tác giả đã đánh giá kết quả đạt được và tồn tại, hạn chế trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng của cơ quan bảo vệ pháp luật. Báo cáo chỉ ra hạn chế cụ thể trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về tham nhũng, bao gồm tội Tham ô tài sản. Báo cáo cũng nêu rõ Ban Cán sự Đảng, Lãnh đạo VKSND tối cao đã chỉ đạo toàn Ngành phối hợp chặt chẽ với Cơ quan điều tra (CQĐT), Tòa án nhằm đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử, nhất là các vụ án tham nhũng phức tạp, kéo dài [58]. Đây là tài liệu có giá trị về mặt thực tiễn, thông qua nghiên cứu những phân tích về số liệu giải quyết tội phạm về tham nhũng, NCS nhận thức khá toàn diện về hoạt động chức năng của cơ quan tiến hành tố tụng (CQTHTT) và tình hình diễn biến của tội phạm về tham nhũng.

PGS. TS. Trần Văn Độ (năm 2019), “*Hoàn thiện pháp luật hình sự đáp ứng yêu cầu phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp*”. Tác giả phân tích một số vấn đề lý luận về vai trò của pháp luật hình sự đối với phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp; đồng thời, làm rõ những bất cập, hạn chế trong quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (BLHS) liên quan đến phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp. Trên cơ sở đó, tác giả có một số kiến nghị hoàn thiện quy định pháp luật về phân chung và phân tội phạm tham nhũng theo quy định BLHS [16]. Qua nghiên cứu bài viết, giúp Nghiên cứu sinh nhận biết được những hạn chế của quy định pháp luật hiện hành đối với yêu cầu phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các hoạt động tư pháp. Đây là nguồn tham khảo có giá trị, NCS tham khảo và tiếp tục nghiên cứu, đánh giá quy định pháp luật làm căn cứ xác định đề xuất nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án về tham nhũng

Luận án Tiến sĩ luật học “*Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*” của tác giả Trần Huy Đức thực hiện tại Học viện Khoa Học Xã hội (năm 2019). Luận án đã làm sáng tỏ vấn đề lý luận về các tội phạm về tham nhũng. Trên cơ sở đó tác giả đã khái quát tình hình diễn biến của các tội phạm về tham nhũng xảy ra tại thành phố Đà Nẵng cũng như phân tích, đánh giá về thực trạng quy định pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật để giải quyết các tội phạm về tham nhũng xảy ra tại Đà Nẵng. Trên cơ sở đó, tác giả trình bày một số giải pháp đảm bảo áp dụng đúng quy định của pháp luật Việt Nam về các tội phạm tham nhũng [17].

TS. Đỗ Đức Hồng Hà (2018), “*Bình luận về Tội tham ô tài sản*”, Tạp chí Kiểm sát số 05/2018. Trên cơ sở phân tích quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội Tham ô tài sản, tác giả đã làm rõ những yếu tố cấu thành của tội phạm, bao gồm: Chủ thể, khách thể, mặt chủ quan, mặt khách quan [18]. Bài viết giúp NCS nhận thức và hiểu kỹ hơn về yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản dưới góc độ nghiên cứu khác nhau, trên cơ sở đó định hình được nội dung cần phải trình bày trong các chương tiếp theo của Luận án.

Các công trình nghiên cứu trên đã đề cập đến tình hình tội phạm về tham nhũng nói chung, tội Tham ô tài sản nói riêng, những vấn đề liên quan đến những quy định pháp luật hình sự và tố tụng hình sự (TTHS) về xử lý đối với tội phạm này. Các công trình này có giá trị tham khảo cho NCS trong quá trình đánh giá tình hình tội Tham ô tài sản và nhận diện được các yếu tố về chứng cứ, tài liệu cần phải có trong quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

1.2.2. Nhóm công trình nghiên cứu đề cập thực trạng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân

Sách chuyên khảo, “*Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*” của tác giả TS. Dương Thanh Biểu, xuất bản năm 2007, đã tập trung làm rõ khái niệm, vị trí, vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn VKS trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, bản chất THQCT tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Tác giả đề cập đến kỹ năng

cần phải thực hiện để Kiểm sát viên (KSV) tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm vụ án hình sự đạt hiệu quả như: Kỹ năng nghiên cứu hồ sơ vụ án chuẩn bị tham gia phiên tòa; kỹ năng nghiên cứu tài liệu, chứng cứ (lời khai, biên bản khám nghiệm, kết luận định giá, kết luận...) kỹ năng xây dựng bản cáo trạng, đề cương xét hỏi, kế hoạch xét hỏi, bản luận tội. Bên cạnh đó, cuốn sách đã phân tích và làm nổi bật tầm quan trọng của kỹ năng xét hỏi, tranh luận và đối đáp của KSV tại phiên tòa [5]. Qua nghiên cứu cuốn sách này, NCS đã nhận biết được tổng quát về THQCT ở giai đoạn xét xử, bao gồm các hoạt động trước và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Đây là những thông tin có giá trị giúp NCS định hướng được trong quá trình hoàn thiện nội dung về đánh giá thực trạng THQCT tại phiên tòa xét xử đối với tội Tham ô tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2011), tài liệu hội thảo *“Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự”*. Bài viết đã phân tích số liệu về vụ án, bị cáo đưa ra xét xử và quyết định kháng nghị từ năm 2008 đến năm 2011. Trên cơ sở đó, đánh giá hiệu quả THQCT, kiểm sát xét xử (KSXX) hình sự đã có chuyển biến mạnh mẽ, tích cực. VKS đã chủ động phối hợp với Tòa án cùng cấp đưa ra xét xử sơ thẩm kịp thời các vụ án hình sự góp phần nâng cao hiệu quả cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Bài viết đánh giá một số ưu điểm trong thực hiện chức năng THQCT như: Việc tham gia xét hỏi, luận tội, tranh luận của KSV tại phiên tòa; đồng thời, phân tích một số thiếu sót của THQCT và KSXX sơ thẩm đó là: Còn truy tố oan, sai và thực hiện chưa đầy đủ các thao tác nghiệp vụ THQCT quy định tại Quy chế Công tác THQCT và KSXX các vụ án hình sự [55].

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2018), chuyên đề *“Thực trạng giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả bản yêu cầu điều tra khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”*. Chuyên đề đã phân tích số liệu cụ thể về việc xây dựng, ban hành bản yêu cầu điều tra của các đơn vị VKS trên toàn quốc trong thời gian từ năm 2016 đến tháng 6/2018, đồng thời phân tích

chất lượng một số bản yêu cầu điều tra cụ thể. Trên cơ sở đó, chuyên đề đã làm rõ những kết quả và hạn chế trong việc xây dựng, ban hành bản yêu cầu điều tra, nội dung THQCT của VKS. Chuyên đề đã đánh giá chi tiết về kết quả đạt được và những hạn chế cùng nguyên nhân trong xây dựng bản yêu cầu điều tra [60]. Đây là những nội dung hữu ích giúp NCS có nhiều góc nhìn khác nhau về kỹ năng xây dựng bản yêu cầu điều tra, đồng thời nhận thức được các điều kiện cần phải có đối với KSV để xây dựng bản yêu cầu điều tra chi tiết, làm rõ được tình tiết vụ án về tội Tham ô tài sản. Trên cơ sở đó hoàn thiện nội dung THQCT trong giai đoạn điều tra đối với tội Tham ô tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2020), chuyên đề *“Kỹ năng, kinh nghiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ”*. Trên cơ sở thống kê và phân tích số liệu vụ án mà VKS đã thụ lý THQCT và kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm từ năm 2015 đến năm 2019, chuyên đề đánh giá kết quả đạt được, đồng thời nhấn mạnh đến những hạn chế và cũng như nguyên nhân của hạn chế trong THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với quá trình giải quyết vụ án về tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ [62]. Đây là chuyên đề nghiên cứu về kỹ năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với nhóm tội phạm về tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ. Nội dung chuyên đề đã phân tích đánh giá và làm rõ những đặc trưng THQCT đối với nhóm tội phạm về tham nhũng. Do đó, đây là tài liệu tham khảo giá trị, cung cấp cho NCS dữ liệu để hoàn thành Luận án.

Luận án Tiến sĩ luật học *“Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An”* của tác giả Tôn Thiện Phương (năm 2017) thực hiện tại Học viện Khoa học xã hội. Luận án đã nghiên cứu về lý luận và lịch sử lập pháp về THQCT trong tố tụng hình sự Việt Nam, đồng thời qua nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự (TTHS) về THQCT đối với vụ án hình

sự. Tác giả đã phân tích và so sánh số liệu về THQCT đối với những vụ án hình sự do VKSND hai cấp thuộc tỉnh Nghệ An thụ lý với số liệu toàn quốc và một số tỉnh, thành phố như Hà Nội, Thanh Hoá. Qua đó, đánh giá về kết quả và hạn chế cùng nguyên nhân trong THQCT của VKS hai cấp tỉnh Nghệ An [31]. Qua tham khảo Luận án, NCS định hình được nội dung cần trình bày về thực trạng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Những công trình nghiên cứu trên đây đã đề cập đến thực trạng THQCT trong các giai đoạn TTHS. Trong đó, các tác phẩm hầu hết đều tập trung đánh giá về kết quả đạt được; hạn chế, thiếu sót và xác định nguyên nhân của hạn chế, thiếu sót. Các công trình này có giá trị tham khảo cho NCS trong quá trình đánh giá và phân tích thực trạng về THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

1.2.3. Nhóm công trình nghiên cứu đề cập tới định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với vụ án hình sự và tội phạm về tham nhũng

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2011), chuyên đề “*Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự*”. Để nâng cao chất lượng THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án hình sự, tài liệu đã đưa ra một số giải pháp sau: *Thứ nhất*, nắm vững, thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án hình sự. Trước hết là nhận thức đầy đủ, thống nhất về nội dung và tinh thần quy định của BLTTHS, Luật Tổ chức VKSND và Quy chế công tác THQCT và KSXX vụ án hình sự. *Thứ hai*, thường xuyên giáo dục ý thức trách nhiệm, trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức cho KSV. Mỗi cán bộ, KSV phải luôn nắm vững chủ trương Nghị quyết của Đảng trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm. *Thứ ba*, phải nâng cao chất lượng THQCT, kiểm sát điều tra vụ án hình sự. Các chứng cứ thu thập được ở giai đoạn điều tra đầy đủ sẽ là điều kiện thuận lợi cho Kiểm sát viên THQCT và KSXX sơ thẩm vụ án hình sự. *Thứ tư*, sắp xếp lại tổ chức, cán bộ, bố trí KSV có năng lực và kinh nghiệm để THQCT và KSXX thẩm vụ án

hình sự. *Thứ năm*, xây dựng mối quan hệ phối hợp giữa VKS với Toà án cùng cấp và với các cơ quan, tổ chức, đơn vị vũ trang nhân dân trên cơ sở các chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật. *Thứ sáu*, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phục vụ cho THQCT và KSXX vụ án hình sự. Từng bước xây dựng trụ sở làm việc của cơ quan tư pháp kháng trang, hiện đại, đầy đủ tiện nghi; tăng cường áp dụng công nghệ thông tin [55]. Tác phẩm này đã nghiên cứu khá toàn diện về nội dung THQCT trong giai đoạn xét xử vụ án hình sự, đặc biệt là những giải pháp nâng cao chức năng THQCT. Đây là những thông tin giá trị giúp NCS định hướng trong quá trình hoàn thiện Luận án về đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao (năm 2014), chuyên đề “*tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp*”. Chuyên đề đã nghiên cứu một số vấn đề về lý luận, nguyên tắc và hoạt động tranh tụng trong xét xử vụ án hình sự theo yêu cầu cải cách tư pháp, đồng thời đánh giá thực trạng hoạt động tranh tụng của KSV tại phiên toà. Trên cơ sở xác định kết quả, hạn chế, đặc biệt là những nguyên nhân của hạn chế trong hoạt động tranh luận của KSV, chuyên đề đã đề xuất một số kiến nghị và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại phiên toà như: Hoàn thiện quy định pháp luật, tăng cường công tác đào tạo về kiến thức và kỹ năng tranh tụng...[57]. Chuyên đề đã giúp NCS nhận thức được chi tiết về THQCT tại phiên toà, đó là hoạt động tranh tụng của KSV cũng như các giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp. Qua đó, giúp NCS tham khảo để hoàn thành đề tài nghiên cứu.

Nguyễn Thị Hương (năm 2019), “*Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các vụ án tham ô tài sản*”, Tạp chí Kiểm sát số 04 tháng 02/2019. Qua khẳng định hoạt động công tố không thể tách rời các hoạt động điều tra, tác giả đã phân tích trách nhiệm công tố trong các hoạt động điều tra: khởi tố vụ án, khởi tố bị can về Tội tham ô tài sản, đề ra yêu cầu điều tra,

trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn... Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra như nhận thức của KSV; nâng cao chất lượng khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản; nghiên cứu kỹ hồ sơ vụ án, chủ động bám sát các hoạt động điều tra [20].

Nguyễn Đức Bằng (2017), *“Một số giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng”*, Thông tin khoa học kiểm sát tập 05/2017 [1]. Tác giả phân tích quy định pháp luật, đánh giá những kết quả đạt được, đưa ra hạn chế cùng những nguyên nhân của hạn chế đối với công tác thu hồi tài sản tham nhũng trong công tác THQCT và kiểm sát điều tra các tội phạm tham nhũng. Trên cơ sở đó, tác giả đưa ra một số giải pháp đảm bảo thu hồi tài sản trong công tác này như: hoàn thiện cơ chế, chính sách và pháp luật; đề cao tinh thần trách nhiệm, kiểm sát chặt chẽ ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm.

TS. Lê Minh Long (2020), *“Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm”*, Tạp chí Kiểm sát số 01/2020. Trên cơ sở đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế về trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra. Tác giả trình bày một số giải pháp thực hiện tốt hơn trách nhiệm này như: Tăng cường thanh tra đột xuất, thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo của lãnh đạo đối với công tác THQCT; tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn, gắn chặt hơn với CQĐT trong quá trình THQCT... [24]. Đây là những giải pháp hữu ích, có giá trị tham khảo đối với NCS trong quá trình nghiên cứu giải pháp của đề tài luận án.

TS. Nguyễn Huy Tiến (2019), *“Kinh nghiệm và bài học trong giải quyết các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp”*, Tạp chí Kiểm sát số 06/2019 [43]. Qua đánh giá và phân tích các tình tiết, chứng cứ các

các vụ án tham ô tài sản cụ thể đã xảy ra như vụ án Đinh La Thăng, xảy ra tại Tổng Công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam, vụ án Trịnh Xuân Thanh tại Công ty cổ phần bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam... tác giả đã trình bày và phân tích về các kinh nghiệm đánh giá chứng cứ, cách thức chọn điểm đột phá và nội dung để đề ra các yêu cầu điều tra làm rõ hành vi phạm tội. Đây là nội dung tham khảo quan trọng, giúp NSC có thêm thông tin để đề xuất các giải pháp về nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Tóm lại, những công trình nghiên cứu trong nước liên quan đến luận án mà NCS tiếp cận, có nhiều công trình đưa ra cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng THQCT trong từng giai đoạn hoặc toàn bộ quá trình TTTHS. Một số công trình phân tích, chỉ rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của VKSND khi THQCT. Nhìn chung, do cách thức tiếp cận và phạm vi nghiên cứu khác nhau, chưa có công trình nào nghiên cứu trực tiếp vào vấn đề THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Tuy nhiên, các công trình này có giá trị tham khảo trong quá trình NCS làm rõ lý luận và thực tiễn THQCT đối với tội Tham ô tài sản, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền hiện nay.

1.3. Đánh giá tình hình nghiên cứu

Trên cơ sở tập hợp một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài và trong nước liên quan đến luận án, tác giả có một số nhận xét, đánh giá như sau:

Với sự phát triển của khoa học về hình sự, có nhiều công trình nghiên cứu lý luận về chức năng THQCT của Cơ quan Công tố/VKS và hình thành nên một hệ thống tương đối hoàn thiện. Mặc dù mức độ tác động của Cơ quan Công tố trong THQCT vụ án hình sự ở mỗi nước tuy có khác nhau nhưng cũng chỉ thể hiện dưới các góc độ sau: Cơ quan Công tố/VKS trực tiếp chỉ đạo hoạt động điều tra vụ án hình sự hoặc Cơ quan điều tra tiến hành và quyết định các hoạt động điều tra trong quá trình điều tra, sau khi kết thúc điều tra chuyển hồ sơ sang Cơ quan Công tố/VKS quyết định đề truy tố hoặc miễn tố; một số quốc gia kết hợp hoạt động điều tra và công tố song song với nhau, hai chức năng này phối hợp

và chế ước lẫn nhau trong quá trình chứng minh hành vi phạm tội. Những công trình nghiên cứu lý luận, thực trạng về chức năng của cơ quan Công tố/VKS mà NCS tiếp cận là những công trình nghiên cứu lý luận chuyên sâu, trong đó có nhiều nội dung lý luận làm nền tảng nghiên cứu đối với luận án của NCS, như quan điểm về quyền công tố; đối tượng, phạm vi và nội dung THQCT.

Các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước mà NCS tiếp cận, hầu hết không nghiên cứu trực diện vào THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Đa phần các công trình nghiên cứu phân tích, đánh giá về lý luận và thực trạng THQCT đối với vụ án hình sự nói chung hoặc đối với nhóm tội về tham nhũng nói riêng. Bên cạnh đó, các công trình này chỉ đề cập tới các khuyến nghị hoặc giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả đấu tranh tội phạm, nâng cao chất lượng THQCT vụ án hình sự nói chung hoặc nhóm tội phạm về tham nhũng nói riêng. Đây là những công trình nghiên cứu có giá trị tham khảo, đặc biệt là những công trình nghiên cứu trong nước, giúp NCS có cách nhìn tổng quát trong quá trình thực hiện luận án; đồng thời, đây cũng là cơ sở nền tảng để xây dựng, hoàn thiện về lý luận, thực trạng và đề xuất một số giải pháp nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản. NCS có thể kế thừa kết quả nghiên cứu của các công trình này và phát triển thêm trong quá trình thực hiện luận án.

Mặc dù hệ thống lý luận, thực trạng và các giải pháp về THQCT đã được xây dựng khá hoàn thiện và được đề cập đến trong nhiều công trình nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, trong các công trình mà NCS tiếp cận thì chưa có một công trình nào nghiên cứu về lý luận, thực trạng, cũng như định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Do đó, yêu cầu cần thiết đặt ra chính là quá trình nghiên cứu luận án tiếp tục làm rõ vấn đề về lý luận, đánh giá thực trạng những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế để làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống các giải pháp, kiến nghị nhằm tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

1.4. Những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

Thứ nhất, về lý luận: Cần làm rõ vấn đề lý luận về THQCT đối với tội Tham ô tài sản, đây là vấn đề mà các công trình nghiên cứu NCS có điều kiện tiếp cận chưa đề cập. Do đó, trong quá trình thực hiện luận án, NCS phải làm rõ, xây dựng và hoàn thiện vấn đề lý luận, trong đó tập trung vào vấn đề cụ thể là: Khái niệm, đặc điểm, cơ sở pháp lý, hình thức, nội dung và yếu tố ảnh hưởng.

Thứ hai, về thực tiễn: Cần đánh giá thực trạng THQCT đối với tội Tham ô tài sản trên phạm vi cả nước từ năm 2013 đến năm 2022 và VKSND Tối cao cũng như VKSND cấp tỉnh, cấp huyện của một số địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Lâm Đồng từ năm 2019 đến năm 2022. Trên cơ sở đó làm rõ về những kết quả, hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót.

Thứ ba, về định hướng, giải pháp: Qua đánh giá thực trạng công tác THQCT đối với tội Tham ô tài sản trong phạm vi toàn quốc từ năm 2013 đến năm 2022, đồng thời trên cơ sở chính sách pháp luật hình sự và tình hình kinh tế - xã hội có liên quan cần đưa ra các định hướng, giải pháp nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

1.5. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

1.5.1 Giả thuyết nghiên cứu

Thứ nhất, về lý luận thực hành quyền công tố:

- Lý luận về THQCT đối với tội Tham ô tài sản được xây dựng dựa trên lý luận về chức năng nhiệm vụ của VKS trong giải quyết tội phạm.

- Thực hiện có hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản có ý nghĩa không chỉ trong đấu tranh với tội Tham ô tài sản mà còn có ý nghĩa nhiều mặt về chính trị - kinh tế - xã hội.

- Thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản phải dựa trên cơ sở lý luận, pháp lý nhất định.

- Nội dung THQCT đối với tội Tham ô tài sản được thể hiện cụ thể trong từng giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử.

- Thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản phải dựa trên những nguyên tắc có tính đặc thù.

Thứ hai, về thực trạng THQCT đối với tội Tham ô tài sản:

- Tình hình tội Tham ô tài sản trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2022 diễn ra phức tạp, đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho việc điều tra, truy tố, xét xử. Điều này đòi hỏi THQCT phải được quan tâm nâng cao chất lượng.

- Thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian qua đã đạt được kết quả đáng chú ý, tuy vậy vẫn còn nhiều hạn chế, thiếu sót.

- Những hạn chế, thiếu sót trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có những nguyên nhân bắt nguồn từ hạn chế của quy định pháp luật; từ năng lực, trình độ của một số cán bộ, KSV được phân công thực hiện THQCT.

Thứ ba, về yêu cầu và giải pháp THQCT đối với tội Tham ô tài sản:

- Việc nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản cần đáp ứng một số yêu cầu: Xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, chống tội phạm, bảo vệ quyền con người, hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế...

- Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung một số quy định của pháp luật nhằm đảm bảo hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

- Phải tăng cường nhận thức, trách nhiệm KSV khi THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

- Đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp giữa VKS với cơ quan liên quan trong giải quyết vụ án Tham ô tài sản

1.5.2. Câu hỏi nghiên cứu

Thứ nhất, câu hỏi đặt ra về những vấn đề lý luận:

- Dấu hiệu pháp lý và những vấn đề cần chứng minh đối với tội Tham ô tài sản?

- Thế nào là THQCT đối với tội Tham ô tài sản?
- Đặc điểm, yếu tố ảnh hưởng đến THQCT đối với tội Tham ô tài sản?
- Ý nghĩa, hình thức, nội dung THQCT đối với tội Tham ô tài sản?
- Quy định của pháp luật hiện nay về THQCT?
- Mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Thứ hai, câu hỏi đặt ra về thực trạng THQCT đối với tội Tham ô tài sản

- Thực trạng THQCT đối với tội Tham ô tài sản từ năm 2013 đến 2022 như thế nào? Đã đạt được những kết quả và còn hạn chế, thiếu sót nào?

- Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản?

Thứ ba, câu hỏi về đề ra các yêu cầu và giải pháp nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản:

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản cần dựa trên những yêu cầu nào?
- Cần có những giải pháp cụ thể nào để nâng cao chất lượng và hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian tới?
- Có cần sửa đổi quy định pháp luật nào không để đảm bảo thực hiện chức năng THQCT của VKSND đối với tội Tham ô tài sản.

Tiểu kết chương 1

Qua đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu có liên quan đến hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, cho thấy đã có các công trình nghiên cứu, bài viết của một số tác giả trong và ngoài nước tiếp cận nghiên cứu ở nhiều góc độ khác nhau về cơ quan công tố/Viện kiểm sát cũng như chức năng của cơ quan này, đặc biệt là thực hành quyền công tố; đồng thời, các công trình này nghiên cứu về thực hành quyền công tố nói chung hoặc nhóm tội cụ thể nói riêng, trong đó có nhóm tội về tham nhũng. Tuy nhiên, chưa có công

trình nào nghiên cứu trực tiếp về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản dưới góc độ lý luận và thực trạng. Do vậy, nghiên cứu sinh nhận thấy:

- Cần nghiên cứu và xây dựng một cách đầy đủ lý luận về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

- Nghiên cứu về thực trạng hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trên phạm vi toàn quốc, trên cơ sở đánh giá những hạn chế nhằm đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản.

Những khoảng trống về lý luận và thực trạng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản chính là những vấn đề đặt ra mà luận án cần phải tiếp tục nghiên cứu, làm rõ trong quá trình thực hiện luận án. Chính vì vậy, tại chương Tổng quan tình hình nghiên cứu, tác giả cũng đã chỉ rõ những vấn đề cụ thể cần tiếp tục nghiên cứu gắn với vấn đề lý luận, thực trạng và yêu cầu, giải pháp thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản. Bên cạnh đó, để làm cơ sở cho việc nghiên cứu thực hiện đúng mục đích của luận án, nghiên cứu sinh cũng đã xây dựng các giả thuyết, câu hỏi nghiên cứu gắn với từng vấn đề cụ thể về lý luận, thực tiễn, yêu cầu và giải pháp. Tất cả những vấn đề nêu ra sẽ được tác giả nghiên cứu, làm rõ trong các chương tiếp theo của luận án.

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ PHÁP LUẬT VỀ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN

2.1. Những vấn đề lý luận về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

2.1.1. Khái niệm và dấu hiệu pháp lý của tội Tham ô tài sản

2.1.1.1. Khái niệm tội Tham ô tài sản

Tham ô tài sản là hiện tượng gắn liền với xã hội có phân chia giai cấp, có Nhà nước và pháp luật, phát sinh trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Hành vi tham ô tài sản là một trong những hành vi tham nhũng, có thể nói tội Tham ô tài sản là tội phạm điển hình trong nhóm tội phạm về tham nhũng.

Theo quan niệm truyền thống, tham ô tài sản là hành vi của người có chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của công làm của riêng, là việc làm xấu bị xã hội lên án; làm giảm lòng tin của Nhân dân vào bộ máy Nhà nước. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có quan điểm về hành vi tham ô như sau: “*Đứng về phía cán bộ mà nói; tham ô là ăn cắp của công thành của tư; đục khoét của Nhân dân; ăn bớt của bộ đội; tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung, của Chính phủ để làm quỹ riêng cho địa phương mình, đơn vị mình cũng là tham ô*”[14, tr.488].

Theo từ điển Luật học thì “*tham ô là hành vi chiếm đoạt tài sản của cơ quan, tổ chức hoặc công dân của người có chức vụ, quyền hạn thành tài sản riêng của mình*” [3, tr.695].

Trong khi đó, theo quan điểm tổ chức Liên hiệp quốc thì tham ô được hiểu là “*... hành vi của công chức tham ô, biển thủ hoặc chiếm đoạt dưới các hình thức khác cho bản thân hoặc cho người hay tổ chức khác công quỹ hoặc tư quỹ hoặc chứng khoán hay bất cứ thứ gì có giá trị mà công chức này được giao quản lý do địa vị của mình*” [25, tr.14].

Dưới góc độ khoa học hình sự “*tham ô tài sản là hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý*”[30, tr.396].

Từ nội dung trên, có thể thấy mặc dù có nhiều quan điểm khác nhau về tham ô tài sản, tuy nhiên các quan điểm này đều chứa đựng những dấu hiệu đặc trưng chung của tội phạm này đó là lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản. Qua đó, có thể đưa ra khái niệm về tội Tham ô tài sản như sau: “*Tham ô tài sản là hành vi nguy hiểm cho xã hội do người có chức vụ, quyền hạn đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó thực hiện nhằm chiếm đoạt tài sản có giá trị theo quy định Bộ luật Hình sự mà mình có trách nhiệm quản lý, xâm phạm đến uy tín, hoạt động của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài Nhà nước, quyền sở hữu và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, doanh nghiệp*”.

2.1.1.2. Dấu hiệu pháp lý của tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, dấu hiệu về khách thể của tội Tham ô tài sản

Hành vi phạm tội nhằm vào khách thể cụ thể tồn tại bên ngoài và độc lập với ý thức của chủ thể, gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại cho khách thể đó. Luật hình sự Việt Nam khẳng định khách thể bị tội phạm gây thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại là quan hệ xã hội được Nhà nước xác định cần bảo vệ bằng những quy phạm pháp luật hình sự [15, tr.62].

Hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc sự quản lý của người có chức vụ, quyền hạn vừa tác động đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức vừa gây thiệt hại cho chủ sở hữu. Người có chức vụ, quyền hạn thực hiện hành vi trái các nguyên tắc, chính sách, chế độ, hoạt động quản lý tài sản thuộc lĩnh vực công tác, làm ảnh hưởng đến tính minh bạch, hiệu quả và điều kiện đảm bảo cho hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức; gây ra những thiệt hại uy tín về chính trị, tạo dư luận xấu trong xã hội, giảm lòng tin của Nhân dân vào hiệu quả quản lý kinh tế của Nhà nước. Đây chính là khách thể loại của tội Tham ô tài sản.

Mặt khác, hành vi tham ô tài sản cũng tác động đến tài sản mà người

phạm tội có trách nhiệm quản lý. Tài sản này là tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong Nhà nước hoặc ngoài Nhà nước. Hành vi tham ô tài sản chính là chiếm đoạt tài sản, chuyển tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thành của mình, xâm phạm đến quan hệ sở hữu về tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức này. Đây chính là khách thể trực tiếp của tội Tham ô tài sản. Việc chiếm đoạt này thuộc trường hợp đặc biệt đó là tài sản bị chiếm đoạt đang thuộc sự quản lý của người thực hiện hành vi phạm tội, người này có chức vụ, quyền hạn, trách nhiệm quản lý nên có sự chi phối, điều khiển nhất định đối với tài sản, do đó, họ có điều kiện thuận lợi để thực hiện thủ đoạn cần thiết nhằm chiếm đoạt tài sản.

Như vậy, bản chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi tham ô tài sản chỉ được thể hiện đầy đủ khi tác động đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong Nhà nước cũng như ngoài Nhà nước và quan hệ sở hữu.

Thứ hai, dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội Tham ô tài sản

Mặt khách quan của tội phạm là những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan, gồm: Hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội; hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện hành vi phạm tội (thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, thủ đoạn, phương tiện phạm tội...).

- Hành vi khách quan của tội Tham ô tài sản là hành vi chiếm đoạt tài sản mà người có chức vụ, quyền hạn đang quản lý bằng cách lợi dụng chức vụ, quyền hạn đó trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ.

Người phạm tội Tham ô tài sản phải là người có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản, nghĩa là người phạm tội sử dụng quyền hạn được giao do chức trách, nhiệm vụ như là một phương tiện nhằm chuyển tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức thành tài sản của mình.

Nhờ có chức vụ, quyền hạn mà người thực hiện hành vi phạm tội có điều kiện dễ dàng điều khiển, sử dụng tài sản theo đúng mục đích, từ đó nảy sinh

nhu cầu và thực hiện thủ đoạn nhằm chiếm đoạt tài sản thuộc sự quản lý của mình, nếu không có chức vụ hoặc quyền hạn quản lý tài sản thì họ không có khả năng thực hiện hành vi phạm tội. Chủ thể của tội phạm đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn như phương tiện để thực hiện thủ đoạn chiếm đoạt tài sản có liên quan trực tiếp đến chức vụ, quyền hạn của họ. Thủ đoạn có thể được thực hiện bằng nhiều hình thức như công khai, lén lút, gian dối,...

Chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý. Chiếm đoạt tài sản là hành vi chuyển dịch bất hợp pháp tài sản đang thuộc quyền sở hữu của Nhà nước, của tập thể, doanh nghiệp, tổ chức trong Nhà nước cũng như ngoài Nhà nước thành tài sản của mình hoặc của người khác mà mình quan tâm. Mặc dù chuyển dịch được tài sản nhưng người phạm tội không thiết lập được quyền sở hữu đối với tài sản vì việc chuyển dịch tài sản này trái với quy định của pháp luật về cơ sở thiết lập quyền sở hữu tài sản. Có nhiều hình thức khác nhau để thực hiện hành vi chuyển dịch bất hợp pháp tài sản, có thể người phạm tội tự chuyển dịch tài sản (thủ quỹ tự lấy tiền đang quản lý, bảo vệ lấy tài sản của đơn vị...), cũng có trường hợp việc chuyển dịch lại do người khác thực hiện theo lệnh của người phạm tội (Trưởng đơn vị yêu cầu thủ quỹ đưa tiền cho mình, hoặc yêu cầu kế toán thực hiện các thủ tục để chuyển tiền vào tài khoản...). Đối tượng tác động của người thực hiện hành vi tham ô chính là tài sản mà họ đang trực tiếp quản lý, tức là người phạm tội có quyền chiếm hữu hợp pháp đối với tài sản. Người thực hiện hành vi phải lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản thuộc sự quản lý của người này thì mới bị coi là thực hiện hành vi tham ô tài sản.

- Hậu quả của tội Tham ô tài sản trước hết là thiệt hại vật chất (tài sản), bên cạnh đó còn có trường hợp gồm thêm thiệt hại phi vật chất khác, như ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, đường lối của Đảng; dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động. Mỗi quan hệ nhân quả giữa hành vi với hậu quả do hành vi phạm tội gây ra là dấu hiệu bắt buộc

đối với tội Tham ô tài sản, hành vi phạm tội phải là nguyên nhân chính, trực tiếp và có tính tất yếu làm phát sinh hậu quả. Không thể tiến hành truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với hành vi của người có chức vụ, quyền hạn về tội Tham ô tài sản nếu không xác định được mối quan hệ nhân quả giữa hành vi phạm tội của chủ thể và hậu quả do hành vi đó gây ra.

Trong mặt khách quan của tội Tham ô tài sản, các dấu hiệu khác như: Thời gian, địa điểm, hoàn cảnh, công cụ, thủ đoạn, phương tiện phạm tội... không phải là dấu hiệu bắt buộc.

Thứ ba, dấu hiệu về chủ thể của tội Tham ô tài sản

Chủ thể của tội Tham ô tài sản là người có năng lực TNHS, đạt độ tuổi luật định, có chức vụ, quyền hạn liên quan đến tài sản, đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý. Do yếu tố chức vụ, quyền hạn nên chỉ có cá nhân mới là chủ thể của tội Tham ô tài sản. Tuy nhiên không phải người có chức vụ, quyền hạn nào cũng có thể là chủ thể của tội Tham ô tài sản mà người có chức vụ, quyền hạn phải là người có trách nhiệm quản lý tài sản.

Trách nhiệm quản lý tài sản có thể là trách nhiệm phát sinh từ chức vụ, nhiệm vụ cụ thể được giao hoặc có thể phát sinh từ thẩm quyền quản lý chuyên môn, nghiệp vụ về tài chính, kinh tế... Người có trách nhiệm quản lý tài sản có thể là người có trách nhiệm quản lý gián tiếp như: Thủ trưởng cơ quan, giám đốc doanh nghiệp, chủ tài khoản hay là người có quyền quyết định về tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức; hoặc có thể là người được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý tài sản như thủ quỹ, thủ kho, kế toán, người được giao vận chuyển tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức... Trong trường hợp đặc biệt, người tuy không có trách nhiệm quản lý tài sản nhưng được giao nhiệm vụ với sự độc lập trong tiếp cận tài sản và chịu trách nhiệm về tài sản trong một khoảng thời gian nhất định cũng có thể trở thành chủ thể của tội Tham ô tài sản như người bảo vệ được quyền tiếp cận với tài sản, người lái xe chở hàng... Trong

vụ án có đồng phạm, người thực hành nhất thiết phải là người có chức vụ, quyền hạn và có trách nhiệm quản lý tài sản. Người không có chức vụ, quyền hạn, không được giao trách nhiệm quản lý, bảo quản tài sản, hoặc người không thuộc cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của khách thể bị xâm phạm có thể là chủ thể của tội Tham ô tài sản khi họ tham gia thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người tổ chức, xúi giục hoặc giúp sức.

Việc nghiên cứu khái niệm người có chức vụ, quyền hạn phải đặt trong mối quan hệ với cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức ở khu vực công và khu vực tư, bao gồm: người có chức vụ, quyền hạn được hình thành thông qua bổ nhiệm, bầu cử, hợp đồng hoặc do một hình thức khác; được cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức giao quản lý tài sản, thực hiện nhiệm vụ, công vụ nhất định và có quyền hạn khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ đó; tài sản bị chiếm đoạt là tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong hoặc ngoài Nhà nước giao quản lý.

Theo từ điển Văn hoá Sài Gòn thì “chức vụ” là nhiệm vụ tương ứng với chức vị [40 tr.259], người có chức vụ là người có nhiệm vụ tương ứng với chức vị của mình. Chức vụ vừa nói lên nhiệm vụ, vừa nói lên vị trí của nhiệm vụ ấy, chức vụ là một tất yếu khách quan do sự phân công của cơ quan, tổ chức đem lại. Những người đứng đầu cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức hoặc các bộ phận có chức năng quản lý con người và quản lý tài sản, họ là những người có chức vụ như: Giám đốc, Trưởng các phòng ban nghiệp vụ...

Cũng theo từ điển Văn hoá Sài Gòn thì “quyền hạn” là quyền trong phạm vi, mức độ mà luật pháp cho phép [40 tr. 973], vậy người có quyền hạn là người có quyền trong phạm vi, mức độ theo quy định của luật pháp, quy định của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức. Có những trường hợp người không có chức vụ nhưng lại được giao một nhiệm vụ cụ thể nào đó và có quyền hạn khi thực hiện nhiệm vụ này như thủ kho, thủ quỹ, kế toán... những người này không có chức năng quản lý con người mà chỉ có chức năng quản lý tài sản. Chức vụ và quyền hạn là hai dấu hiệu gắn bó với nhau nhưng không đồng nhất, những người có chức vụ thì

có quyền hạn, tuy nhiên người có quyền hạn không nhất thiết phải có chức vụ. Người có chức vụ, quyền hạn phải được giao thực hiện một công việc và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ. Hoạt động của những người này khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ là thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong hoặc ngoài Nhà nước, tức là hoạt động thực hiện vì lợi ích chung của tập thể, cộng đồng và của xã hội.

Người có chức vụ, quyền hạn có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình thực hiện hoặc không thực hiện hành vi trái với công vụ, nhiệm vụ (do pháp luật hay nội quy quy định), có nghĩa là họ thực hiện trong lúc thi hành công vụ, nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong hoặc ngoài Nhà nước giao để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý mới trở thành chủ thể của tội Tham ô tài sản, nếu họ thực hiện ngoài phạm vi này thì họ không phải là chủ thể của tội Tham ô tài sản. Điều này cũng có nghĩa là nếu không chứng minh được có dấu hiệu lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý hoặc hành vi được thực hiện không phải trong giai đoạn thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao thì không thể coi hành vi của người có chức vụ, quyền hạn đã phạm tội Tham ô tài sản.

Thứ tư, dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội Tham ô tài sản

Mặt chủ quan là hoạt động tâm lý bên trong phản ánh trạng thái tâm lý của chủ thể đối với hành vi nguy hiểm, không tồn tại một cách độc lập mà luôn gắn liền và biểu hiện qua mặt khách quan của tội phạm. Mặt chủ quan của tội Tham ô tài sản chính là các yếu tố bên trong thuộc về chủ thể, thúc đẩy chủ thể thực hiện hành vi phạm tội.

Chủ thể thực hiện hành vi tham ô tài sản là người ý thức được trách nhiệm của bản thân trong quản lý, sử dụng tài sản được giao, có đủ năng lực nhận thức, khả năng đánh giá được mức độ nguy hiểm của hành vi và quy định của pháp luật đối với tội danh này. Khi nảy sinh ý định thực hiện hành vi, người phạm tội đã ý thức rõ về hành vi của mình sẽ gây thiệt hại về tài sản và tác động

đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức. Mặc dù vậy, do tham vọng về lợi ích mà chủ thể vẫn cố tình thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản, thể hiện qua các thủ đoạn để che đậy hành vi phạm tội. Chính đặc điểm này nói lên tính chất nghiêm trọng của tội Tham ô tài sản đó là hành vi cố ý có chủ định từ trước của người thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, khi thực hiện hành vi, người phạm tội bao giờ cũng mong muốn chuyển dịch tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý thành tài sản riêng nhằm thỏa mãn nhu cầu vật chất của mình, mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội bao giờ cũng có trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt sản. Nếu mục đích chiếm đoạt tài sản của người phạm tội chưa đạt được là nằm ngoài ý muốn chủ quan của tội phạm, thì thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt.

Hành vi chiếm đoạt tài sản có thể thực hiện một cách công khai hoặc lén lút. Chủ thể tội Tham ô tài sản thường thực hiện đa dạng thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản mình đang quản lý như: Thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ của mình hoặc làm trái quy định về chế độ quản lý tài sản thuộc lĩnh vực mình phụ trách trong việc quản lý vật tư, tiền vốn, chế độ tài chính thu, chi,...; sử dụng quyền hạn vượt quá giới hạn cho phép nhưng liên quan đến cương vị công tác để chiếm đoạt tài sản như: Kế toán tự thu tiền quỹ rồi chiếm đoạt số tiền đó, tạo ra sự chênh lệch khổng về nguyên vật liệu, về tiền công xây dựng công trình hoặc dùng vật tư không đúng chủng loại với thiết kế,...; sửa chữa sổ sách, chứng từ, lập chứng từ giả, tạo hiện trường giả bị trộm, cướp, tiêu hủy hoá đơn, chứng từ... để chiếm đoạt tài sản thuộc lĩnh vực mình quản lý. Các thủ đoạn này có thể được thực hiện trước, trong hoặc sau khi chiếm đoạt được tài sản và không có ý nghĩa định tội.

Như vậy, đặc trưng cơ bản của tội Tham ô tài sản là người phạm tội đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong quản lý tài sản (trực tiếp hay gián tiếp) để chiếm đoạt tài sản của cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, tập thể bằng bất cứ thủ đoạn nào (tài sản đó nằm trong sự quản lý của mình).

2.1.1.3. Những vấn đề phải chứng minh đối với tội Tham ô tài sản

Quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản thì việc xác định những vấn đề phải thu thập chứng cứ để chứng minh có ý nghĩa quan trọng, nếu xác định đúng sẽ giúp định hướng được quá trình điều tra, thu thập chứng cứ đầy đủ, tạo điều kiện cho việc đánh giá, kiểm tra và sử dụng chứng cứ sẽ chính xác, toàn diện và khách quan để THQCT đối với tội Tham ô tài sản được hiệu quả, giải quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trên cơ sở quy định của BLHS năm 2015 về tội Tham ô tài sản, có thể xác định những vấn đề phải chứng minh đối với tội Tham ô tài sản như sau:

- Trên thực tế có hành vi tham ô tài sản xảy ra hay không; thời gian, địa điểm xảy ra; cơ quan, tổ chức bị thiệt hại và giá trị tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại, dòng lưu thông của tài sản bị chiếm đoạt.

- Người thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là ai, có chức vụ và quản lý tài sản bị chiếm đoạt như thế nào; nhiệm vụ, quyền hạn của người thực hiện hành vi tham ô tài sản. Có đồng phạm tham gia thực hiện hành vi phạm tội, vai trò từng người, hưởng lợi từ số tài sản chiếm đoạt như thế nào. Mối quan hệ nhân quả giữa hành vi gian dối với tài sản bị chiếm đoạt. Tài sản được giao quản lý đã bị chiếm đoạt chưa. Những nội dung này có thể được phản ánh thông qua các tài liệu chứng từ như: biên bản về thời điểm, nghiệm thu thanh lý hợp đồng về mua tài sản, biên bản kiểm kê tài sản cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; biên bản thể hiện kết thúc năm tài chính...

- Thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như thế nào, phản ánh qua các tài liệu: Làm khống, giả về hóa đơn chứng từ, thông tin, nội dung hợp đồng mua tài sản khác với thực tế, nội dung nghiệm thu hợp đồng mua tài sản. thủ đoạn che giấu hành vi phạm tội, tẩu tán tài sản chiếm đoạt được.

- Làm rõ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đặc điểm nhân thân người thực hiện hành vi tham ô tài sản: tiền án, tiền sự, độ tuổi, tình trạng sức khỏe.

- Mức độ thiệt hại, các tình tiết định khung hình phạt về tội Tham ô tài sản như: Chiếm đoạt tiền, tài sản dùng vào mục đích xóa đói, giảm nghèo; tiền, phụ cấp, trợ cấp, ưu đãi đối với người có công với cách mạng; các loại quỹ dự phòng hoặc các loại tiền, tài sản trợ cấp, quyên góp cho những vùng bị thiên tai, dịch bệnh hoặc các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn; ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội; dẫn đến doanh nghiệp hoặc tổ chức khác bị phá sản hoặc ngừng hoạt động.

- Nguyên nhân, điều kiện phạm tội: làm rõ nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh hành vi phạm tội như thủ tục, quy trình kiểm tra, kiểm soát tài sản của doanh nghiệp, tổ chức không chặt chẽ dẫn đến người phạm tội dễ dàng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản.

- Những tình tiết liên quan đến việc loại trừ trách nhiệm hình sự, miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn hình phạt: căn cứ vào quy định pháp luật đối với các trường hợp cụ thể, CQTHTT thu thập các tình tiết liên quan nhằm đảm bảo thực hiện đúng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người thực hiện hành vi tham ô tài sản.

2.1.2. Khái niệm quyền công tố và thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

2.1.2.1. Khái niệm quyền công tố

Việc xác định rõ quyền công tố và theo đó là THQCT có ý nghĩa không chỉ giúp phân định rõ, đúng về chức năng, nhiệm vụ của VKS trong hệ thống bộ máy cơ quan Nhà nước nói chung, trong mối quan hệ với cơ quan tư pháp nói riêng mà còn giúp nhận thức thống nhất và hoạt động thực tiễn có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của cải cách tư pháp. Trước khi tìm hiểu về THQCT, chúng ta cần hiểu như thế nào là quyền công tố?

Theo từ điển Văn hoá Sài Gòn, “công tố” có nghĩa là “điều tra, truy tố, buộc tội kẻ phạm pháp và phát biểu ý kiến trước Tòa án” [40, tr.283]. Như vậy,

công tố được hiểu với nội dung khác nhau, bao gồm: Điều tra, truy tố, buộc tội kẻ phạm pháp và phát biểu ý kiến trước Tòa án.

Trong nghiên cứu khoa học và công tác thực tiễn có nhiều tác giả nghiên cứu về khái niệm quyền công tố (QCT), thể hiện qua nhiều công trình nghiên cứu và có quan điểm khác nhau. Tựu chung lại, một số quan điểm tiếp cận theo hướng mở rộng cho rằng QCT là một hình thức của chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật hoặc cho rằng QCT, bên cạnh việc tồn tại trong lĩnh vực tố tụng hình sự (TTHS), còn xuất hiện trong lĩnh vực tố tụng hành chính và tố tụng dân sự [42, tr.28]. Ngược lại, một số quan điểm lại tiếp cận theo hướng thu hẹp khái niệm QCT, nhấn mạnh vai trò của QCT trong TTHS, nhưng chỉ tồn tại ở giai đoạn xét xử của Tòa án [42, tr.24].

Cơ sở lập luận của những quan điểm trên dựa vào quy định của văn bản pháp luật trong từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển của đất nước. Các quan điểm này mang tính khái quát chung, xem xét QCT với phạm vi quá hẹp hoặc quá rộng và không phản ánh được bản chất. Để hiểu rõ QCT chúng ta cần khẳng định: QCT là biểu hiện của quyền lực công thuộc về Nhà nước, gắn liền với quyền lực Nhà nước; QCT được Nhà nước thực hiện với mục đích chống lại hành vi nguy hiểm xâm phạm tới quan hệ xã hội được Nhà nước bảo vệ, truy cứu TNHS đối với người phạm tội, gắn liền với chức năng buộc tội của cơ quan có thẩm quyền, do đó, QCT chỉ tồn tại trong TTHS; nội dung QCT là sự buộc tội nhân danh Nhà nước đối với tội phạm và người phạm tội. QCT xuất hiện từ khi tội phạm được thực hiện, tiếp diễn từ khởi tố, điều tra đến truy tố và xét xử tại phiên tòa, theo đó cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước chịu trách nhiệm khởi động QCT để truy cứu TNHS đối với người phạm tội; QCT kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị, ở một số trường hợp QCT kết thúc khi có quyết định đình chỉ vụ án.

Thực tiễn cho thấy QCT chỉ có trong lĩnh vực duy nhất là TTHS, đó là quyền thay Nhà nước truy cứu TNHS đối với người có hành vi vi phạm mà

pháp luật hình sự coi là tội phạm. Ngoài ra, QCT không chỉ được thực hiện tại phiên tòa mà còn được thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án hình sự.

Từ những luận giải trên, NCS đồng ý với quan điểm về khái niệm quyền công tố như sau: *Quyền công tố là quyền của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thay mặt Nhà nước truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc tội đối với người phạm tội.*

Qua khái niệm trên, chúng ta nhận thấy đặc điểm của QCT là quyền thuộc về Nhà nước, uỷ quyền cho cơ quan nhất định để thực hiện; đồng thời đối tượng của QCT đó là những hành vi nguy hiểm xâm phạm quan hệ xã hội mà pháp luật hình sự bảo vệ và người thực hiện hành vi nguy hiểm đó, tức là tội phạm và người phạm tội; QCT được thực hiện bằng việc thu thập các tài liệu, chứng cứ nhằm đảm bảo cho sự buộc tội đối với tội phạm, người phạm tội. QCT chỉ tồn tại trong TTHS, bắt đầu từ khi tội phạm xảy ra và kết thúc khi bản án có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị [42, tr 51].

2.1.2.2. Khái niệm thực hành quyền công tố

Do có một số quan điểm tiếp cận khác nhau về khái niệm QCT nên cùng với đó là sự khác nhau về khái niệm THQCT. Theo đó, có quan điểm gắn THQCT là một hình thức của thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật. Trong khi đó, theo quan điểm khác thì THQCT không chỉ có trong lĩnh vực hình sự mà còn có trong lĩnh vực dân sự và hành chính. Cơ sở pháp luật của các quan điểm này là các quy định pháp luật trong từng giai đoạn khác nhau.

Như phần trên đã trình bày, NCS đồng ý với quan điểm cho rằng QCT là quyền thuộc về Nhà nước thực hiện việc truy cứu TNHS, buộc tội đối với người có hành vi phạm tội. Thực tế đấu tranh chống tội phạm, để thực hiện được QCT, Nhà nước ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định về các quyền năng pháp lý, biện pháp thuộc nội dung QCT để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng nhằm truy cứu TNHS, thực hiện buộc tội đối với người phạm tội.

Theo từ điển Tiếng Việt, “Thực hành” là làm để áp dụng lí thuyết vào

thực tế [40, tr.1152]. Như vậy, THQCT là hoạt động áp dụng những quy định pháp luật thuộc QCT vào vụ án cụ thể để truy cứu trách nhiệm người thực hiện hành vi phạm tội; việc thực hiện các quyền năng pháp lý, biện pháp chính là THQCT. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền áp dụng quyền năng pháp lý và biện pháp trong từng giai đoạn TTHS nhằm truy cứu TNHS đối với người phạm tội là cơ quan THQCT.

Ở nước ta, căn cứ vào quy định pháp luật thì VKS là cơ quan được giao THQCT; là chủ thể duy nhất thay mặt Nhà nước THQCT truy cứu TNHS, thực hiện sự buộc tội đối với người có hành vi phạm tội trong tất cả giai đoạn TTHS từ giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố đến xét xử. Nội dung THQCT là việc sử dụng tất cả quyền năng tố tụng nhằm đảm bảo phát hiện kịp thời, thực hiện việc buộc tội, truy cứu TNHS đối với người phạm tội. QCT thuộc về Nhà nước và mang tính quyền lực nên THQCT có tính cưỡng chế, bắt buộc và thực hiện sự buộc tội đối với người phạm tội, vì vậy THQCT chỉ tồn tại trong TTHS, đây chính là phạm vi về không gian của THQCT. Bên cạnh đó, khi tiếp nhận tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành những hoạt động tố tụng nhằm đảm bảo cho việc phát hiện và chứng minh làm rõ tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội, lúc này sẽ phát sinh yêu cầu buộc tội của Nhà nước. Do đó, THQCT có phạm vi về thời gian là từ khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự. Tuy nhiên, THQCT có thể chấm dứt ở giai đoạn tố tụng sớm hơn trong những trường hợp cơ quan có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ vụ án khi có căn cứ theo quy định của pháp luật TTHS.

Từ những nội dung trình bày trên, chúng ta có thể khẳng định khái niệm THQCT như sau: *“Thực hành quyền công tố là hoạt động của Viện kiểm sát nhân dân trong tố tụng hình sự để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc tội của Nhà nước đối với người phạm tội trong các giai đoạn giải quyết tố*

giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự”.

2.1.2.3. Khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức và ý nghĩa của thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

- Khái niệm thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Khi có hành vi tham ô tài sản xảy ra thì cơ quan có thẩm quyền tham gia tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm chứng minh hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị theo quy định pháp luật do chủ thể có trách nhiệm quản lý có dấu hiệu của tội phạm hay không. Trên cơ sở đó, VKS ban hành các quyết định thuộc nội dung QCT nhằm truy cứu TNHS, buộc tội đối người thực hiện hành vi tham ô tài sản như: Yêu cầu xác minh làm rõ hành vi phạm tội; yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản; phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh tạm giam...

Qua khái niệm về tội Tham ô tài sản và THQCT, chúng ta có thể đưa ra khái niệm THQCT đối với tội Tham ô tài sản như sau: *Thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản là hoạt động của Viện kiểm sát trong tố tụng hình sự để thực hiện việc truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc tội đối với người phạm tội Tham ô tài sản trong các giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án tham ô tài sản.*

Từ khái niệm trên, đối tượng, phạm vi, nội dung và ý nghĩa của THQCT đối với tội Tham ô tài sản được xác định như sau:

- Đối tượng của thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản là những gì mà THQCT tác động đến để đạt được mục đích đó là nhằm bảo đảm truy cứu TNHS, buộc tội đối với người thực hiện tội Tham ô tài sản. Để đạt được mục đích trên trong việc truy cứu TNHS về hành vi phạm tội Tham ô tài sản thì THQCT phải tác động đến tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Như

vậy, đối tượng của THQCT đối với tội Tham ô tài sản đó chính là tội phạm và người phạm tội Tham ô tài sản.

- *Phạm vi thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản* bắt đầu từ khi CQĐT giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; THQCT chấm dứt khi bản án tuyên hình phạt hoặc quyết định xử lý của Toà án đối với hành vi phạm tội Tham ô tài sản có hiệu lực pháp luật, không bị kháng nghị. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp THQCT đối với tội Tham ô tài sản đều kéo dài cho đến khi bản án của Toà án có hiệu lực pháp luật mà có thể kết thúc ở giai đoạn tố tụng sớm hơn. Đó là trường hợp cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án.

- *Nội dung thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản*: THQCT đối với tội Tham ô tài sản là hướng đến sự buộc tội đối với người thực hiện hành vi tham ô tài sản. Để có căn cứ đảm bảo việc buộc tội đạt được hiệu quả thì cơ quan có chức năng THQCT được trao thẩm quyền áp dụng những biện pháp theo quy định pháp luật TTHS trong các giai đoạn giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Theo đó, nội dung THQCT trong các giai đoạn này bao gồm: Quyết định phê chuẩn, không phê chuẩn, thay đổi, hủy bỏ các quyết định tố tụng của CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra; đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh; khởi tố vụ án, bị can; đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra khi cần thiết; hủy bỏ các quyết định không có căn cứ và trái pháp luật của CQĐT; quyết định truy tố bị can; đình chỉ hoặc tạm đình chỉ vụ án; trình bày Cáo trạng và các ý kiến bổ sung; tham gia xét hỏi tại phiên tòa; rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố; thực hiện việc luận tội; tranh luận với người bào chữa và với những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; kháng nghị đối với bản án, quyết định của Tòa án.

- *Hình thức thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản*: THQCT

đối với tội Tham ô tài sản được VKS thực hiện thông qua lời nói, ban hành văn bản hoặc quyết định. Trong đó, lời nói được thực hiện thông qua yêu cầu điều tra khi KSV tham gia các hoạt động điều tra như khám xét, lấy lời khai...; văn bản có thể là các văn bản thống nhất, yêu cầu điều tra, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ; quyết định được thể hiện thông qua các quyết định thống nhất, quyết định phê chuẩn hay không phê chuẩn, quyết định huỷ bỏ...

- *Ý nghĩa thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản*: THQCT đảm bảo cho hoạt động điều tra, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi tham ô tài sản được kịp thời, khách quan, toàn diện, đúng pháp luật; việc buộc tội, truy cứu TNHS đối với người phạm tội Tham ô tài sản, tránh bỏ lọt tội phạm và người phạm tội.

2.1.2.4. Đặc điểm của thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Một là, tính quyền lực Nhà nước và phải tuân thủ quy định của pháp luật

Nội dung THQCT là áp dụng những quy định pháp luật để làm rõ tội phạm và hành vi phạm tội. Do đó, những quyết định, hành vi tố tụng của VKS khi THQCT đối với tội Tham ô tài sản từ giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử là sự lựa chọn mang tính quyền lực Nhà nước, bắt buộc người phạm tội, cá nhân, tổ chức liên quan phải chấp hành nhằm đảm bảo điều kiện làm rõ hành vi, người phạm tội để truy tố ra trước Tòa án xét xử, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, cá nhân, tổ chức.

Bên cạnh đó, nhằm mục đích chứng minh, làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản thì pháp luật, đặc biệt là BLTTHS, đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định, hành vi tố tụng. Để quyết định, hành vi tố tụng có giá trị pháp lý, mang tính bắt buộc đối với cá nhân, tổ chức, giúp cho quá trình giải quyết vụ án tham ô tài sản được hợp pháp thì việc ban hành khi THQCT phải tuân thủ quy định pháp luật về nội dung, căn cứ, chủ thể, thẩm quyền.

Hai là, THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải kịp thời, nhanh chóng

Khi THQCT, Viện kiểm sát phải nhanh chóng nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ được cung cấp, nếu xác định có căn cứ theo quy định pháp luật thì phải kịp thời ban hành các quyết định, hành vi tố tụng như phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản, lệnh khám xét, lệnh bắt tạm giam; đề ra yêu cầu điều tra hoặc trực tiếp yêu cầu thu thập chứng cứ khi tham gia hoạt động khám xét, yêu cầu cung cấp tài liệu... để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục áp dụng các hoạt động tố tụng nhằm chứng minh làm rõ hành vi phạm tội.

Ba là, THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải chính xác, thận trọng

Chủ thể thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản thường có thủ đoạn tinh vi nhằm che giấu, tiêu huỷ các chứng cứ, tài liệu; phần lớn người thực hiện hành vi tham ô tài sản am hiểu pháp luật, có khả năng tài chính và mối quan hệ, bao gồm cả với các CQTHTT; hành vi phạm tội kéo dài trong nhiều năm, có thể liên quan và cấu kết chặt chẽ giữa nhiều đối tượng nên quá trình giải quyết vụ án gặp những khó khăn. Do vậy, khi THQCT cần phải tiến hành chính xác, thận trọng trên cơ sở nghiên cứu kỹ chứng cứ đã được thu thập để ban hành quyết định, hành vi tố tụng hợp lý và hợp pháp.

Bốn là, khi THQCT phải báo cáo với cấp ủy, tổ chức Đảng

Quá trình THQCT đối với trường hợp người thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản là cán bộ, đảng viên thuộc diện quản lý của Tỉnh ủy, Thành ủy hoặc Huyện ủy... thì trước khi quyết định khởi tố, bắt tạm giam, VKS phải chủ động phối hợp với CQĐT báo cáo với cấp ủy, tổ chức Đảng cấp trên; đồng thời, báo cáo cấp ủy hoặc tổ chức Đảng có trách nhiệm quản lý đối với cán bộ, đảng viên có hành vi tham ô tài sản.

Năm là, đảm bảo việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt hoặc thất thoát

Thực tế cho thấy, các vụ án tham ô tài sản thường có tài sản bị chiếm đoạt tương đối lớn, đối tượng phạm tội sử dụng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau để che giấu nguồn gốc hình thành tài sản do phạm tội mà có và

đường đi của dòng tiền. Do đó, nhằm mục đích thu hồi tối đa tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại, đòi hỏi, KSV được phân công THQCT phải luôn nâng cao trách nhiệm trong việc thu hồi tài sản, kịp thời đề ra các yêu cầu điều tra ngay từ khi khởi tố vụ án để xác minh làm rõ tài sản bị thiệt hại, bị chiếm đoạt, liên quan đến hành vi phạm tội. Trên cơ sở đó, yêu cầu kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của bị can và người liên quan, không để đối tượng có thời gian tẩu tán, che giấu, hợp pháp hóa tài sản. Quá trình áp dụng các biện pháp thu hồi tài sản phải đúng quy định và bảo đảm nguyên tắc: Thu hồi triệt để tài sản cho Nhà nước; không để tài sản bị hư hỏng gây lãng phí; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch ngay tình.

Sáu là, các hoạt động trung cầu giám định, định giá tài sản thường được thực hiện trong quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản

Kết quả giám định tư pháp và định giá tài sản là căn cứ quan trọng để CQTHTT xác định mức độ thiệt hại, làm rõ các vấn đề khác liên quan nhằm chứng minh tội phạm, người phạm tội. Do đó, khi THQCT, VKS cần chủ động phối hợp chặt chẽ với CQĐT để xác định nội dung và đề ra các yêu cầu giám định, định giá tài sản. Trường hợp nội dung giám định, định giá tài sản phức tạp, ĐTV và KSV trao đổi thống nhất với Giám định viên về những vấn đề liên quan để cung cấp đầy đủ tài liệu, hồ sơ, thông tin phục vụ công tác giám định, định giá; tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ kết luận giám định, định giá tài sản phục vụ tốt công tác khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án về tội Tham ô tài sản.

Bảy là, áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt

Biện pháp điều tra đặc biệt lần đầu tiên được BLTTHS quy định. Quá trình điều tra về tội Tham ô tài sản luôn gặp nhiều khó khăn nhất định, đặc biệt đối với những hành vi phạm tội được thực hiện bởi các đối tượng có sự cấu kết chặt chẽ với nhau, thủ đoạn thực hiện hành vi, che giấu tài liệu tinh vi, xảo quyệt. Nếu xác định quá trình điều tra chỉ áp dụng các biện pháp điều tra thông

thường thì việc thu thập các tài liệu làm rõ hành vi phạm tội sẽ không đạt hiệu quả, không chứng minh được hành vi và đối tượng phạm tội. Do đó, CQĐT cần thiết phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, đây là biện pháp điều tra được tiến hành trên cơ sở ứng dụng thành tựu khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực âm thanh, hình ảnh, điện tử viễn thông...; đồng thời, áp dụng trong điều kiện nhất định cân nhắc giữa lợi ích của điều tra phát hiện tội phạm và trách nhiệm bảo vệ quyền con người. Quá trình thực hiện các biện pháp điều tra đặc biệt phải được đảm bảo bí mật để phát hiện, thu thập thông tin, tài liệu làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản. Khi THQCT, VKS phải đảm bảo việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt đối với tội Tham ô tài sản được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật.

Tám là, sự giám sát pháp lý xã hội đối với THQCT tội Tham ô tài sản

Nhà nước Việt Nam là Nhà nước pháp quyền XHCN, tất cả quyền lực thuộc về Nhân dân. Quyền lực Nhà nước không phải do tự có, mà Nhân dân ủy quyền, giao cho Nhà nước thực hiện quyền lực với mong muốn Nhà nước nắm giữ, tổ chức và sử dụng quyền lực giữ gìn độc lập tự chủ, bảo đảm cho Nhân dân được tự do, ấm no, hạnh phúc. Trong bộ máy Nhà nước, hệ thống các cơ quan có vai trò quan trọng, trong đó có VKS với chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp theo quy định của Hiến pháp năm 2013, THQCT là một hình thức của thực hiện pháp luật, ảnh hưởng nhất định đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức liên quan. Vì vậy, phải có cơ chế giám sát đối với việc thực hiện chức năng THQCT là yêu cầu cần thiết khách quan, đặc biệt là sự giám sát thường xuyên và có hiệu quả từ Nhân dân và các tổ chức xã hội đối với những hoạt động của KSV được phân công THQCT. Đây là sự theo dõi, xem xét, đánh giá, kiến nghị của Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, báo chí, phương tiện truyền thông nhằm đảm bảo nội dung THQCT đối với tội Tham ô tài sản được thực hiện đúng quy định pháp luật.

2.1.2.5. Yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, ý thức chính trị, đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp của KSV

Khả năng nhận thức, ý thức chính trị, đạo đức sẽ hình thành tư tưởng, lập trường và là nền tảng cho các hoạt động của KSV trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao. Khi nhận thức đúng về chính trị giúp KSV nâng cao bản lĩnh, mạnh dạn đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật; ứng xử linh hoạt, nhanh chóng, thận trọng, chính xác, sáng tạo, phù hợp các tình huống phát sinh; đồng thời, KSV phải thẳng thắn, trung thực trong lựa chọn, thực hiện và chịu trách nhiệm về những hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Việc tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức theo những phẩm chất “*cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*” và tích lũy kinh nghiệm sống trong thực tiễn về văn hóa, xã hội, chính trị là rất cần thiết. Điều này sẽ giúp KSV có khả năng đánh giá tổng quát về điều kiện, hoàn cảnh phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội Tham ô tài sản cũng như giúp cho KSV có tâm trong sáng, bản lĩnh chính trị vững vàng nhằm đảm bảo THQCT một cách khách quan, công tâm, thấu tình, đạt lý, chính xác, đúng pháp luật.

Thứ hai, ý thức pháp luật và kỹ năng THQCT của KSV

Ý thức pháp luật là những hiểu biết, quan niệm, nhận thức, áp dụng pháp luật; kỹ năng THQCT là khả năng vận dụng những kiến thức về pháp luật để thực hiện các nội dung thuộc THQCT. Khi ý thức pháp luật và kỹ năng THQCT của KSV đạt mức độ cao thì việc hiểu chính xác nội hàm quy phạm pháp luật; đánh giá, phân tích, xem xét các tình tiết, chứng cứ được khách quan, sâu sắc, làm rõ bản chất vụ án để xác định đúng hành vi và người thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản; căn cứ những quy định pháp luật để ban hành quyết định tố tụng làm rõ sự thật về hành vi tham ô tài sản. Việc ban hành quyết định, hành vi thuộc nội dung THQCT là kết quả của quá trình nghiên cứu, xem xét,

cân nhắc trên cơ sở quy định pháp luật và tài liệu, chứng cứ đã được thu thập. Ý thức pháp luật, kỹ năng nghiệp vụ cho phép KSV xác định được thời điểm, nhận diện được vấn đề mấu chốt của vụ án và lựa chọn đúng quy phạm pháp luật để thực hiện các nội dung THQCT được chính xác, làm rõ được tội phạm và hành vi phạm tội.

Thứ ba, ý kiến, quan điểm của dư luận xã hội

Ngày nay, với sự phát triển của các phương tiện truyền thông thì thông tin về hành vi phạm tội luôn được người dân tiếp cận nhanh chóng. Đặc biệt, hành vi tham ô tài sản của người có chức vụ trong các đơn vị, cơ quan Nhà nước lại càng thu hút sự quan tâm của dư luận. Những thông tin này được trình bày theo ý chí chủ quan của người viết đã tạo nguồn dư luận xã hội theo hướng tiêu cực, tích cực khác nhau. Điều này tác động nhất định đến tâm lý, suy nghĩ, hành động làm ảnh hưởng đến sự nhận xét, phán đoán, quyết định của KSV trong quá trình ban hành các quyết định, hành vi tố tụng khi THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Nếu dư luận xã hội phản ánh, nhận định, bình luận khách quan thì KSV sẽ thuận lợi trong quá trình nghiên cứu, xem xét, ban hành các quyết định, hành vi tố tụng khi THQCT. Ngược lại, nếu dư luận xã hội phản ánh các tình tiết, sự việc phiếm diện, chủ quan thì KSV phải chịu áp lực tương đối khi thực hiện nhiệm vụ. Vì vậy, đòi hỏi KSV phải bản lĩnh, hiểu rõ quy định pháp luật và các tình tiết vụ án tham ô tài sản khi THQCT để làm rõ hành vi phạm tội, tránh trường hợp ban hành những quyết định, hành vi tố tụng theo chiều hướng của dư luận xã hội, làm oan, sai đối với người phạm tội hoặc bỏ lọt tội phạm. Ngoài ra, quá trình THQCT nếu KSV vì động cơ cá nhân mà thực hiện không đúng quy định pháp luật thì với sự giám sát, phản ánh của dư luận xã hội sẽ đảm bảo và ngăn chặn các hành vi này tiếp tục diễn ra.

Thứ tư, sự tác động của người có chức vụ, quyền hạn, người thân quen

Quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản, không loại trừ trường hợp KSV bị tác động, nhờ giúp đỡ, xem xét giảm nhẹ cho bị can, bị cáo không đúng theo quy định pháp luật bởi một số người thân, bạn bè của họ hoặc những người có vị trí cao trong các cơ quan, tổ chức; thậm chí chính Lãnh đạo của đơn vị VKS đang thụ lý vụ án hoặc đơn vị VKS cấp trên. Điều này làm ảnh hưởng đến hoạt động của KSV. Nếu không có tư tưởng vững vàng, bản lĩnh, công tâm, khách quan, kiên quyết từ chối những lợi ích do những người này mang lại nhằm bảo vệ pháp luật và sự công bằng thì KSV có khả năng sẽ lựa chọn ban hành các quyết định, hành vi tố tụng có lợi cho bị can, bị cáo không đúng quy định pháp luật; không chỉ ảnh hưởng nghiêm trọng đến các quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, tổ chức, doanh nghiệp mà còn làm công lý không được thực thi; trật tự và công bằng xã hội bị đảo lộn, giảm lòng tin của Nhân dân vào cơ quan tư pháp.

Ngoài những yếu tố cơ bản trên thì các yếu tố như cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, chế độ đãi ngộ; điều kiện, mức độ nghiêm trọng, tình tiết, bằng chứng tội phạm cũng ảnh hưởng đến chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

2.1.2.6. Mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp đối với tội Tham ô tài sản

Theo quy định của Điều 107 Hiến pháp năm 2013 thì VKS có chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp. Theo đó, kiểm sát hoạt động tư pháp là sự giám sát mang tính quyền lực Nhà nước về tư pháp. Trong TTHS, đây là sự giám sát trực tiếp đối với hoạt động của cơ quan tư pháp và cơ quan, cá nhân tham gia tố tụng nhằm đảm bảo cho pháp luật tuân thủ nghiêm chỉnh và thống nhất; các hoạt động trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. VKS có trách nhiệm áp dụng những biện pháp do BLTTHS quy định để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền lực công trong hoạt động tư pháp.

Quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản, VKS phải THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, đây là hai chức năng độc lập nhưng giữa chúng có mối quan hệ mật thiết, biện chứng, đan xen, bổ sung lẫn nhau khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ. Thực tiễn cho thấy, bên cạnh việc buộc tội thì luôn đòi hỏi các hoạt động tư pháp hình sự đều phải được thực hiện đúng pháp luật và cùng có mục tiêu là bảo đảm việc giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản được khách quan, chính xác, toàn diện. Mối quan hệ này được thể hiện qua các hoạt động tố tụng của VKS và tồn tại song song từ khi giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử cho đến khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trong TTHS, mối quan hệ giữa THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp thể hiện qua phương diện:

Một là, kiểm sát hoạt động tư pháp tác động đến THQCT. Kiểm sát hoạt động tư pháp giúp đảm bảo hoạt động của CQTHTT và những cơ quan, cá nhân tham gia tố tụng được thực hiện có căn cứ, đúng thủ tục quy định của pháp luật trong các giai đoạn TTHS. Khi những yêu cầu thuộc chức năng công tố đề ra được chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong giải quyết vụ án Tham ô tài sản thực hiện tích cực, kiểm tra kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm pháp luật về tố tụng để yêu cầu khắc phục sẽ tạo căn cứ, cơ sở để thực hiện chức năng THQCT đúng với hành vi, bản chất của tội Tham ô tài sản, phát huy hết khả năng THQCT nhằm làm rõ tội phạm và hành vi phạm tội Tham ô tài sản. Đây là căn cứ, tiền đề và là sự hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện có căn cứ, đúng pháp luật và hiệu quả chức năng THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Ngược lại, nếu kiểm sát hoạt động tư pháp thực hiện không có hiệu quả, không kịp thời phát hiện những vi phạm trong hoạt động điều tra, xét xử thì dẫn đến THQCT đối với tội Tham ô tài sản không được chính xác, đúng hành vi, bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội.

Hai là, chức năng THQCT cũng tác động đến chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản. Thông qua thực hiện nội dung thuộc THQCT làm rõ tội phạm, người thực hiện hành vi phạm

tội Tham ô tài sản, THQCT giúp bám sát, biết được quá trình, trình tự thu thập tài liệu chứng minh hành vi tham ô tài sản. Trên cơ sở đó hỗ trợ chức năng kiểm sát kịp thời phát hiện những thiếu sót để ban hành các quyết định tố tụng thuộc nội dung kiểm sát hoạt động tư pháp yêu cầu khắc phục kịp thời, đảm bảo các hoạt động thu thập chứng cứ theo đúng trình tự pháp luật, có căn cứ và chứng cứ thu thập được có giá trị pháp lý. Nếu chức năng THQCT được thực hiện có hiệu quả sẽ tác động, bổ sung cho chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp thực hiện tốt vai trò, thông qua đó kịp thời phát hiện những nội dung chưa được điều tra để yêu cầu làm rõ hành vi, người phạm tội Tham ô tài sản.

2.2. Quy định pháp luật về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

2.2.1. Quy định về thực hành quyền công tố trong các giai đoạn giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra về tội Tham ô tài sản

Trong giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố (giải quyết nguồn tin tội phạm), khởi tố, điều tra về tội Tham ô tài sản, THQCT thể hiện qua những nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 159, Điều 161 và Điều 165 BLTTHS năm 2015, cụ thể như sau:

2.2.1.1. Phê chuẩn, không phê chuẩn, thay thế, hủy bỏ, gia hạn các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra

Trường hợp kết quả giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố dẫn đến CQĐT quyết định không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản hoặc có căn cứ xác định hành vi phạm tội Tham ô tài sản, hành vi không phạm vào tội đã khởi tố mà phạm vào tội Tham ô tài sản hoặc ngoài tội danh đã khởi tố, hành vi còn phạm tội Tham ô tài sản thì CQĐT ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản và chuyển cho VKS để phê chuẩn. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ, qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ, nếu xác định quyết định không khởi tố vụ án hoặc quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết

định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản có căn cứ thì VKS ban hành văn bản đồng ý; nếu xác định quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản có căn cứ thì THQCT phê chuẩn. Ngược lại, qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ được thu thập có căn cứ xác định các quyết định tố tụng này của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS ra văn bản yêu cầu CQĐT huỷ bỏ, nếu CQĐT không thực hiện thì VKS ra quyết định huỷ bỏ.

Quá trình giải quyết nguồn tin tội phạm, điều tra về tội Tham ô tài sản, khi hết thời hạn giải quyết nguồn tin quy định tại khoản 1 Điều 147 BLTTHS năm 2015, hết thời hạn điều tra quy định tại khoản 1 Điều 172 BLTTHS năm 2015 mà CQĐT chưa thu thập được tài liệu, chứng cứ để chứng minh hành vi phạm tội Tham ô tài sản thì VKS quyết định gia hạn thời hạn giải quyết tố giác, tin báo, kiến nghị khởi tố; gia hạn thời hạn điều tra vụ án trên cơ sở đề nghị của CQĐT.

Khi có căn cứ theo quy định pháp luật TTHS thì trong giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản (trước khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực ngày 01/01/2018 là quyết định tạm dừng giải quyết); trong giai đoạn điều tra vụ án tham ô tài sản thì CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án. Những quyết định tố tụng này phải gửi cho VKS để THQCT, đánh giá tài liệu, chứng cứ phản ánh căn cứ tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin, tạm đình chỉ hoặc đình chỉ vụ án và đối chiếu với quy định pháp luật tương ứng tại khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 229 và khoản 1 Điều 230 BLTTHS năm 2015. Nếu qua đối chiếu xác định các quyết định này có căn cứ thì VKS ra văn bản thống nhất, nếu không có căn cứ thì VKS ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin, quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ điều tra và yêu cầu CQĐT tiếp tục giải quyết nguồn tin

về tội Tham ô tài sản theo quy định khoản 2 Điều 148 BLTTHS năm 2015, phục hồi điều tra theo quy định tại Điều 235 BLTTHS năm 2015.

Đối với quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn. Quá trình giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản, nhằm ngăn chặn người tình nghi bỏ trốn hoặc tiêu huỷ tài liệu, chứng cứ liên quan thì khi có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 110 BLTTHS năm 2015, CQĐT tiến hành giữ người có hành vi tham ô tài sản trong trường hợp khẩn cấp. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi giữ người hoặc nhận người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, CQĐT ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp và phải gửi ngay cho VKS phê chuẩn. Trường hợp hết thời hạn tạm giữ nhưng cần thêm thời gian để thu thập chứng cứ thì CQĐT đề nghị gia hạn tạm giữ và chuyển sang VKS phê chuẩn. Với trách nhiệm THQCT, trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị phê chuẩn, VKS nghiên cứu nếu xét thấy lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định gia hạn tạm giữ có căn cứ và hợp pháp thì quyết định phê chuẩn. Ngược lại, khi xét thấy lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, quyết định gia hạn tạm giữ không đủ căn cứ thì VKS không phê chuẩn và CQĐT phải trả tự do ngay cho người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp hoặc người đang bị tạm giữ.

Sau khi khởi tố bị can, xét thấy có căn cứ xác định bị can sẽ gây khó khăn cho việc điều tra thu thập chứng cứ thì CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn như bắt bị can để tạm giam, tạm giam (đối với người đang bị tạm giữ), bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm. Khi áp dụng biện pháp ngăn chặn này thì CQĐT phải gửi lệnh, quyết định cho VKS phê chuẩn trước khi thi hành theo quy định tại các Điều 113, 119, 121, 122 BLTTHS năm 2015. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị phê chuẩn, KSV phải nghiên cứu quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, kiểm tra tài liệu, chứng cứ, đối chiếu với điều luật tương ứng trong BLTTHS năm 2015 để xác định đúng về thẩm quyền ban hành, đối tượng, điều kiện và thời hạn áp dụng. Nếu xét thấy có căn cứ và hợp pháp thì

VKS phê chuẩn hoặc ngược lại thì không phê chuẩn. Khi ra quyết định phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn đặt tiền để bảo đảm hoặc bảo lĩnh, VKS hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp tạm giam. Trường hợp nếu hết thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLTTHS năm 2015 nhưng xét thấy vụ án phức tạp cần phải tiếp tục tạm giam bị can thì VKS gia hạn tạm giam [35, tr.121].

Quá trình điều tra vụ án tham ô tài sản, căn cứ vào giá trị chứng minh của tài liệu, chứng cứ thu thập được có thể dẫn đến phải thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn. Việc thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn được thực hiện theo Điều 125 BLTTHS năm 2015, theo đó, đối với biện pháp ngăn chặn tạm giữ, bảo lĩnh, đặt tiền để bảo đảm do VKS phê chuẩn hoặc ban hành thì việc hủy bỏ hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác phải do VKS quyết định. Đối với quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn mà không cần VKS phê chuẩn theo quy định pháp luật (biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú...), nhưng VKS xét thấy không còn căn cứ để áp dụng, việc áp dụng là không còn cần thiết hoặc có thể thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác mà CQĐT không ra quyết định hủy bỏ hoặc thay thế thì VKS ra văn bản yêu cầu CQĐT thực hiện, nếu CQĐT không thực hiện thì VKS ra quyết định hủy bỏ hoặc thay thế. Khi hủy bỏ việc áp dụng biện pháp ngăn chặn thì VKS yêu cầu CQĐT trả tự do đối với người bị áp dụng. Trường hợp CQĐT ra quyết định hủy bỏ hoặc thay thế biện pháp ngăn chặn không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS ra văn bản yêu cầu CQĐT hủy bỏ; trường hợp CQĐT không thực hiện thì VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định thay thế hoặc hủy bỏ của CQĐT [66, tr.15].

Đối với lệnh khám xét của Cơ quan điều tra. Thực tiễn điều tra về tội Tham ô tài sản cho thấy, một trong những biện pháp điều tra mang lại hiệu quả cao trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi tham ô tài sản, đó là khám xét người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện. Chính vì vậy, khi nhận được hồ sơ đề nghị phê chuẩn lệnh khám xét, KSV phải kiểm tra đảm

bảo việc khám xét được tiến hành trên cơ sở nhận định trong người, chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện, tài liệu, đồ vật, thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm, dữ liệu điện tử của đối tượng phạm tội Tham ô tài sản có tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến vụ án tham ô tài sản. Nếu qua nghiên cứu, xác định lệnh khám xét của CQĐT là có căn cứ và hợp pháp thì VKS ra quyết định phê chuẩn và chuyển cho CQĐT thi hành.

Đối với lệnh thu giữ tài liệu, đồ vật của Cơ quan điều tra. Trên cơ sở có căn cứ để nhận định trong thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm của đối tượng phạm tội Tham ô tài sản tại bưu điện có chứa đựng công cụ, phương tiện phạm tội, tài liệu, đồ vật, tài sản liên quan đến hành vi tham ô tài sản thì CQĐT ra lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm để thu thập tài liệu, chứng cứ và gửi cho VKS phê chuẩn trước khi thi hành. Qua nghiên cứu chứng cứ, tài liệu liên quan, xác định lệnh thu giữ có căn cứ và hợp pháp thì VKS phê chuẩn, ngược lại, nếu xác định lệnh thu giữ không có căn cứ thì ra quyết định không phê chuẩn [35, tr.190]. Trường hợp việc thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm không thể trì hoãn được thì CQĐT có thể tiến hành thu giữ nhưng sau khi thu giữ phải thông báo ngay cho VKS để phê chuẩn. Khi nhận được đề nghị phê chuẩn và tài liệu liên quan, trong thời hạn 24 giờ, VKS ban hành quyết định phê chuẩn nếu qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ xác định lệnh thu giữ có căn cứ và hợp pháp; ngược lại, ban hành quyết định không phê chuẩn nếu xác định lệnh thu giữ không có căn cứ. Nếu VKS quyết định không phê chuẩn thì CQĐT phải trả lại ngay những thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm đã thu giữ [35, tr.190].

Đối với quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. Quá trình điều tra đối với tội Tham ô tài sản, căn cứ vào yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ, CQĐT có thể áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt như: ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử [35, tr.206] nhằm thu thập các tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi tham ô tài sản mà

khi áp dụng biện pháp điều tra thông thường thì không thu thập được. Thủ trưởng CQĐT cấp tỉnh trở lên mới có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt [35, tr.207]. Khi áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt sẽ ảnh hưởng nhất định tới quyền cơ bản của con người, quyền công dân, do đó, VKS phải phê chuẩn trước khi thi hành, nếu VKS không phê chuẩn thì các biện pháp này không được áp dụng, đây là hoạt động THQCT trong việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt. VKS có trách nhiệm kiểm tra, xem xét, đánh giá tính chất, mức độ cần thiết phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt để ra quyết định phê chuẩn một cách kịp thời và chính xác [66, tr 47]. Khi CQĐT đề nghị hoặc VKS xét thấy không cần thiết tiếp tục áp dụng hoặc có vi phạm trong quá trình áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt thì VKS hủy bỏ. Trường hợp nếu hết thời hạn áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 226 BLTTHS năm 2015 nhưng xét thấy vụ án phức tạp, cần phải tiếp tục áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt để điều tra làm rõ hành vi tham ô tài sản thì VKS gia hạn thời hạn áp dụng [35, tr 209].

Đối với quyết định áp dụng biện pháp cưỡng chế. Trong từng trường hợp cụ thể, phụ thuộc vào yêu cầu và giá trị chứng minh của chứng cứ đã thu thập để làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản; yêu cầu của việc thu hồi tài sản bị thiệt hại, bị chiếm đoạt mà VKS có thể thay đổi, hủy bỏ biện pháp cưỡng chế như áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản hoặc phong tỏa tài khoản. Trường hợp CQĐT ra lệnh áp dụng các biện pháp cưỡng chế không có căn cứ và trái pháp luật thì VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ, nếu CQĐT không thực hiện thì VKS ra quyết định hủy bỏ [64, tr. 17].

Ngoài ra, khi có cơ sở xác định những quyết định tố tụng do CQĐT ban hành trong quá trình điều tra vụ án tham ô tài sản mà không có căn cứ hoặc trái pháp luật thì VKS ra văn bản yêu cầu CQĐT hủy bỏ. Nếu CQĐT không thực hiện thì VKS ban hành quyết định hủy bỏ các quyết định này. Đây cũng chính là hoạt động THQCT của VKS.

2.2.1.2. Yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ; đề ra các yêu cầu điều tra, yêu cầu Cơ quan điều tra làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ,

Để đảm bảo việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản được khách quan, toàn diện, đầy đủ, kịp thời và đúng pháp luật, khi THQCT, Kiểm sát viên phải chủ động đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh, thu thập chứng cứ, tài liệu, đồ vật nhằm làm rõ tình tiết liên quan đến những vấn đề phải chứng minh trong vụ án tham ô tài sản như: Có hành vi phạm tội xảy ra hay không, thời gian, địa điểm; ai là người thực hiện hành vi phạm tội; thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội... Yêu cầu kiểm tra, xác minh có thể được thực hiện nhiều lần bằng văn bản hay bằng lời nói khi KSV tham gia trực tiếp hoạt động kiểm tra, xác minh của ĐTV.

Quyết định khởi tố vụ án hay không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản đó là kết quả của quá trình giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố. Khi THQCT, KSV phải nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xác minh trong giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản do cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp như biên bản ghi lời khai đối tượng, người liên quan, bị hại; biên bản khám xét, thu giữ tài liệu, đồ vật, kết luận giám định, định giá tài sản... trên cơ sở đó đối chiếu với quy định tại Điều 353 BLHS năm 2015 để xác định có hay không có dấu hiệu tội Tham ô tài sản. Nếu xác định chưa rõ căn cứ để khẳng định sự hợp pháp của quyết định khởi tố, quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản thì VKS yêu cầu CQĐT bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm rõ. Trường hợp xác định rõ hành vi vi phạm đã đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản mà CQĐT chưa khởi tố vụ án khi hết thời hạn giải quyết nguồn tin tội phạm thì VKS yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án.

Khi nhận hồ sơ đề nghị phê chuẩn quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung

quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản; việc quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam, bảo lãnh, đặt tiền để bảo đảm nếu qua xác định tài liệu thể hiện căn cứ để phê chuẩn chưa rõ thì VKS ra văn bản yêu cầu CQĐT bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm rõ căn cứ xem xét quyết định phê chuẩn.

Thứ hai, đề ra các yêu cầu điều tra, yêu cầu CQĐT làm rõ tội phạm

Để nâng cao hiệu quả thu thập chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội Tham ô tài sản, VKS có quyền đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu CQĐT tiến hành điều tra, đây là quyền năng quan trọng thuộc nội dung THQCT. Hoạt động đề ra yêu cầu điều tra có thể được thực hiện ngay từ khi có quyết định khởi tố vụ án với hình thức là yêu cầu trực tiếp hoặc bằng văn bản. Yêu cầu điều tra trực tiếp được thực hiện trong trường hợp KSV tham gia trực tiếp cùng ĐTV tiến hành các hoạt động điều tra như hỏi cung bị can, lấy lời khai người làm chứng, người liên quan, hoạt động đối chất, nhận dạng, khám xét, thu giữ... Tuỳ thuộc giá trị chứng minh của tài liệu, chứng cứ thu được mà yêu cầu điều tra bằng văn bản có thể được ban hành nhiều lần, thể hiện ý chí, quan điểm của KSV về tài liệu, chứng cứ cần phải thu thập.

Việc đề ra yêu cầu điều tra của VKS có ý nghĩa quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả điều tra, đặc biệt là bản yêu cầu điều tra có chất lượng sẽ giúp định hướng, góp phần cho quá trình thu thập tài liệu, chứng cứ được kịp thời, đầy đủ, qua đó chứng minh được hành vi phạm tội, góp phần xử lý nghiêm minh người phạm tội Tham ô tài sản. Nội dung bản yêu cầu điều tra phải cụ thể, trực tiếp và thể hiện được những vấn đề cần điều tra thu thập, củng cố chứng cứ nhằm làm rõ các tình tiết có liên quan trong vụ án tham ô tài sản theo quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015, tránh việc yêu cầu không rõ về vấn đề cần chứng minh. Do đó, nội dung yêu cầu điều tra phải là kết quả của hoạt động nghiên cứu, phân tích, tổng hợp, đánh giá, so sánh, đối chiếu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và văn bản pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Vụ án về tội Tham ô tài sản thường có nhiều tài liệu, chứng cứ phức tạp cần phải được xác định bằng nghiệp vụ chuyên môn, sự hỗ trợ của cơ quan giám định, định giá. Chính vì vậy, KSV cần chủ động đề ra yêu cầu điều tra về những vấn đề này, đồng thời yêu cầu xác minh về tài sản bị chiếm đoạt và thiệt hại nhằm có căn cứ áp dụng biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản,... tạo điều kiện thu hồi tài sản. Sau khi đề ra yêu cầu điều tra, KSV theo dõi để bảo đảm yêu cầu điều tra do VKS đề ra phải được ĐTV thực hiện.

Trường hợp vụ án về tội Tham ô tài sản do CQĐT cấp huyện điều tra mà có căn cứ và xét thấy cần thiết phải áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, nhưng CQĐT cấp huyện không đề nghị CQĐT cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng thì VKS cấp huyện ra văn bản yêu cầu CQĐT cấp huyện đang thụ lý đề nghị CQĐT cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng. Nếu cơ quan này không thực hiện thì báo cáo, đề xuất Viện trưởng VKS cấp tỉnh ra văn bản yêu cầu CQĐT cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng [66, tr 41].

Thứ ba, tiến hành một số hoạt động điều tra

Theo quy định của BLTTHS năm 2015 thì công tác điều tra vụ án hình sự, trong đó có điều tra về tội Tham ô tài sản là chức năng, nhiệm vụ của CQĐT. Tuy nhiên, trong một số trường hợp nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ cho việc phê chuẩn đối với lệnh, quyết định của CQĐT và làm rõ hành vi phạm tội, không bỏ lọt tội phạm và người phạm tội, không làm oan người vô tội hoặc đảm bảo cho việc truy tố, tại khoản 7 Điều 165 BLTTHS năm 2015 và khoản 7 Điều 114 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định khi THQCT trong giai đoạn điều tra vụ án, VKS có quyền tiến hành một số hoạt động điều tra. Theo đó, VKS có thể tiến hành một số hoạt động điều tra như: Hỏi cung bị can, lấy lời khai người bị bắt, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, đối chất và thực nghiệm điều tra. [35, tr 178, 181].

2.2.1.3. Yêu cầu cơ quan điều tra ban hành hoặc trực tiếp ban hành quyết định tố tụng làm rõ hành vi phạm tội tham ô tài sản

Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin tội Tham ô tài sản, VKS trực tiếp khởi tố vụ án khi VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản của CQĐT hoặc qua kết quả VKS trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản có căn cứ xác định hành vi đã phạm vào tội Tham ô tài sản. Bên cạnh đó, qua thực hiện chức năng, nhiệm vụ mà VKS trực tiếp phát hiện dấu hiệu tội Tham ô tài sản hoặc theo yêu cầu khởi tố của HĐXX thì VKS cũng trực tiếp khởi tố vụ án [35, tr.144].

Trong THQCT, khi nghiên cứu tài liệu, KSV cũng cần tiến hành kiểm tra phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt tài sản được phản ánh qua hóa đơn thanh toán, sổ ghi chép hoạt động thu - chi, biên nhận... cũng như nhân thân bị can (có phải là đảng viên không, nếu là đảng viên thì có quyết định xử lý của tổ chức đảng chưa). Qua nghiên cứu xác định có căn cứ ban hành các quyết định tố tụng để giải quyết vụ án nhưng CQĐT không ban hành thì VKS yêu cầu CQĐT thực hiện, nếu CQĐT không thực hiện thì VKS trực tiếp ban hành các quyết định tố tụng. Cụ thể:

- Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ xác định hành vi đã xảy ra có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản mà không phải tội đã khởi tố hoặc còn có hành vi phạm tội Tham ô tài sản thì VKS trực tiếp ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Tham ô tài sản. Trường hợp phát hiện người đã thực hiện hành vi có dấu hiệu phạm tội Tham ô tài sản chưa bị khởi tố, hành vi của bị can không phạm vào tội đã khởi tố mà cấu thành tội Tham ô tài sản, quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản không đúng với lý lịch bị can hoặc có căn cứ xác định ngoài hành vi phạm tội đã bị khởi tố, bị can còn thực hiện hành vi về tội Tham ô tài sản thì VKS trực tiếp ra quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản và gửi cho CQĐT để tiến hành điều tra [35, tr.172].

- Áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế. Việc áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế nhằm giúp cho việc thu thập tài liệu chứng

minh hành vi tham ô tài sản thuận lợi, góp phần thực hiện có mục đích của THQCT là buộc tội, truy cứu TNHS đối với người phạm tội Tham ô tài sản. Do đó, áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế của VKS là nội dung của THQCT. Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thấy đủ căn cứ và cần thiết tạm giam bị can theo quy định tại Điều 119 BLTTHS năm 2015 hoặc có căn cứ xác định bị can có dấu hiệu bỏ trốn ra nước ngoài thì VKS trực tiếp ban hành ra lệnh bắt bị can để tạm giam, ra lệnh tạm giam hoặc quyết định tạm hoãn xuất cảnh và chuyển cho CQĐT để thực hiện [66, tr.14]. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình trạng tài sản, nhân thân của bị can; bị can có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, có tình tiết giảm nhẹ thì VKS ra quyết định việc áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm, bảo lãnh hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú. Khi áp dụng các biện pháp này, VKS phải ra quyết định hủy bỏ biện pháp tạm giam [35, tr.121], thay thế bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm hoặc bảo lãnh và gửi ngay quyết định đó đến cơ sở đang giam giữ bị can, bị cáo để thi hành.

Trong giai đoạn điều tra vụ án về tội Tham ô tài sản, để đảm bảo cho việc thu thập tài liệu, chứng cứ đối với vụ án được khách quan, toàn diện và nếu xét thấy cần thiết thì VKS có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế áp giải đối với người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; hoặc áp dụng biện pháp cưỡng chế dẫn giải đối với người làm chứng, người bị tố giác, bị kiến nghị khởi tố đến địa điểm tiến hành điều tra [35, tr.122]. Ngoài ra, hành vi phạm tội Tham ô tài sản thường liên quan đến số lượng tiền và tài sản nhất định cần phải thu giữ. Do đó, nếu xét thấy có đủ căn cứ, điều kiện và cần thiết thì VKS ra lệnh kê biên tài sản của bị can, lệnh phong tỏa tài khoản đối với người bị buộc tội hoặc tài khoản của người khác khi có căn cứ cho rằng số tiền trong tài khoản đó liên quan đến hành vi tham ô tài sản [66, tr.16].

Bên cạnh những nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như trên, quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản, VKS có thể thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn

khác thuộc chức năng THQCT theo quy định của BLTTHS để đảm bảo thực hiện sự buộc tội đối với hành vi phạm tội Tham ô tài sản như yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hoặc VKS trực tiếp khởi tố vụ án hình sự khi phát hiện hành vi của người có thẩm quyền trong việc giải quyết tố giác, tin báo tội phạm, kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản có dấu hiệu tội phạm; quyết định chuyển vụ án, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh.

2.2.2. Quy định về thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội Tham ô tài sản

Giai đoạn truy tố vụ án về tội Tham ô tài sản bắt đầu từ khi VKS nhận được hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra đề nghị truy tố do CQĐT chuyển đến. VKS tiến hành nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, trên cơ sở đó thực hiện những nội dung THQCT như sau:

Thứ nhất, quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ, gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Sau khi nhận hồ sơ vụ án và bản kết luận điều tra, VKS phải kiểm tra việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế và tài liệu phản ánh hành vi tham ô tài sản trong giai đoạn điều tra. Trên cơ sở đó, tùy từng trường hợp cụ thể VKS quyết định áp dụng, thay đổi hay hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế nhằm đảm bảo việc truy tố theo quy định pháp luật. Nếu quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam thì thời hạn tạm giam trong giai đoạn truy tố không được quá thời hạn quyết định truy tố quy định tại khoản 1 Điều 240 BLTTHS năm 2015. Trường hợp vụ án có chứng cứ phức tạp, cần tiếp tục tạm giam bị can để hoàn tất thủ tục truy tố thì VKS ra quyết định gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp tạm giam, thời hạn gia hạn tạm giam không được quá thời hạn truy tố hoặc thời hạn gia hạn truy tố.

Thứ hai, quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can

Trên cơ sở nghiên cứu tài liệu và bản kết luận điều tra đề nghị truy tố bị can về tội Tham ô tài sản nếu phát hiện ngoài bị can bị đề nghị truy tố còn có người phạm tội Tham ô tài sản chưa được khởi tố, điều tra hoặc hành vi của bị can bị đề nghị truy tố không phạm vào tội mà CQĐT đã đề nghị truy tố mà phạm vào tội Tham ô tài sản hay còn phạm thêm tội Tham ô tài sản thì VKS quyết định khởi tố, thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản và chuyển hồ sơ cho CQĐT điều tra, đề nghị truy tố theo quy định pháp luật.

Thứ ba, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra

Qua nghiên cứu kết luận điều tra đề nghị truy tố cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nếu xét thấy cần có thêm tài liệu để đảm bảo việc truy tố bị can về tội Tham ô tài sản thì VKS yêu cầu các cơ quan, tổ chức cung cấp tài liệu liên quan đến hành vi tham ô tài sản

Giai đoạn truy tố tội Tham ô tài sản, VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp sau: *Một là*, phát hiện có dấu hiệu oan, sai đối với bị can hoặc còn bỏ lọt tội phạm hay người phạm tội Tham ô tài sản, vi phạm pháp luật mà VKS đã yêu cầu nhưng CQĐT không thực hiện. *Hai là*, cần kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi tham ô tài sản để đảm bảo cho việc ban hành quyết định tố tụng của VKS trong giai đoạn truy tố đúng quy định pháp luật TTHS. *Ba là*, Toà án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung có căn cứ mà xét thấy VKS có thể tiến hành điều tra bổ sung tài liệu, chứng cứ mà không cần phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung.

Hoạt động điều tra của VKS có thể tiến hành bao gồm: Hỏi cung bị can, lấy lời khai người liên quan đến vụ án, cho đối chất nhằm làm rõ những nội dung còn mâu thuẫn. Trên cơ sở kết quả trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, VKS có cơ sở vững chắc để ban hành quyết định tố tụng đúng quy định pháp luật.

Thứ tư, trả hồ sơ để điều tra bổ sung

Trong quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án cùng bản kết luận điều tra của CQĐT đề nghị truy tố về tội Tham ô tài sản, nhận thấy tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong giai đoạn điều tra chưa phản ánh đầy đủ hành vi phạm tội, người phạm tội hoặc hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của CQĐT không đúng pháp luật dẫn tới việc giải quyết vụ án không đảm bảo khách quan, toàn diện và đúng pháp luật thì VKS trả hồ sơ vụ án tham ô tài sản cho CQĐT để điều tra bổ sung nhằm khắc phục những vi phạm pháp luật đảm bảo việc xử lý tội phạm được khách quan, toàn diện, đúng quy định pháp luật, không làm oan người vô tội, bỏ lọt tội phạm về tội Tham ô tài sản.

Các trường hợp VKS phải trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra thu thập thêm tài liệu, chứng cứ làm rõ hơn về hành vi phạm tội Tham ô tài sản được quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 245 BLTTHS năm 2015, bao gồm: Còn thiếu chứng cứ để chứng minh một trong những vấn đề quy định tại Điều 85 BLTTHS mà VKS không thể tự mình bổ sung được; có căn cứ khởi tố bị can về một hay nhiều tội phạm khác; có người đồng phạm hoặc người phạm tội khác liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố bị can. Những nội dung này đã được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VSNDTC-BCA-TANDTC ngày 22/12/2017 về hướng dẫn thi hành các quy định của BLTTHS về trả hồ sơ điều tra bổ sung.

Thứ năm, gia hạn thời hạn truy tố, quyết định truy tố bị can phạm tội Tham ô tài sản ra trước Toà án để xét xử

Viện kiểm sát quyết định truy tố bị can phạm tội Tham ô tài sản ra trước phiên tòa để xét xử, đây là quyết định tố tụng được ban hành khi đã xem xét, đánh giá thận trọng về tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. VKS nhận thấy có căn cứ để xử lý đối với người thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản thì tiến hành truy tố hành vi và người phạm tội Tham ô tài sản bằng bản cáo trạng, phản ánh quan điểm của VKS về hành vi phạm tội. Nếu có căn cứ xác định

không thể truy tố bị can trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 240 BLTTHS thì VKS gia hạn thời hạn quyết định truy tố.

Cáo trạng là văn bản mang tính quyền lực Nhà nước, với hình thức khẳng định tính pháp lý của quyết định truy tố và nội dung truy tố người phạm tội Tham ô tài sản ra trước Tòa án để xét xử. Bản cáo trạng là căn cứ để Tòa án xem xét quyết định mở phiên tòa xét xử hành vi phạm tội, đồng thời, đây cũng là căn cứ xác định phạm vi xét xử của Tòa án, giúp bị can biết được hành vi phạm tội của mình bị truy tố theo khoản nào của tội Tham ô tài sản.

Thứ sáu, đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can về tội Tham ô tài sản

Trường hợp đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can hoặc tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can khi có căn cứ dẫn đến việc chấm dứt hoặc tạm dừng mọi hoạt động tố tụng đối với vụ án, bị can đã bị khởi tố về tội Tham ô tài sản. Trong giai đoạn truy tố, khi phát sinh căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 247 hoặc khoản 1 Điều 248 BLTTHS năm 2015 thì VKS ra quyết định tương ứng là tạm đình chỉ vụ án hoặc đình chỉ vụ án.

Trường hợp vụ án có nhiều bị can mà căn cứ đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án không liên quan đến tất cả các bị can thì quyết định đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với từng bị can.

Ngoài ra, trong giai đoạn truy tố, VKS còn thực hiện các nội dung THQCT như yêu cầu Cơ quan điều tra truy nã bị can; quyết định tách, nhập vụ án; chuyển vụ án để truy tố theo thẩm quyền, áp dụng biện pháp bắt buộc chữa bệnh; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác trong việc THQCT theo quy định BLTTHS năm 2015.

2.2.3. Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tội Tham ô tài sản

Giai đoạn xét xử sơ thẩm bắt đầu từ khi VKS chuyển hồ sơ vụ án và bản cáo trạng sang Tòa án. Trong giai đoạn này VKS tiến hành THQCT với nhiệm

vụ, quyền hạn quy định tại Điều 266 BLTTHS năm 2015 như sau:

2.2.3.1. Rút quyết định truy tố

Sau khi hồ sơ vụ án và cáo trạng truy tố bị can về tội Tham ô tài sản được chuyển đến Toà án để xét xử theo thẩm quyền. KSV được phân công THQCT sẽ nghiên cứu hồ sơ cùng tài liệu để tham gia phiên tòa.

Trước khi mở phiên tòa, qua nghiên cứu chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong giai đoạn trước đó cũng như được thu thập sau khi đã ban hành cáo trạng nếu xác định có một trong các căn cứ không khởi tố vụ án quy định tại Điều 157 BLTTHS năm 2015 hoặc căn cứ miễn trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 29 BLHS năm 2015 thì VKS rút quyết định truy tố về tội Tham ô tài sản và đề nghị Toà án đình chỉ vụ án. Việc rút quyết định truy tố phải bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Tại phiên tòa, sau khi xét hỏi bị cáo về hành vi tham ô tài sản, nếu xét thấy căn cứ để xét xử đối với bị cáo là không đúng quy định pháp luật thì KSV có thể rút một phần hay toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội Tham ô tài sản. Phát biểu rút quyết định truy tố của KSV tại phiên tòa phải thể hiện rõ lý do [35, tr.273].

2.2.3.2. Công bố cáo trạng

Công bố cáo trạng được thực hiện sau phần thủ tục và trước phần xét hỏi tại phiên tòa. KSV phải đọc toàn văn cáo trạng truy tố về tội Tham ô tài sản đã được Lãnh đạo ký không được sửa chữa từ, ngữ, cắt giảm lời văn, nội dung, đây là hoạt động pháp lý công khai thể hiện quan điểm buộc tội của VKS về hành vi phạm tội Tham ô tài sản đối với bị cáo, mở đầu cho việc xét xử của Toà án. Nếu có ý kiến bổ sung thì KSV có thể trình bày nhưng không được làm xấu đi tình trạng của bị cáo [35, tr.265].

Kiểm sát viên phải đọc với giọng rõ ràng, mạch lạc, phát âm chuẩn từ ngữ tiếng Việt; phải ngắt câu nhưng không làm mất hoặc sai lệch nội dung; đối với những từ ngữ la tinh, nước ngoài, chữ viết tắt cần phiên âm ra tiếng việt có

dấu; phải có điểm nhấn tại các phần “kết luận”, “quyết định”. Khi đọc bản cáo trạng KSV phải thể hiện sự trang nghiêm, phong thái đĩnh đạc.

2.2.3.3. Thực hiện việc xét hỏi, xem xét vật chứng

Khi THQCT tại phiên tòa xét xử về tội Tham ô tài sản, KSV phải tiến hành xét hỏi. KSV trực tiếp xét hỏi bằng cách hỏi và nghe ý kiến của bị cáo, bị hại, đương sự, người làm chứng, người giám định, người định giá tài sản, xem xét vật chứng, nhận xét và hỏi thêm những vấn đề liên quan đến tài liệu được công bố để kiểm tra, xác minh đánh giá lại toàn bộ chứng cứ về nội dung, quan điểm truy tố đã nêu trong cáo trạng một cách công khai, khách quan và toàn diện.

Kiểm sát viên phải đặt câu hỏi có nội dung sát với tình tiết của vụ án, chi tiết, cụ thể, không hỏi chung chung; câu hỏi ngắn gọn, khách quan, rõ ràng, dễ hiểu, tránh câu hỏi gợi ý, giải thích, dài dòng hoặc kết luận ngay; xác định đầy đủ tình tiết vụ án, làm rõ thủ đoạn thực hiện hành vi để chiếm đoạt tài sản, hoạt động che giấu hành vi phạm tội Tham ô tài sản.... Quá trình xét hỏi, KSV cần dựa vào diễn biến tại phiên tòa để xét hỏi linh hoạt, nhanh nhạy đưa ra câu hỏi phù hợp mà không cứng nhắc phụ thuộc vào dự thảo đề cương đã chuẩn bị.

Để chủ động trong xét hỏi, làm rõ tội Tham ô tài sản, KSV phải xây dựng đề cương xét hỏi, dự kiến nội dung được trả lời. Trường hợp cần thiết, KSV cần trao đổi thống nhất với Thẩm phán chủ tọa phiên tòa về phạm vi những vấn đề KSV cần làm rõ tại phiên tòa, phạm vi vấn đề mà Thẩm phán xét hỏi để tránh trùng lặp.

2.2.3.4. Trình bày luận tội

Luận tội là văn bản nghiệp vụ được KSV trình bày tại phiên tòa, thể hiện quan điểm buộc tội chính thức và cuối cùng của VKS đối với hành vi phạm tội Tham ô tài sản của bị cáo. Bản luận tội giúp cho bị cáo biết được hành vi phạm tội Tham ô tài sản của mình bị buộc tội theo khoản nào, trên cơ sở đó, bị cáo,

người bào chữa và những người tham gia tố tụng tiến hành tranh tụng, làm căn cứ để HĐXX ban hành bản án đúng pháp luật.

Luận tội phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người bảo vệ quyền lợi của đương sự và những người tham gia tố tụng khác [35, tr.273]. Bản luận tội phải phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu về hành vi tham ô tài sản một cách khách quan, toàn diện, đầy đủ, đảm bảo có tính giáo dục, thuyết phục cao; đồng thời, phải thể hiện được nội dung xác định tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp cần áp dụng, vấn đề bồi hoàn tài sản đã chiếm đoạt...

Kiểm sát viên trình bày bản luận tội và đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng; kết luận về khoản khác nhẹ hơn hoặc nặng hơn với khoản mà VKS đã truy tố, trường hợp nếu xác định không đủ căn cứ để kết luận bị cáo phạm tội Tham ô tài sản thì KSV rút một phần hoặc toàn bộ quyết định truy tố hoặc kết luận về tội danh nhẹ hơn.

2.2.3.5. Tiến hành hoạt động tranh luận tại phiên tòa

Tranh luận là nội dung bắt buộc khi THQCT tại phiên tòa. Đây là hoạt động của KSV đối đáp với bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác nhằm làm rõ tình tiết khách quan, vấn đề liên quan đến tội Tham ô tài sản, trên cơ sở đó góp phần cùng HĐXX đánh giá hành vi phạm tội để quyết định hình phạt tương xứng. KSV cần căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa để lập luận và đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa; bảo đảm nội dung tranh luận có căn cứ, chính xác và thuyết phục cao.

Khi tranh luận KSV cần tập trung chú ý theo dõi, lắng nghe và ghi chép đầy đủ ý kiến của bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng để sửa đổi, bổ sung, cập nhật kịp thời vào nội dung của bản dự thảo đề cương tranh luận và dự kiến nội dung, căn cứ pháp lý, viện dẫn chứng cứ đối đáp để bảo vệ

quan điểm của VKS. KSV phải nghe hết ý của người bào chữa, bị cáo trình bày để biết vấn đề mà những người này muốn đề cập để tiến hành phân tích, đánh giá những thông tin này, tránh việc vội chú ý vào một nội dung mà không theo được các vấn đề còn lại.

Kiểm sát viên cần linh hoạt trong chọn nội dung đã có luận cứ, luận điểm để tranh luận trước, còn vấn đề phức tạp có thể tranh luận sau để có thời gian tìm tài liệu, văn bản pháp luật dùng làm luận cứ. KSV có thể nhóm các vấn đề đối lập hoặc có nội dung tương tự lại với nhau để lập luận, đối đáp theo từng nhóm ý kiến riêng biệt. Quá trình tranh luận thể hiện sự cầu thị, tiếp thu quan điểm hợp lý nhưng cũng phải kiên quyết phản bác quan điểm sai trái; trả lời dứt điểm, không lặp lại những gì đã tranh luận. Kết quả tranh luận tại phiên tòa là căn cứ để Tòa án ra bản án với mức hình phạt tương xứng hành vi phạm tội, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

2.2.3.6. Kháng nghị bản án sơ thẩm hoặc quyết định của Tòa án

Kháng nghị là quyền năng pháp lý mà Nhà nước chỉ duy nhất giao cho VKS thực hiện khi phát hiện thiếu sót, vi phạm đối với bản án của Tòa án cùng cấp hoặc cấp dưới chưa có hiệu lực pháp luật nhằm đảm bảo việc xét xử được thực hiện theo pháp luật.

Sau khi kết thúc phiên tòa và nhận được bản án sơ thẩm về tội Tham ô tài sản, KSV tiến hành đối chiếu nội dung bản án với tài liệu, chứng cứ của vụ án đã được kiểm tra, đánh giá công khai tại phiên tòa. Nếu phát hiện oan, sai, bỏ lọt tội phạm, người phạm tội về tham ô tài sản thì KSV báo cáo lãnh đạo Viện thực hiện quyền kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án. Kháng nghị của VKS là thực hiện THQCT. Bằng hoạt động này VKS yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại vụ án tham ô tài sản, khắc phục thiếu sót của Tòa án cấp dưới. Thẩm quyền và thời hạn kháng nghị phúc thẩm thực hiện theo quy định tại Điều 336 và 337 BLTTHS năm 2015.

Tiểu kết chương 2

Thực hành quyền công tố là chức năng hiến định của Viện kiểm sát nhân dân, có vai trò quan trọng trong việc giải quyết và đấu tranh tội phạm nói chung và tội Tham ô tài sản nói riêng. Nội dung Chương 2 đã tập trung nghiên cứu cơ sở lý luận, pháp luật về tội Tham ô tài sản và chức năng thực hành quyền công tố, qua đó làm rõ khái niệm, dấu hiệu pháp lý tội Tham ô tài sản; khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung quyền công tố cũng như thực hành quyền công tố. Trên cơ sở đó, tác giả phân tích về khái niệm, đối tượng, phạm vi, nội dung, hình thức và ý nghĩa của thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản. Đồng thời, tác giả cũng đã phân tích một số đặc điểm, yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, mối quan hệ giữa thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản.

Qua nghiên cứu quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát khi thực hành quyền công tố, Chương 2 đã phân tích nội dung thực hành quyền công tố trong các giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án tham ô tài sản, trong đó nhấn mạnh các nội dung như: Đề ra yêu cầu xác minh, kiểm tra tố giác, tin báo tội phạm; phê chuẩn, không phê chuẩn, huỷ bỏ các quyết định tố tụng, gia hạn việc áp dụng biện pháp ngăn chặn hoặc huỷ bỏ quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra; phê chuẩn, không phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản; yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đề ra yêu cầu điều tra và yêu cầu Cơ quan điều tra tiến hành điều tra, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra; trả hồ sơ điều tra bổ sung; tiến hành xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, kháng nghị...

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỐ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN

3.1. Khái quát tình hình tội Tham ô tài sản từ xảy ra từ năm 2013 đến năm 2022 ở Việt Nam

Trong những năm qua, với quyết tâm chính trị của Đảng và Nhà nước; sự lãnh, chỉ đạo tập trung, quyết liệt của tổ chức Đảng, đặc biệt là Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; sự nỗ lực, cố gắng của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và toàn thể Nhân dân nên công tác phòng, chống tham nhũng đã có bước tiến mạnh mẽ. Thực hiện tinh thần đó, Ban Cán sự, lãnh đạo VKSND tối cao đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, tích cực phối hợp với CQTHTT thực hiện quyết liệt, có chất lượng, đảm bảo tiến độ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tham nhũng.

Việc phát hiện, xử lý tội phạm về tham nhũng trong đó có tội Tham ô tài sản được thực hiện đồng bộ, triệt để “không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền”, góp phần quan trọng trong việc kiểm chế, ngăn chặn, đẩy lùi vi phạm và tội phạm về tham nhũng, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, củng cố niềm tin của Nhân dân.

Theo số liệu thống kê của VKSND tối cao, từ năm 2013 đến năm 2022, CQTHTT trên phạm vi toàn quốc đã khởi tố mới 1.189 vụ/2.045 bị can về tội Tham ô tài sản; VKS đã tiến hành truy tố 1.261 vụ/2.395 bị can và THQCT tại phiên toà xét xử sơ thẩm đối với 1.173 vụ/2.264 bị cáo về tội Tham ô tài sản. VKS các cấp ban hành 61 kháng nghị đối với 61 vụ án/89 bị cáo (số liệu cụ thể hàng năm tại bảng 1.1, phụ lục 1) [68]. Quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản, tùy từng trường hợp cụ thể, VKS đã thực hiện các nội dung THQCT nhằm đảm

bảo việc truy cứu trách nhiệm hình sự, buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội.

Thực tiễn THQCT từ năm 2013 đến năm 2022 cho thấy, diễn biến tội Tham ô tài sản qua các năm có số lượng tăng, giảm và tính chất, mức độ khác nhau. Nhiều vụ án gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, gây bức xúc trong dư luận xã hội, tác động xấu đến môi trường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Chủ thể tội phạm là những người có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực mà họ được giao quản lý, hiểu biết pháp luật nên hành vi phạm tội thường phức tạp với phương thức, thủ đoạn phạm tội tinh vi như làm khống các hợp đồng, chứng từ thanh toán... và hành vi tham ô tài sản diễn ra trong thời gian dài mới bị phát hiện nên việc thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, ý thức chiếm đoạt gặp nhiều khó khăn.

Hành vi tham ô tài sản không chỉ xảy ra ở Trung ương, địa phương có nền kinh tế phát triển; chương trình, dự án lớn mà còn xuất hiện nhiều trong cấp chính quyền địa phương nơi có kinh tế kém phát triển, chương trình, dự án nhỏ; xảy ra trong nhiều lĩnh vực như thuế, y tế, tài nguyên môi trường, quản lý tài chính, tín dụng, ngân hàng, đất đai, xây dựng, quản lý vốn và tài sản tại doanh nghiệp... làm thiệt hại, thất thoát, lãng phí lượng lớn tài sản của doanh nghiệp, tổ chức, Nhà nước. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội và tác hại nhất định đối với chính trị; giảm hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước; ảnh hưởng đến môi trường kinh doanh, giảm đáng kể năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, làm chậm tốc độ tăng trưởng đối với nền kinh tế. Trước tình hình đó, nhiệm vụ giải quyết vụ án tham ô tài sản đặt ra đối với cơ quan bảo vệ pháp luật rất nặng nề, tuy nhiên với sự phối hợp chặt chẽ mà trong thời gian qua công tác này đã đạt được kết quả đáng khích lệ, phần lớn hành vi phạm tội Tham ô tài sản đều bị phát hiện và xử lý kịp thời đáp ứng được yêu cầu của xã hội, góp phần hạn chế sự gia tăng tội phạm nhằm phục vụ tình hình chính trị mỗi địa phương.

3.2. Kết quả thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

3.2.1. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra về tội Tham ô tài sản

3.2.1.1. Phê chuẩn, không phê chuẩn, thay thế, huỷ bỏ, gia hạn các lệnh, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra

Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS tiến hành THQCT đối với 1.189 quyết định khởi tố vụ án, 359 quyết định không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản, số liệu tại bảng 1.1 phụ lục 1 [68]. Trong đó, từ năm 2019 đến 2022, VKS tối cao THQCT đối với 23 quyết định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản; VKS các tỉnh Lâm Đồng, Bà Rịa - Vũng Tàu và Thành phố Hồ Chí Minh THQCT tương ứng lần lượt đối với 05, 00, 20 quyết định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản, VKS cấp quận, huyện của 03 địa phương trên THQCT lần lượt là 07, 03, 30 quyết định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản (số liệu tại bảng 1.5, 1.9, 1.12 và 1.15 phụ lục 1). Qua số liệu trên cho thấy, để thực hiện hiệu quả THQCT, Kiểm sát viên nghiên cứu kỹ biên bản ghi lời khai, biên bản khám xét, các hóa đơn, chứng từ, kết luận giám định, định giá tài sản... phản ánh về hành vi, thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản thuộc trách nhiệm quản lý và đối chiếu với quy định pháp luật để xác định tính có căn cứ và hợp pháp của quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can.

Việc xác định hành vi phạm tội có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không là việc hết sức khó khăn, phức tạp. Vì giai đoạn này có nhiều tài liệu, chứng cứ phản ánh chưa toàn diện về hành vi phạm tội nhưng KSV phải nghiên cứu, đối chiếu chỉ trong 03 ngày kể từ khi nhận quyết định quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can cùng đề nghị phê chuẩn. Tuy nhiên, các đơn vị VKS được khảo sát đã phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản đúng pháp luật. Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS phê chuẩn đối với 2.045 quyết định khởi tố bị can phạm tội Tham ô tài sản (bảng số 1.1 phụ lục 1) [68]. Trường hợp tài liệu, chứng cứ phản ánh không có hành vi tham ô tài sản, hành vi không

cầu thành tội Tham ô tài sản hoặc quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản không có căn cứ, trái pháp luật thì VKS huỷ bỏ quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Từ năm 2015 đến năm 2020, VKS đã huỷ bỏ 01 quyết định khởi tố vụ án, 01 quyết định khởi tố bị can đối với Trần Văn Sơn về tội Tham ô tài sản xảy ra tại tỉnh Lai Châu [63].

Từ năm 2013 đến năm 2022, CQĐT ban hành 204 quyết định tạm dừng, tạm đình chỉ việc giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản, tạm đình chỉ điều tra 77 vụ/81 bị can, đình chỉ điều tra 56 vụ/36 bị can về tội Tham ô tài sản [64] (bảng số 1.2 phụ lục 1). Số vụ án tạm đình chỉ điều tra mỗi năm có sự tăng, giảm không ổn định. Năm 2013, CQĐT tạm đình chỉ 06 vụ/07 bị can, giảm còn 02 vụ/03 bị can vào năm 2017 nhưng lại tăng lên 15 vụ/12 bị can vào năm 2022, đây cũng là năm có số lượng vụ án, bị can tạm đình chỉ điều tra cao nhất trong giai đoạn khảo sát. Trong khi đó, số vụ án đình chỉ điều tra thì có chiều hướng giảm, năm 2014 có số vụ án đình chỉ điều tra cao nhất là 23 vụ/10 bị can và giảm còn 01 vụ/09 bị can vào năm 2021. Các quyết định tạm đình chỉ giải quyết nguồn tin, tạm đình chỉ, đình chỉ điều tra vụ án được VKS kịp thời nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá tài liệu và đối chiếu với quy định BLTTHS năm 2015 để xác định căn cứ thống nhất hay huỷ bỏ đối với các quyết định của CQĐT. Qua THQCT từ năm 2015 đến năm 2020, VKS đã yêu cầu huỷ quyết định đình chỉ điều tra vụ án và yêu cầu phục hồi điều tra 01 vụ án về tội Tham ô tài sản. Đó là vụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xảy ra tại Ban quản lý dự án Chợ thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh, CQĐT ra quyết định đình chỉ vụ án số 02 ngày 25/5/2015; ngày 11/01/2018 VKS yêu cầu huỷ quyết định đình chỉ và yêu cầu phục hồi điều tra vụ án, sau đó vụ án đã được truy tố, xét xử về tội Tham ô tài sản và Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản [64].

Quá trình giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản, việc áp dụng biện pháp ngăn chặn có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, nhằm ngăn chặn kịp thời người có

hành vi phạm tội bỏ trốn, tiêu huỷ chứng cứ liên quan hoặc tiếp tục phạm tội. Thực tiễn cho thấy, bị can phạm tội Tham ô tài sản thường bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm giam, bắt tạm giam. Sau khi nhận quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn, VKS kiểm tra tài liệu, chứng cứ và đối chiếu với căn cứ pháp luật, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội để xác định sự cần thiết áp dụng biện pháp ngăn chặn; trực tiếp gặp, hỏi người bị bắt để củng cố tài liệu. Trên cơ sở đó, VKS tiến hành THQCT phê chuẩn, không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh tạm giam. Chính vì vậy các trường hợp bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, gia hạn tạm giữ, tạm giam, bắt bị can để tạm giam đối với người có hành vi tham ô tài sản đều được VKS phê chuẩn kịp thời, đúng pháp luật. Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS phê chuẩn đúng người, đúng trình tự thủ tục đối với 1.807 lệnh tạm giam, lệnh bắt bị can để tạm giam [68]. Khi xét thấy không cần thiết phải áp dụng biện pháp ngăn chặn đối với bị can phạm tội Tham ô tài sản, theo đề nghị của CQĐT, VKS kịp thời ra quyết định thay đổi, hủy bỏ. Trường hợp xét thấy cần thiết phải gia hạn tạm giam để điều tra thu thập tài liệu, chứng cứ thì VKS đã ban hành quyết định gia hạn [35, tr.166].

Thực tiễn cho thấy phần lớn tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án được thu thập thông qua hoạt động khám xét chỗ ở, nơi làm việc; thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm (gọi tắt là thu giữ). Qua nghiên cứu 200 hồ sơ vụ án về tội Tham ô tài sản đã khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử từ năm 2013 đến năm 2022 cho thấy: Để kịp thời phát hiện, thu giữ tiền, tài sản do hành vi tham ô mà có; giấy tờ, tài liệu phản ánh thủ đoạn chiếm đoạt tài sản, CQĐT đã áp dụng biện pháp khám xét nơi ở hoặc nơi làm việc của đối tượng đối với 100% vụ án được khảo sát. Đây là biện pháp điều tra mang tính cưỡng chế hình sự đụng chạm đến quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở, thân thể, tài sản cá nhân. Chính vì vậy, VKS phải phê chuẩn quyết định áp dụng các biện pháp này trước khi thi

hành, ngoại trừ trường hợp khẩn cấp thì CQĐT thực hiện khám xét, thu giữ nhưng phải báo cho VKS ngay sau khi thực hiện.

Vụ án sau minh họa cho trường hợp này: Quá trình thực hiện Đề án phát triển Kinh tế - xã hội dân tộc Ở Đu tại bản Văng Môn, xã Nga Mi, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An về xóa đói, giảm nghèo, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc Ở Đu. Kim Văn Bốn, là cán bộ Phòng chính sách - Ban dân tộc tỉnh Nghệ An đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao, thực hiện hành vi lập khống hồ sơ để chiếm đoạt tiền từ Đề án. Ngày 21/7/2020, CQĐT Công an tỉnh Nghệ An ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Kim Văn Bốn về tội Tham ô tài sản, ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét chỗ ở của bị can và chuyển VKS phê chuẩn. KSV khẩn trương, thận trọng nghiên cứu, kiểm tra, đánh giá về tài liệu căn cứ, thẩm quyền, đối tượng áp dụng lệnh khám xét, thu giữ và đề xuất Lãnh đạo phê chuẩn, đảm bảo hiệu quả thu thập tài liệu, chứng cứ phản ánh về hành vi phạm tội Tham ô tài sản, qua đó chứng minh làm rõ hành vi phạm tội của bị can, làm cơ sở cho hoạt động điều tra tiếp theo. Qua khám xét, CQĐT đã thu giữ các hồ sơ khống, giấy tờ rút tiền... [69].

3.2.1.2. Yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, đề ra các yêu cầu điều tra; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc ban hành quyết định tố tụng làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, đề ra các yêu cầu điều tra

Để có căn cứ THQCT, ngay từ giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản, VKS chủ động phối hợp, yêu cầu CQĐT tiến hành kiểm tra, xác minh cung cấp tài liệu, chứng cứ về hành vi phạm tội. Giai đoạn từ năm 2013 đến năm 2022, qua THQCT đối với việc giải quyết 1.856 tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản, VKS ban hành 1.905 văn bản yêu cầu kiểm tra, xác minh, chiếm 100% tổng thụ lý. VKS phối hợp với CQĐT giải quyết 1.740 vụ việc, chiếm 93,8%, trong đó, khởi tố vụ án đối với 1.189 vụ

việc, chiếm 68,3%; không khởi tố vụ án đối với 359 vụ việc, chiếm 20,6%; tạm đình chỉ 192 vụ việc, chiếm 11% trên tổng số nguồn tin đã giải quyết [68].

Đối với kiến nghị khởi tố có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản theo kết luận Thanh tra, kết quả Kiểm toán chuyển đến, thông thường ban đầu đề cập nhiều chứng cứ, tài liệu và những dạng vi phạm. Nhưng hoạt động kiểm tra, xác minh, xem xét các vi phạm đó có dấu hiệu tội phạm hay không để ra quyết định khởi tố vụ án hình sự là việc rất khó khăn, phức tạp, đòi hỏi KSV phải có kiến thức chuyên môn về lĩnh vực xảy ra vi phạm như: Ngân hàng, tài chính, đất đai; xây dựng cơ bản; đấu thầu... Tuy nhiên, KSV đã nghiên cứu, tìm hiểu kiến thức chuyên ngành và quy định pháp luật để kịp thời ban hành văn bản yêu cầu cung cấp tài liệu, đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh đầy đủ, khách quan, đúng pháp luật, bảo đảm làm rõ dấu hiệu của tội Tham ô tài sản. Chẳng hạn như quá trình kiểm tra, xác minh hành vi tham ô tài sản tại Công ty sửa chữa tàu biển Vinalines được thực hiện bởi các đối tượng Trần Hải Sơn - Tổng giám đốc; Trần Văn Quang - Trưởng phòng Kế hoạch; Trần Bá Hùng - cán bộ Hyundai Vinashin; Phạm Bá Giáp - Giám đốc Công ty Nguyên Ân. Các đối tượng lập 02 bộ hợp đồng, chứng từ quyết toán khống trong việc sửa chữa ụ nổi 83M để chiếm đoạt 2,9 tỉ đồng. Ngay từ khi giải quyết nguồn tin tội phạm, KSV nghiên cứu tài liệu, quy định pháp luật chuyên ngành liên quan để có quan điểm yêu cầu CQĐT cung cấp các hợp đồng, chứng từ quyết toán làm rõ dấu hiệu tội phạm. Trên cơ sở đó, CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can và bắt tạm giam 04 bị can và VKS phê chuẩn để điều tra về tội Tham ô tài sản [64].

Kiểm sát viên luôn chủ động bám sát tiến độ kiểm tra, xác minh; tập trung phân tích, đánh giá chứng cứ về thủ đoạn, tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm. Nếu xác định tài liệu, chứng cứ đã thu thập phản ánh rõ hành vi của đối tượng cấu thành tội Tham ô tài sản nhưng CQĐT không khởi tố vụ án, khởi tố bị can thì VKS yêu cầu CQĐT ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can để tiến hành điều tra. Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS ban hành 68 yêu

cầu khởi tố vụ án, yêu cầu khởi tố 11 bị can về tội Tham ô tài sản [64]. Trong đó đáng lưu ý, đã ban hành yêu cầu khởi tố bị can đối với 03 đối tượng Nguyễn Anh Minh, Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam; Nguyễn Đức Hưng, Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch; Bùi Mạnh Hiên, Chánh văn phòng Tổng công ty cổ phần xây lắp dầu khí Việt Nam trong vụ án Trịnh Xuân Thanh, Đinh La Thăng và đồng phạm phạm tội Tham ô tài sản xảy ra tại nhà máy Nhiệt điện Thái bình 2 và Nhiệt điện Vũng Áng - Quảng Trạch [69]. Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ, nếu xác định CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can không đúng tội Tham ô tài sản hoặc đã khởi tố nhưng còn bỏ lọt tội Tham ô tài sản thì VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Trong thời gian khảo sát, VKS đã yêu cầu CQĐT thay đổi quyết định khởi tố vụ án đối với 09 trường hợp, thay đổi quyết định khởi tố bị can đối với 14 bị can về tội Tham ô tài sản [68].

Nhằm làm rõ tình tiết liên quan đến hành vi phạm tội, KSV bám sát tiến độ điều tra, nghiên cứu kỹ tài liệu, chứng cứ đã thu thập để trên cơ sở đó kịp thời, chủ động đề ra yêu cầu điều tra đầy đủ, chính xác giúp hỗ trợ, định hướng ĐTV thu thập chứng cứ khách quan, toàn diện góp phần làm rõ hành vi tham ô tài sản; yêu cầu điều tra làm rõ tình tiết còn mâu thuẫn, chưa được điều tra hoặc mới phát sinh nhằm xác định đúng bản chất vụ án tham ô tài sản, tội danh, làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp thu giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản; chủ động đề ra yêu cầu khi ĐTV tiến hành hoạt động điều tra khám xét, đối chất, nhận biết giọng nói... Căn cứ vào tình hình thực tiễn, tùy theo tiến độ điều tra và giá trị chứng minh của tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong từng vụ án tham ô tài sản cụ thể mà VKS có thể ban hành một hay nhiều bản yêu cầu điều tra. Từ năm 2013 đến 2022, VKS đã tăng cường trách nhiệm công tố, ban hành 1.463 yêu cầu điều tra đối với vụ án tham ô tài sản (chiếm tỷ lệ 100%), trong đó có một số vụ án KSV đã ban hành nhiều hơn 01 yêu cầu điều tra. Trên

cơ sở nghiên cứu 200 hồ sơ vụ án tham ô tài sản tiến hành điều tra từ năm 2013 đến năm 2022, VKS đã ban hành các bản yêu cầu điều tra như sau: 01 lần 49 vụ, chiếm 24,5%; 02 lần 65 vụ, chiếm 32,5%; trên 02 lần 86 vụ, chiếm 43%, phần lớn các bản yêu cầu điều tra định hướng được quá trình điều tra, nội dung yêu cầu cụ thể, có tính khả thi. Chẳng hạn vụ án tham ô tài sản do Trịnh Xuân Thanh và đồng phạm thực hiện tại Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình Dương, chiếm đoạt là 49 tỷ đồng. Quá trình điều tra, VKS đã ban hành hơn 02 bản yêu cầu điều tra nhằm làm rõ thủ đoạn lập, ký và thanh toán hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với mức giá thấp hơn mức đã thỏa thuận đặt cọc; đồng thời yêu cầu làm rõ số tiền các bị can đã chiếm đoạt. [61].

Thông thường vụ án tham ô tài sản có số tiền bị chiếm đoạt lớn, tình tiết phức tạp, có nhiều tài liệu được phản ánh trong kết luận về thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nên KSV đã nghiên cứu, phân tích tài liệu một cách tổng thể, chọn điểm đột phá để yêu cầu điều tra. Điển hình như vụ án Đinh La Thăng, Trịnh Xuân Thanh và đồng phạm phạm tội Tham ô tài sản xảy ra tại Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, trên cơ sở kết luận thanh tra và số lượng lớn tài liệu, KSV đã nghiên cứu và điểm đột phá được lựa chọn chính là việc Đinh La Thăng chỉ đạo cho tạm ứng và Trịnh Xuân Thanh sử dụng vốn tạm ứng trái quy định ở Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình với số tiền trên 1.300 tỷ đồng. Từ đó đề ra yêu cầu điều tra giúp giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật [64].

Kiểm sát viên chủ động đề ra yêu cầu CQĐT thu thập tài liệu có liên quan đến tài sản bị chiếm đoạt, thiệt hại và tài sản của bị can; đồng thời yêu cầu CQĐT tiến hành hoặc trực tiếp áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản của đối tượng ngay khi có quyết định khởi tố bị can để có cơ sở thu hồi tài sản bị chiếm đoạt. Qua thực tế, cho thấy nhiều vụ án tham ô tài sản, CQHTTT đã điều tra, truy tìm và thu hồi được khá nhiều tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại. Trong đó, một số vụ án có tỷ lệ thu hồi tài sản cao hoặc đã thu hồi được toàn bộ tài sản, điều này thể hiện rõ vai trò, sự quyết liệt của

VKS trong yêu cầu điều tra để thu hồi tài sản, điển hình như: Vụ án Giang Kim Đạt và đồng phạm phạm tội Tham ô tài sản, xảy ra tại Công ty vận tải Viễn dương Vinashin, VKS yêu cầu CQĐT kê biên 40 bất động sản, gồm nhà, đất ở các tỉnh Khánh Hòa, Hải Phòng và Thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, tổng trị giá trên 300 tỷ đồng. Hơn nữa, VKSND tối cao đã hoàn thành hồ sơ yêu cầu Xing-ga-po tương trợ tư pháp về yêu cầu thu hồi tài sản liên quan số tiền bán nhà, số tiền trong tài khoản của bị can Giang Kim Đạt ký quỹ tại ngân hàng Xing-ga-po. Hoặc như vụ án tham ô tài sản do Trịnh Xuân Thanh thực hiện tại Công ty cổ phần bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam, VKS đã phối hợp và yêu cầu CQĐT kê biên và thu hồi được 45,2 tỷ đồng [64]. Hơn nữa, nhiều vụ án về tội Tham ô tài sản có tỷ lệ thu hồi được 100% số tài sản bị chiếm đoạt hoặc thiệt hại. Kết quả này thể hiện sự tích cực và chủ động của VKS trong THQCT đề ra yêu cầu điều tra nhằm thu hồi tài sản, như: vụ án tham ô tài sản xảy ra tại trường Trung học cơ sở Giồng Ông Tố, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh, thu hồi được 7.750.581.374 đồng; vụ án Nguyễn Phước Lợi phạm tội Tham ô tài sản tại Ngân hàng Agribank, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, thu hồi 3,3 tỷ đồng;... [63].

Đối với vụ việc có chứng cứ là dữ liệu điện tử, KSV đã phối hợp và yêu cầu ĐTV tiến hành khám xét, khẩn trương thu giữ thiết bị lưu trữ dữ liệu điện tử để thu thập đầy đủ chứng cứ điện tử theo đúng quy định pháp luật tố tụng; tiến hành niêm phong, bảo quản đúng quy trình, kỹ thuật để chuyển cho cơ quan giám định, phục hồi dữ liệu điện tử. Trong một số trường hợp cần thiết, KSV kịp thời trao đổi với ĐTV mời người có chuyên môn về công nghệ thông tin tham gia cùng khám xét xác định đồ vật, tài liệu cần phải thu và phương thức thu, nhằm đảm bảo giá trị chứng minh, tránh trường hợp làm mất thông tin, dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội Tham ô tài sản. Khi cần phải trưng cầu giám định, yêu cầu định giá theo quy định, KSV chủ động đề ra yêu cầu, bảo đảm nội dung trưng cầu, yêu cầu định giá cụ thể, rõ ràng, khắc phục tình

trạng cơ quan, tổ chức, cá nhân được trưng cầu không xác định chính xác về hậu quả thiệt hại, giá trị tài sản bị chiếm đoạt. Bên cạnh đó, KSV đã phối hợp chặt chẽ với ĐTV nhằm đôn đốc tổ chức, cá nhân thực hiện việc giám định kịp thời, khẩn trương ban hành kết luận giám định, để có căn cứ giải quyết vụ án theo tiến độ đề ra.

Thứ hai, trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra hoặc ban hành quyết định tố tụng làm rõ hành vi phạm tội Tham ô tài sản

Nội dung khác của THQCT trong giai đoạn điều tra, đó là VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra. Đối với vụ án tham ô tài sản có bị can không nhận tội, tài liệu chứng cứ còn mâu thuẫn thì VKS trực tiếp lấy lời khai bị can, đối chất làm cơ sở cho việc phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, lệnh bắt bị can để tạm giam được chính xác, bảo đảm chống oan sai, bỏ lọt tội phạm. Điển hình như vụ án tham ô tài sản sau: Lê Thị Thúy An là thủ quỹ, nhân viên bán hàng của Nhà máy Gạch ngói Tunnel Long Xuyên tỉnh An Giang, từ tháng 10/2012 đến 10/2015, lợi dụng việc được giao thu tiền từ khách hàng, An chiếm đoạt số tiền 821.862.521 đồng. CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản và chuyển hồ sơ sang VKS phê chuẩn. Trước khi phê chuẩn, KSV đã tiến hành lấy lời khai Lê Thị Thúy An để làm rõ thủ đoạn thực hiện hành vi và số tiền mà bị can đã chiếm đoạt [69].

Trong giai đoạn điều tra, qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ phát hiện có căn cứ theo quy định pháp luật nhưng CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn không đúng hoặc không áp dụng thì VKS trực tiếp quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn nhằm đảm bảo thu thập tài liệu, chứng cứ, thực hiện sự buộc tội, truy cứu TNHS. Quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản, từ năm 2015 đến năm 2020, VKS đã trực tiếp ban hành lệnh bắt bị can để tạm giam đối với 06 bị can phạm tội Tham ô tài sản, trong đó có 03 bị can Nguyễn Anh Minh, Nguyễn Đức Hưng, Bùi Mạnh Hiên trong vụ án Đinh La Thăng, Trịnh Xuân Thanh và đồng phạm phạm tội Tham ô tài sản [63]. Đồng thời vào năm 2018,

VKS cũng đã trực tiếp ban hành quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh đối với 01 bị can khởi tố về tội Tham ô tài sản [64].

3.2.3. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn truy tố tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ, gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế

Sau khi nhận hồ sơ vụ án tham ô tài sản cùng bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, VKS tiến hành nghiên cứu, đánh giá tài liệu, chứng cứ, kiểm tra về biện pháp ngăn chặn đang áp dụng đối với bị can. Qua thực tiễn các vụ án được khảo sát từ năm 2013 đến năm 2022 cho thấy, phần lớn các bị can bị đề nghị truy tố về tội Tham ô tài sản đang áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú. Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập, đồng thời nhằm đảm bảo việc truy tố theo quy định pháp luật, VKS ban hành quyết định áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam hoặc cấm đi khỏi nơi cư trú. Trường hợp cần gia hạn thời hạn áp dụng biện pháp ngăn chặn để đảm bảo việc truy tố thì VKS ban hành quyết định gia hạn.

Thứ hai, yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra

Trong giai đoạn truy tố, VKS đã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu nhằm đảm bảo việc truy tố đúng người thực hiện hành vi phạm tội, đúng quy định pháp luật. Đối với vụ án thụ lý từ năm 2013 đến năm 2022 có tình tiết phức tạp, lời khai còn mâu thuẫn hoặc có khiếu nại về tính khách quan trong quá trình điều tra, KSV tiến hành phúc cung, lấy lời khai, đối chất, thu thập thêm tài liệu, chứng cứ để thẩm tra lại một cách thận trọng, bảo đảm tính khách quan, chính xác của kết quả điều tra; đánh giá tài liệu, chứng cứ buộc tội cũng như gỡ tội một cách khách quan, toàn diện trước khi ban hành quyết định truy tố.

Thứ ba, quyết định trả hồ sơ để yêu cầu điều tra bổ sung

Thời gian từ năm 2013 đến năm 2022, VKSND đã trả hồ sơ vụ án về tội Tham ô tài sản để điều tra bổ sung 67 vụ/224 bị can, tỷ lệ 4,9% (bảng 1.3 phức lục 1). Số lượng vụ án trả điều tra bổ sung có tỷ lệ tăng giảm tùy theo mỗi năm và có hướng tăng trong toàn bộ quá trình, từ 3,8% vào năm 2016 lên 5,3% vào năm 2021 [68]. Từ năm 2019 đến năm 2022, tỷ lệ trả hồ sơ vụ án về tội Tham ô tài sản để điều tra bổ sung ở VKSND tối cao là 7,4% (bảng 1.7 phức lục 1); tỷ lệ trả hồ sơ vụ án về tội Tham ô tài sản để điều tra bổ sung ở cấp tỉnh tại Thành phố Hồ Chí Minh là 20%, cấp huyện là 08%, không phát sinh trường hợp nào trả hồ sơ điều tra bổ sung ở cấp tỉnh, huyện thuộc tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và tỉnh Lâm Đồng (bảng 1.10, 1.13.1.6 phức lục 1)]. Qua số liệu trên cho thấy tỷ lệ vụ án về tội Tham ô tài sản trả hồ sơ để điều tra bổ sung ở VKS tối cao và cấp tỉnh, cấp huyện tại Thành phố Hồ Chí Minh là khá cao so với tỷ lệ chung của toàn quốc. Điều này phản ánh VKS đã tích cực nghiên cứu tài liệu, chứng cứ kịp thời phát hiện những vi phạm, thiếu sót về chứng minh hành vi phạm tội Tham ô tài sản trong quá trình điều tra nên phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhằm đảm bảo việc buộc tội, truy cứu TNHS người thực hiện hành vi tham ô tài sản có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

Diễn hình như trường hợp Phan Việt Quang phạm tội Tham ô tài sản như sau: là trình dược viên của Công ty TNHH Dược Phẩm Trung ương 2 - Chi nhánh Cần Thơ, Quang có nhiệm vụ bán hàng và thu tiền nộp về Công ty. Tuy nhiên, Quang đã thu tiền của khách hàng nhưng không nộp về Công ty mà chiếm đoạt với số tiền 477.803.494 đồng. Khi nhận hồ sơ trong giai đoạn truy tố, qua nghiên cứu, phát hiện các biên lai về bán hàng, thu tiền chưa đầy đủ và chưa phản ánh đúng số tiền bị chiếm đoạt, mâu thuẫn với lời khai của bị can nên VKS ban hành quyết định trả hồ sơ vụ án để điều tra bổ sung làm rõ những vấn đề trên [66].

Thứ tư, gia hạn thời hạn truy tố, quyết định truy tố bị can phạm tội Tham ô tài sản ra trước Tòa án để xét xử

Cáo trạng được ban hành trên cơ sở kết luận điều tra đề nghị truy tố và tài liệu, chứng cứ đã thu thập Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp thì VKS gia hạn thời hạn truy tố theo quy định khoản 2 Điều 240 BLTTHS. Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS ban hành 1.261 bản cáo trạng truy tố đối với 2.395 bị can về tội Tham ô tài sản; số liệu hàng năm tăng, giảm không đều, thể hiện tại bảng 1.3 phụ lục 1. Trong đó, cao nhất là 184 vụ/301 bị can vào năm 2022 và thấp nhất vào năm 2017 với 90 vụ/156 bị can [68].

Qua khảo sát thực tế 200 bản cáo trạng truy tố về tội Tham ô tài sản cho thấy, nội dung cáo trạng thể hiện đầy đủ phương thức, thủ đoạn, động cơ, mục đích phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ; bố cục, hình thức bản cáo trạng theo đúng quy định BLTTHS và theo mẫu hướng dẫn viết cáo trạng của VKSND tối cao; bảo đảm việc truy tố có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Thứ năm, đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án; đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can về tội Tham ô tài sản

Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS đã ban hành quyết định đình chỉ đối với 10 vụ/28 bị can về tội Tham ô tài sản. Nhìn chung, số vụ án bị đình chỉ mỗi năm tăng, giảm không đều, theo số liệu khảo sát cho thấy số vụ án, bị can tham ô tài sản bị đình chỉ có hướng giảm dần, từ 03 vụ/05 bị can vào năm 2013 xuống 01 vụ/02 bị can vào năm 2022, trong đó, năm 2015 không phát sinh (bảng số 1.3 phụ lục 1) [68]. Từ năm 2013 đến năm 2022, không phát sinh trường hợp nào VKS tạm đình chỉ vụ án, tạm đình chỉ vụ án đối với bị can.

Qua số liệu cho thấy, VKS luôn nghiên cứu kỹ tài liệu, nâng cao trách nhiệm trong THQCT, đảm bảo việc ban hành quyết định tạm đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án khách quan, thận trọng, có căn cứ, không bỏ lọt tội phạm. VKS luôn thận trọng, trách nhiệm trong việc đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ phản ánh hành vi tham ô tài sản và tiến hành đối chiếu với căn cứ pháp luật.

3.2.4. Kết quả thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, công bố cáo trạng truy tố bị cáo về tội Tham ô tài sản

Khi công bố cáo trạng, KSV đọc nguyên văn bản cáo trạng được ký ban hành, giọng rõ ràng, mạch lạc, phát âm chuẩn từ ngữ tiếng Việt; không ngọng, lắp, vấp, sửa chữa từ, ngữ, cắt giảm lời văn, nội dung; ngắt câu nhưng không làm mất đi hoặc sai lệch nội dung; có điểm nhấn tại các phần kết luận và quyết định. Từ năm 2013 đến năm 2022, KSV công bố 1.173 bản cáo trạng truy tố đối với 2.264 bị cáo về tội Tham ô tài sản (bảng số 1.4 phụ lục 1).

Sau khi công bố bản cáo trạng, đối với trường hợp có nội dung bổ sung thì KSV trình bày ý kiến bổ sung để làm rõ mà không làm thay đổi nội dung bản cáo trạng và không làm xấu đi tình trạng của bị cáo như: áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự hay mức bồi thường thiệt hại cao hơn so với nội dung trong bản cáo trạng.

Thứ hai, hoạt động xét hỏi, xem xét vật chứng tại phiên tòa

Qua nghiên cứu các biên bản phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án về tội Tham ô tài sản, cũng như trao đổi trực tiếp với một số KSV được phân công THQCT trong giai đoạn xét xử, cho thấy 100% KSV được khảo sát đã tiến hành xét hỏi tại phiên tòa. Phần lớn KSV hỏi những vấn đề HĐXX chưa hỏi hoặc đã hỏi nhưng nội dung chưa làm rõ, câu trả lời chưa đủ ý, chưa đáp ứng được yêu cầu của câu hỏi hoặc lời khai của người được xét hỏi còn mâu thuẫn. Trường hợp, trình tự nội dung xét hỏi tại phiên tòa diễn ra không đúng với những câu hỏi được dự kiến trong đề cương thì KSV đã nhanh chóng phán đoán, nắm bắt tình huống xảy ra để đặt câu hỏi phù hợp với diễn biến tại phiên tòa, câu hỏi ngắn gọn và có mục đích hỏi rõ ràng.

Kiểm sát viên chủ động tham gia xét hỏi toàn diện tất cả tình tiết, nội dung vụ án để xác định vai trò, vị trí từng bị cáo; trách nhiệm dân sự, tài sản đã chiếm đoạt, hậu quả được khắc phục; xét hỏi rõ về các tình tiết buộc tội, gỡ tội; phương thức, thủ đoạn người phạm tội thực hiện hành vi gian dối để chiếm đoạt tài sản do họ có trách nhiệm quản lý; tình tiết định khung hình phạt, tình tiết tăng nặng,

giảm nhẹ hình sự, nhân thân bị cáo. Khi xét hỏi, KSV đã chủ động, ghi chép đầy đủ nội dung xét hỏi của HĐXX, người bào chữa, những người tham gia tố tụng khác và ý kiến trả lời; xem xét vật chứng, nhận xét và hỏi những vấn đề liên quan đến tài liệu được công bố. KSV chú ý sử dụng câu hỏi với mục đích làm rõ hành vi phạm tội và tình tiết khác của vụ án. Ví dụ, khi xét hỏi bị cáo Hà Văn Thắm và Nguyễn Xuân Sơn tại phiên tòa xét xử sơ thẩm về tội Tham ô tài sản, với hành vi chiếm đoạt số tiền 49.320.796.000 đồng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đại Dương. KSV đã hỏi bị cáo để làm rõ mục đích, thủ đoạn, phương thức thực hiện hành vi, số tiền chiếm đoạt được sử dụng như thế nào.

Đối với vụ án tham ô tài sản có tính chất phức tạp, nhiều bị cáo, nhiều người tham gia tố tụng. Tùy từng đối tượng và thái độ của người được hỏi, KSV chủ động phối hợp với Chủ tọa phiên tòa dự kiến trình tự xét hỏi các bị cáo; sử dụng phương pháp xét hỏi linh hoạt, phù hợp nhằm đấu tranh làm rõ thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản một cách khách quan, toàn diện như: Việc hợp thức hóa sổ ghi chép, hoá đơn, chứng từ. KSV đã vận dụng, kết hợp có hiệu quả giữa đặt câu hỏi và số hoá hồ sơ, tài liệu vụ án, áp dụng thiết bị điện tử để trình chiếu tài liệu, chứng cứ, nhằm đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội. Khi xét hỏi KSV phân định từng người tham gia tố tụng và vấn đề cần xét hỏi đối với từng chủ thể này theo thứ tự phù hợp, trong đó tập trung hỏi để làm rõ những vấn đề phải chứng minh theo quy định tại Điều 85 BLTTHS năm 2015. Lựa chọn nhóm bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải xét hỏi trước; nhóm bị cáo khai báo không thành khẩn xét hỏi sau; đặc biệt, đối với vụ án mà bị cáo có khả năng tạo ảnh hưởng đối với nhau, có quan hệ phụ thuộc thì KSV đã chủ động phối hợp với chủ tọa cách ly khi xét hỏi, chẳng hạn vụ án: Đinh La Thăng và đồng phạm bị xét xử về tội Tham ô tài sản, thực tiễn cho thấy khi xét hỏi có mặt bị cáo Đinh La Thăng thì bị cáo cấp dưới ngấp ngừng, không khai hoặc khai nhưng không rõ nội dung. Sau khi tiến hành cách ly bị cáo Đinh La Thăng thì việc xét hỏi diễn ra tốt hơn, các bị cáo thành khẩn khai báo rõ hành vi phạm tội của mình.

Đối với bị cáo không thành khẩn khai báo hoặc phản cung, thì KSV không hỏi trực diện vào hành vi phạm tội mà phải hỏi có tính chất “vòng quanh” và chú ý lắng nghe, ghi chép để tìm ra sự mâu thuẫn giữa các câu trả lời, từ đó xác định nội dung cần hỏi tiếp theo nhằm làm rõ, bác bỏ nội dung còn mâu thuẫn, không logic với tình tiết khác. Khi xét hỏi, phát sinh trường hợp cần công bố lời khai theo quy định tại Điều 308 BLTTHS năm 2015, KSV kết hợp có hiệu quả với công bố biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, tài liệu có trong hồ sơ hoặc đưa vật chứng ra xem xét nhằm chứng minh tình tiết của vụ án và kiểm tra tài liệu, chứng cứ khác.

Thứ ba, trình bày luận tội tại phiên tòa

Trình bày bản luận tội đóng vai trò quan trọng tại phiên tòa, bằng luận cứ, KSV thể hiện quan điểm cuối cùng, chính thức của VKS về tội phạm, chứng minh cho bị cáo nhận thấy hành vi phạm tội của họ và thuyết phục HĐXX. Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2022, KSV đã trình bày 1.173 bản luận tội (chiếm 100%) tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án về tội Tham ô tài sản (bảng thống kê 1.4 phức lục 1). Khi trình bày luận tội, KSV đã trình bày rõ ràng, mạch lạc, đúng theo cú pháp tiếng Việt; dùng, nghỉ đảm bảo đủ ý của câu; tránh trình bày ngập ngừng, thiếu thuyết phục.

Nội dung các bản luận tội được xây dựng đầy đủ, có tính thuyết phục cao trên cơ sở đánh giá tổng hợp chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ cũng như kết quả xét hỏi, kiểm tra tại phiên tòa. KSV dẫn chiếu, phân tích kết hợp giữa quy định văn bản pháp luật mang tính chuyên môn hay quy chế, quy định của nội bộ cơ quan với hành vi khách quan của bị cáo để minh chứng hành vi tham ô tài sản, như: Quy chế quy định về nhiệm vụ, quyền hạn mà bị cáo đã lợi dụng như thế nào trong khi thi hành công vụ để thực hiện hành vi phạm tội. Phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, lô gíc, chặt chẽ về thủ đoạn, phương thức thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh,

hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của BLHS, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án.

Thứ tư, tiến hành tranh luận tại phiên tòa

Khi THQCT tại phiên tòa sơ thẩm về tội Tham ô tài sản, KSV luôn đề cao trách nhiệm tranh luận. Từ năm 2013 đến năm 2022, KSV tiến hành tranh luận, đối đáp 100% tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án tham ô tài sản. Khi tiến hành tranh luận, KSV bình tĩnh, tự tin, đối đáp với từng vấn đề do bị cáo, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đưa ra; không né tránh hoặc từ chối tranh luận. KSV sử dụng hợp lý kết luận giám định, định giá tài sản, lời khai, kết quả khám xét, đồ vật thu thập được trong quá trình điều tra và đã được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa; kết hợp với phân tích quy định về chức vụ quyền hạn của bị cáo để làm luận cứ, lập luận, đối đáp đến cùng từng ý kiến, qua đó thuyết phục được họ và HĐXX. Những ý kiến, quan điểm tại phiên tòa khác với luận tội, thậm chí là trái ngược thì KSV đã tiến hành phân tích, lập luận, đối đáp trực diện với các ý kiến, quan điểm đó để bác bỏ có căn cứ mà không vòng vo, né tránh hoặc thể hiện bằng việc giữ nguyên quan điểm truy tố trong bản cáo trạng... Một số vụ án tham ô tài sản có chứng cứ phức tạp nhưng do nắm chắc nội dung, nghiên cứu kỹ tài liệu, chứng cứ nên KSV lập luận sắc bén, linh hoạt trong quá trình tranh luận, bảo vệ thành công quan điểm truy tố, góp phần giúp HĐXX đưa ra phán quyết khách quan, chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong thực tế vụ án tham ô tài sản thường có thể nhiều bị cáo phạm cùng tội danh hoặc khác tội danh và có nhiều Luật sư tham gia, do đó, đối với vấn đề mà những người này đưa ra, KSV đã kịp thời tổng hợp thành từng nhóm vấn đề để đối đáp. Với nội dung tranh luận mang tính độc lập, cá biệt thì KSV tranh luận cho từng vấn đề, diễn hình như vụ án: Hà Văn Thắm cùng đồng phạm bị

truy tố, xét xử về các tội phạm khác nhau xảy ra tại Ngân hàng Đại Dương. Quá trình tranh luận đối với tội Tham ô tài sản có nhiều người bào chữa phát biểu ý kiến với nhiều quan điểm khác nhau, trong đó có ý kiến trình bày thân chủ bị oan, không phạm tội... Do KSV có quá trình chuẩn bị kỹ, chủ động quy nạp nhóm vấn đề nên đã tranh luận dứt điểm từng vấn đề không trùng lặp, đảm bảo tính chính xác, có căn cứ pháp luật.

Đối với những vấn đề phát sinh tại phiên tòa có lợi cho bị cáo mà không ảnh hưởng đến bản chất vụ án, KSV đã cầu thị, ghi nhận. Điển hình như: Tại phiên tòa xét xử vụ Hà Văn Thắm cùng đồng phạm như đã đề cập ở trên, qua hai lần đối đáp sau khi luận tội, KSV tiếp thu những tình tiết có lợi của các bị cáo và đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Thứ năm, kháng nghị bản án sơ thẩm

Sau khi thúc kết phiên tòa xét xử sơ thẩm, nếu có căn cứ xác định bản án sơ thẩm HĐXX đã tuyên còn bỏ lọt tội phạm, người phạm tội Tham ô tài sản; áp dụng hình phạt, mức bồi thường không tương ứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra thì VKS quyết định kháng nghị, đây là nội dung THQCT trong giai đoạn xét xử. Từ năm 2013 đến 2022, VKSND các cấp đã ban hành 61 kháng nghị (61 vụ án/89 bị cáo) [68].

Để bảo đảm quyết định kháng nghị có chất lượng, KSV nghiên cứu toàn diện tài liệu, chứng cứ được thu thập trong giai đoạn trước đó và kiểm tra công khai tại phiên tòa. Trên cơ sở đó lập luận bác bỏ, khẳng định quyết định của HĐXX chưa chính xác, không phù hợp với quy định pháp luật hình sự, nêu rõ nội dung và phạm vi kháng nghị. Quyết định kháng nghị phúc thẩm phân tích rõ những vi phạm của bản án, căn cứ kháng nghị; đồng thời đối chiếu với quy định cụ thể của điều luật liên quan cũng như văn bản hướng dẫn thi hành như: Bản án áp dụng không đúng điều, khoản BLHS, áp dụng không đúng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; kết luận bản án sơ thẩm không phù hợp với tình tiết khách quan vụ án; HĐXX áp dụng hình phạt quá nặng hoặc quá nhẹ không đúng với quy

định pháp luật, không phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm. Các quyết định kháng nghị trong thời gian qua đều được VKS cấp trên bảo vệ với tỷ lệ 100% và Toà án chấp nhận 47/61 kháng nghị đối với 70/89 bị cáo, còn lại chưa xét xử. Việc thực hiện có hiệu quả công tác kháng nghị phúc phẩm đối với bản án xét xử sơ thẩm bị cáo về tội Tham ô tài sản đã góp phần đảm bảo vụ án được giải quyết khách quan, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Điển hình như vụ án Huỳnh Ngọc Bích bị VKSND tỉnh Sóc Trăng truy tố về tội Tham ô tài sản, TAND tỉnh Sóc Trăng đưa vụ án ra xét xử và tuyên không phạm tội. Sau đó, VKSND tỉnh ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm, theo hướng kết tội Tham ô tài sản đối với bị cáo, VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ kháng nghị, TAND cấp cao xét xử chấp nhận kháng nghị và tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại [59].

3.3. Những hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

3.3.1. Hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố giải quyết nguồn tin, khởi tố, điều tra về tội Tham ô tài sản

3.3.1.1. Hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can

Trong THQCT giải quyết một số nguồn tin tội Tham ô tài sản, KSV đôi lúc chưa thận trọng, khách quan, toàn diện trong việc nghiên cứu tài liệu, đánh giá chứng cứ phản ánh hành vi tham ô tài sản nên đã đề xuất Lãnh đạo thống nhất quyết định khởi tố vụ án, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can khi chưa đủ căn cứ pháp luật. Hồ sơ thiếu tài liệu chứng minh thủ đoạn gian dối, làm giả hoá đơn, chứng từ... để chiếm đoạt tài sản nhưng KSV không yêu cầu ĐTV bổ sung mà tiến hành đề xuất phê chuẩn quyết định khởi tố bị can, sau đó phải đình chỉ điều tra do hành vi không cấu thành tội phạm hoặc vụ án đưa ra xét xử nhưng HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội Tham ô tài sản mà phạm tội khác.

Thực tế xảy ra có trường hợp VKS truy tố bị can ra Tòa án để xét xử về tội Tham ô tài sản nhưng qua xét xử HĐXX tuyên bị cáo không phạm tội, sau đó, VKS kháng nghị phúc thẩm. Tuy nhiên, qua xét xử phúc thẩm, HĐXX phúc thẩm tuyên hủy án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại. Kết quả điều tra lại dẫn đến CQĐT đình chỉ điều tra đối với bị can vì hành vi không cấu thành tội Tham ô tài sản. Đây là hạn chế trong THQCT từ khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can, kéo dài trong suốt giai đoạn điều tra, truy tố và xét xử. KSV không đánh giá toàn diện tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án thu thập trong các giai đoạn trước dẫn đến khi xét xử Tòa án tuyên không phạm tội, mặc dù trước đó VKS truy tố bị can về tội Tham ô tài sản. Chẳng hạn như vụ án sau:

Trung tâm Khuyến nông tỉnh Sóc Trăng được giao đề án mở lớp dạy nghề cho nông dân với tổng kinh phí hơn 1,4 tỷ đồng. Quá trình thực hiện, để hợp thức hóa việc lấy tiền chi không hết, Ngô Hồng Phi là Giám đốc Trung tâm đã chỉ đạo cấp dưới lập chứng từ giả để tạm ứng, thanh toán các khoản tiền không có chi trong thực hiện đề án thông qua hình thức ký hợp đồng với các Hợp tác xã nghề. Theo đó, Trung tâm ký 05 hợp đồng dạy nghề với Hợp tác xã do Huỳnh Ngọc Bích làm chủ nhiệm với số tiền là 52.500.000 đồng. Bích nhận 17.600.000 đồng. Với hành vi trên, CQTHTT địa phương khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử đối với Huỳnh Ngọc Bích, Ngô Hồng Phi về tội Tham ô tài sản.

Theo đó, Bản án sơ thẩm lần thứ nhất, lần thứ hai của TAND tỉnh Sóc Trăng tuyên phạt lần lượt đối với Huỳnh Ngọc Bích là 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và không phạm tội Tham ô tài sản. Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ ba vào ngày 28/5/2018, HĐXX trả hồ sơ để điều tra làm rõ nhiều vấn đề liên quan hành vi của Huỳnh Ngọc Bích. Trong quá trình điều tra lại, CQĐT đã thu thập được chứng cứ thể hiện bà Bích đã mở lớp dạy nghề cho các học viên. Do vậy, không có căn cứ để chứng minh bà Bích phạm tội Tham ô tài sản. Ngày 03/7/2018, CQĐT Công an tỉnh Sóc Trăng đã ra quyết định đình chỉ điều tra đối với Huỳnh Ngọc Bích vì hành vi không cấu thành tội Tham ô tài sản [59].

Ngược lại, có trường hợp hành vi của đối tượng cấu thành tội Tham ô tài sản nhưng CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội danh khác nhưng quá trình THQCT Viện kiểm sát không phát hiện được thiếu sót, vi phạm mà vẫn phê chuẩn quyết định khởi tố bị can về tội mà CQĐT đã khởi tố. Tuy nhiên, qua xét xử Toà án lại tuyên bố hành vi bị cáo phạm tội Tham ô tài sản. Điều này phản ánh việc THQCT trong giai đoạn tố tụng trước đó chưa phát huy hiệu quả, chưa kịp thời nghiên cứu thu thập tài liệu, chứng cứ nhằm đảm bảo việc buộc tội, truy cứu TNHS người thực hiện hành vi Tham ô tài sản, đây cũng là hạn chế trong THQCT đối với quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can. Điển hình như vụ án sau:

Vụ án xảy ra tại Công ty TNHH GSA METALS chi nhánh thành phố Cần Thơ, như sau: Phan Thị Kim Thoa được phân công là người trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động của chi nhánh trong việc thu mua các mặt hàng điện tử đã qua sử dụng. Khoảng tháng 8/2018, nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của Công ty nên Thoa đã thực hiện hành vi gian dối ghi không số lượng hàng mua vào hàng ngày nhiều hơn thực tế để chiếm đoạt phần tiền chênh lệch. Sau đó, Công ty làm thủ tục chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của Thoa. Bằng thủ đoạn này từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018, Thoa đã chiếm đoạt của Công ty số tiền 1.334.236.800 đồng.

Với tài liệu, chứng cứ đã thu thập trong quá trình điều tra và đối chiếu với quy định pháp luật, CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Phan Thị Kim Thoa về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015. VKS phê chuẩn quyết định khởi tố bị can và truy tố Phan Thị Kim Thoa ra trước TAND thành phố Cần Thơ để xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a, khoản 4, Điều 174 BLHS năm 2015. Ngày 19/6/2020, TAND thành phố Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, Bản án số 31/2020/HS-ST đã tuyên bố bị cáo Phan Thị Kim Thoa phạm tội Tham ô tài sản theo điểm a khoản 4, khoản 6 Điều 353 BLHS năm 2015 và tuyên phạt 20 năm tù [69].

3.3.1.2. Hạn chế, thiếu sót trong việc đề ra các yêu cầu điều tra

Phần lớn, vụ án tham ô tài sản có hành vi phạm tội với tính chất, thủ đoạn tinh vi, phức tạp, xảy ra trong thời gian dài sau đó mới bị phát hiện; đối tượng phạm tội thường là người có trình độ, kiến thức trong lĩnh vực công tác của mình nên biết cách tiêu huỷ, hợp thức hoá các dấu vết, chứng từ, sổ sách... và liên quan đến nhiều lĩnh vực nên công tác xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ gặp nhiều khó khăn; kết luận giám định, định giá tài sản làm căn cứ giải quyết nguồn tin chưa kịp thời, rõ ràng; kết quả tương trợ tư pháp từ nước ngoài còn chậm.

Khi giải quyết các nguồn tin về tội Tham ô tài sản có tính chất phức tạp nêu trên, KSV chưa chủ động, kịp thời đề ra yêu cầu bằng văn bản đối với nội dung cần xác minh hoặc có yêu cầu nhưng nội dung không bám sát vấn đề cần chứng minh về hành vi tham ô tài sản nên việc khởi tố vụ án chưa đúng hành vi phạm tội. Điều này dẫn đến tiến độ giải nguồn tin tội Tham ô tài sản quá thời hạn luật định phải tạm đình chỉ giải quyết. Từ năm 2013 đến 2022, cơ quan có thẩm quyền đã tạm dừng giải quyết, tạm đình chỉ 192 vụ việc, chiếm 11 % tổng số nguồn tin thụ lý [68]. Một số trường hợp CQĐT ra quyết định khởi tố vụ án hoặc không khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng VKS không kịp thời thể hiện quan điểm dẫn đến sau đó vụ án bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung hoặc HĐXX tuyên bị cáo phạm tội danh khác với tội Tham ô tài sản theo quyết định truy tố của VKS. Diễn hình như vụ án sau:

Nguyễn Thị Lan Anh là Kế toán Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Thuận, được phân công phụ trách kế toán. Quá trình làm việc, Lan Anh lập danh sách không và nâng khống số tiền thanh toán phẫu thuật, thủ thuật, ưu đãi nghề, tiền trực của các cán bộ chiếm đoạt hơn 400 triệu đồng. Từ tháng 8/2012 đến tháng 02/2013, công việc trên được giao cho chị Trần Thị Thanh Nga. Do chưa nắm

vững công việc nên chị Nga nhờ Lan Anh lập bảng thanh toán, quá trình giúp chị Nga, Lan Anh tiếp tục dùng thủ đoạn trên chiếm đoạt thêm 800 triệu đồng.

Với hành vi trên, CQĐT khởi tố vụ án, khởi tố bị can để điều tra và VKSND tỉnh Ninh Thuận truy tố Nguyễn Thị Lan Anh ra Tòa án để xét xử về tội Tham ô tài sản với tổng số tiền chiếm đoạt là 1 tỷ 200 triệu đồng. TAND tỉnh Ninh Thuận xét xử và nhận định: Khi chiếm đoạt số tiền hơn 400 triệu đồng thì bị cáo đã trực tiếp lợi dụng chức vụ nên phạm tội Tham ô tài sản. Đối với số tiền 800 triệu đồng, bị cáo chiếm đoạt khi không có chức vụ nên phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, HĐXX đã tuyên bị cáo phạm tội Tham ô tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản [69].

Qua vụ án trên cho thấy, khi CQĐT chỉ khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản nhưng VKS đã không kịp thời phát hiện, đối chiếu tài liệu, chứng cứ với pháp luật về dấu hiệu tội phạm để kịp thời ban hành yêu cầu khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, đúng với hành vi khách quan của người thực hiện hành vi phạm tội.

Ngoài ra, VKS chưa kịp thời xem xét, đánh giá tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong giai đoạn ban đầu để yêu cầu CQĐT áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, tạm hoãn xuất cảnh nhằm tránh trường hợp đối tượng tình nghi tiêu huỷ, hợp thức chứng cứ liên quan đến hành vi tham ô tài sản hoặc bỏ trốn. Thậm chí có trường hợp đã bỏ trốn ra nước ngoài ngay sau khi biết cơ quan có thẩm quyền tổ tụng kiểm tra, xác minh hành vi vi phạm của mình, như vụ án tham ô tài sản xảy ra tại Tập đoàn dầu khí Việt Nam, đối tượng Trịnh Xuân Thanh đã bỏ trốn ra nước ngoài trước khi bị khởi tố vào ngày 15/9/2016, sau đó bị bắt và ngày 25/01/2018, TAND thành phố Hà Nội đưa vụ án ra xét xử đối với Trịnh Xuân Thanh về tội Tham ô tài sản và tuyên phạt tù chung thân.

Sau khi thực hiện hành vi tham ô tài sản, đối tượng luôn tìm cách chuyển hóa, tẩu tán tài sản chiếm đoạt được bằng nhiều hình thức khác nhau như mua tài

sản giá trị nhưng để người khác đứng tên; kinh doanh, đầu tư mua cổ phiếu, chứng khoán, đưa người thân giữ; chuyển tài sản ra nước ngoài, thậm chí thực hiện hành vi phạm khác như đánh bạc, rửa tiền... nên nhiều vụ án có số tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát lớn nhưng không thu hồi được. Bên cạnh đó, tài sản của đối tượng phạm tội tồn tại dưới nhiều hình thức khác nhau, phân bố ở nhiều nơi, có trường hợp hồ sơ pháp lý của các tài sản này không hợp pháp, làm ảnh hưởng đến hiệu quả đảm bảo thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại. Do đó, nhằm đảm bảo hiệu quả tốt nhất trong việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt thông qua hành vi tham ô tài sản, CQTHTT đã tiến hành nhiều biện pháp để đảm bảo thu hồi được tài sản bị chiếm đoạt như vận động, thuyết phục, động viên đối tượng phạm tội tự nguyện hoặc vận động người thân, gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả.

Thực tiễn cho thấy việc áp dụng biện pháp nhằm thu hồi tài sản của CQTHTT còn hạn chế nên số vụ án thu hồi được tài sản tương đối thấp, lượng tài sản thu hồi được chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ so với số tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại; thậm chí có những vụ án không thu hồi được tài sản gì vì người phạm tội đã tẩu tán hết tài sản hoặc làm thất thoát và không có khả năng hoàn trả. Qua nghiên cứu 200 bản án hình sự sơ thẩm về tội Tham ô tài sản từ năm 2013 đến năm 2022 cho thấy chỉ có 78 vụ án thu hồi được tài sản tham ô, trong đó có 55 vụ án thu hồi được toàn bộ tài sản bị chiếm đoạt, phần lớn là các vụ án có tài sản bị chiếm đoạt trị giá đoạt dưới 2 tỷ đồng; 21 vụ án thu hồi được một phần tài sản bị chiếm đoạt (gồm các vụ án có tài sản bị chiếm đoạt có trị giá trên và dưới 2 tỷ đồng). Diễn hình cho trường hợp thu hồi tài sản được rất ít so với tài sản bị chiếm đoạt là vụ án Vũ Quốc Hảo cùng các bị can khác phạm tội Tham ô tài sản và Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra tại Công ty cho thuê tài chính II, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gây thiệt hại cho Nhà nước hơn 531,8 tỷ đồng nhưng mới thu hồi 5,8 tỷ đồng cùng 04 căn nhà và 01 thửa đất;...[63].

Chính vì vậy, việc áp dụng kịp thời biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong quá trình giải quyết vụ án tham ô tài sản để đảm bảo thu hồi tài sản có ý nghĩa quan trọng. Tuy nhiên, trên thực tế, trong nhiều trường hợp VKS chưa kịp thời yêu cầu CQĐT kiểm tra, xác minh về tài sản của đối tượng ngay trong giai đoạn tiếp nhận, giải quyết nguồn tin tội phạm để làm cơ sở cho việc áp dụng biện pháp cưỡng chế này ngay sau khi có căn cứ theo quy định pháp luật tố tụng hình sự nhằm ngăn chặn đối tượng tẩu tán tài sản, như vụ án sau: Võ Thanh Tùng là Kế toán của trường Tiểu học Lam Sơn, quận Gò Vấp, Tp Hồ Chí Minh. Từ tháng 11/2013 đến tháng 10/2015, bằng thủ đoạn lập bảng chi lương trái quy định, nâng khống hệ số lương, mức truy lãnh lương cho cán bộ, nhân viên ... Tùng trình Hiệu trưởng xác nhận, hoặc giả chữ ký Hiệu trưởng, sau đó chuyển cho kho bạc quận Gò Vấp duyệt chi. Tiền được chuyển vào các tài khoản do Tùng quản lý và chiếm đoạt gần 2,2 tỷ đồng. Quá trình THQCT trong giai đoạn giải quyết nguồn tin, KSV chưa kịp thời yêu cầu CQĐT kiểm tra, xác minh về tài sản của đối tượng để kịp thời áp biện pháp cưỡng chế [69].

Sau khi khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội Tham ô tài sản, KSV chưa chủ động bám sát tiến độ điều tra, nghiên cứu kỹ tài liệu để đề ra yêu cầu điều tra, yêu cầu giám định hoặc định giá tài sản giúp định hướng hoạt động điều tra thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi tham ô tài sản. Điều này dẫn đến một số vụ án phải tạm đình chỉ điều tra khi hết hạn điều tra mà chưa có kết luận giám định, định giá. Từ năm 2013 đến năm 2022, CQĐT đã đình chỉ điều tra đối với 58 vụ/48 bị can, tạm đình chỉ điều tra 77 vụ/92 bị can, (bảng 1.2 phần phụ lục 1) [68]. Hoặc sau khi kết thúc điều tra mới phát hiện được vi phạm, thiếu sót trong việc thu thập chứng cứ nên phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Từ năm 2013 đến năm 2022, VKS trả hồ sơ để điều tra bổ sung về tội Tham ô tài sản trên phạm vi toàn quốc là 67 vụ/224 bị can, chiếm tỷ lệ 4,9%, (bảng 1.3 phụ lục 1). Từ năm 2019 đến 2022, tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ

sung về tội Tham ô tài sản ở VKS tối cao và Thành phố Hồ Chí Minh (cấp tỉnh) tương ứng lần lượt là 7,4% và 20%, ở cấp quận huyện thuộc TP Hồ Chí Minh là 8%, cao hơn mức trung bình toàn quốc (4,9%) (bảng 1.10 phụ lục 1) [69]. Qua số liệu trên cho thấy số lượng vụ án tham ô tài sản bị trả hồ sơ để điều tra bổ sung tương đối cao, tỷ lệ trung bình toàn quốc là 4,9%, trong khi đó, tỷ lệ này ở VKS tối cao và cấp tỉnh đều cao hơn mức trung bình của toàn quốc. Điều này phản ánh trong giai đoạn điều tra về tội Tham ô tài sản, các VKS trên toàn quốc, đặc biệt là VKSND tối cao và VKS hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh chưa bám sát được hoạt động điều tra để kịp thời THQCT đề ra yêu cầu điều tra có chất lượng nên tài liệu, chứng cứ thu thập được chưa chứng minh được hành vi phạm tội Tham ô tài sản của bị can. Điển hình như vụ án sau:

Với mục đích lấy tiền lãi chi hỗ trợ cho các đại lý nên Công ty Xổ số kiến thiết Bạc Liêu đã mở 02 sổ tiết kiệm có giá trị trên 70 tỷ đồng tại Ngân hàng Nam Việt Bạc Liêu và giao cho Trần Thanh Hậu (nguyên Kế toán trưởng) quản lý. Sau đó, với sự giúp sức của Quách Lạc, Trần Thanh Hoa (là nguyên Giám đốc và nguyên Phó Giám đốc Ngân hàng Nam Việt), Hậu đã dùng 2 sổ tiết kiệm trên làm tài sản thế chấp vay thấu chi và lập chứng từ khống lấy hơn 70 tỉ đồng. Với hành vi này, các bị can bị VKSND tỉnh Bạc Liêu truy tố về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, tại phiên toà HĐXX nhận định, hành vi của các bị cáo có dấu hiệu tội Tham ô tài sản, do đó HĐXX đã trả hồ sơ điều tra bổ sung và yêu cầu VKS thay đổi quyết định truy tố. Sau khi điều tra bổ sung, VKS thay đổi quyết định truy tố đối với các bị can về tội Tham ô tài sản. Ngày 05/3/2019, TAND tỉnh Bạc Liêu đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt Trần Thanh Hậu và Quách Lạc tù chung thân, Trần Thanh Hoa 20 năm tù về tội Tham ô tài sản [69].

Đối với vụ án trên, quá trình điều tra KSV đã không bám sát được hoạt động điều tra để đề ra yêu cầu điều tra về việc ký tên và giám định chữ ký của

Trần Thanh Hậu trong các lần giao dịch nên vụ án chưa được giải quyết triệt để. Dẫn đến VKS truy tố không đúng tội danh.

3.3.2. Hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố truy tố đối với tội Tham ô tài sản

Trong giai đoạn truy tố, KSV chưa nghiên cứu kỹ hồ sơ nên không phát hiện được mâu thuẫn, thiếu sót trong việc thu thập, đánh giá tài liệu, chứng cứ phản ánh về hành vi tham ô tài sản để kịp thời yêu cầu điều tra bổ sung; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án hoặc KSV không trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ. Điều đó dẫn đến tình trạng sau khi đã ban hành quyết định truy tố hoặc qua tiến hành xét hỏi tại phiên toà mới phát hiện chứng cứ thu thập không đầy đủ, còn bỏ lọt tội phạm hay đồng phạm khác buộc Toà án phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung. Hoặc có trường hợp VKS truy tố tội Tham ô tài sản đối với hành vi không cấu thành tội phạm, dẫn đến Tòa án tuyên không phạm tội, sau đó cấp phúc thẩm hủy án để điều tra, xét xử lại, như vụ án Huỳnh Ngọc Bích được đề cập tại phần hạn chế trong THQCT đối với khởi tố bị can.

Từ năm 2013 đến 2022, Toà án trên phạm vi toàn quốc đã trả hồ sơ vụ án Tham ô tài sản để điều tra bổ sung đối với 121 vụ/188 bị cáo, chiếm tỷ lệ 7,1%. Qua số liệu, nhận thấy tỷ lệ Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung khá cao, cụ thể tại bảng thống kê 1.4 phụ lục 1. Tỷ lệ toà án trả điều tra bổ sung tăng giảm tùy theo mỗi năm, giảm từ 9,1% vào năm 2013 xuống 5,5% vào năm 2017, sau đó tăng lên 8,7% vào năm 2020 [68]. Thời gian từ năm 2019 đến năm 2022, tỷ lệ trả hồ sơ để điều tra bổ sung do VKS tối cao là 5%, tỷ lệ này ở cấp tỉnh ở Bà Rịa – Vũng Tàu là 40%; Thành phố Hồ Chí Minh là 6,2%, ở cấp quận là 6% đối với Thành phố Hồ Chí Minh, không phát sinh ở tỉnh Bà Rịa và Lâm Đồng [69]. Qua số liệu cho thấy, THQCT của VKS cấp tỉnh Bà - Vũng Tàu và VKS hai cấp Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều hạn chế dẫn đến Toà án trả hồ sơ để điều tra bổ sung có tỷ lệ cao.

Trong đó, lý do trả hồ sơ chủ yếu vì thiếu chứng cứ dùng để chứng minh hành vi phạm tội; ngoài hành vi đã bị truy tố, bị can còn thực hiện hành vi phạm tội khác; có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm hoặc người khác thực hiện hành vi phạm tội Tham ô tài sản. Điều này cho thấy, chất lượng THQCT trong giai đoạn truy tố vụ án về tội Tham ô tài sản còn hạn chế nhất định, KSV không kịp thời phát hiện sự thiếu sót về tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội Tham ô tài sản nên Toà án phải trả hồ sơ điều tra bổ sung. Điển hình như vụ án tham ô tài sản sau: Bị can Nguyễn Duy Hiên là Trưởng phòng Tài chính - kế toán Bệnh viện thành phố Phan Thiết, có nhiệm vụ thanh toán tiền lương, phụ cấp, chế độ ốm đau thai sản cho cán bộ đơn vị. Thời gian từ tháng 12/2013 đến 6/2018, lợi dụng nhiệm vụ được giao, Hiên đã nâng khống 47 bộ chứng từ thanh toán tiền phụ cấp ưu đãi nghề, 13 bộ chứng từ thanh toán chế độ ốm đau, thai sản và 19 bộ chứng từ thanh toán truy lĩnh lương, thu nhập tăng thêm để chiếm đoạt với tổng số tiền hơn 6,353 tỉ đồng từ nguồn thu dịch vụ và ngân sách Nhà nước [69].

Quá trình thẩm vấn tại phiên toà vào ngày 22/02/2020, bị cáo Nguyễn Duy Hiên đã khai báo không chỉ nâng khống hệ số phụ cấp ưu đãi nghề, khai khống các hồ sơ ốm đau, thai sản của nhân viên nhằm “rút ruột” tiền của đơn vị, mà còn lập chứng từ, nâng khống tiền lương được hưởng của cán bộ nhân viên trong đơn vị nhằm chiếm đoạt tiền của cơ quan. HĐXX cho rằng những tình tiết này chưa được điều tra thu thập các tài liệu, chứng cứ trong quá trình điều tra và chưa phản ánh trong cáo trạng truy tố. Do đó, HĐXX đã quyết định trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung.

3.3.3. Hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố xét xử sơ thẩm tội Tham ô tài sản

Thứ nhất, hoạt động xét hỏi của KSV tại phiên toà

Tại phiên toà, do không chú ý lắng nghe và ghi chép nên có trường hợp KSV hỏi lại những nội dung mà HĐXX đã làm rõ; câu hỏi không phản ánh được

ý định muốn hỏi, không thể hiện được sự đấu tranh làm rõ thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản mà vội chấp nhận những nội dung trả lời của bị cáo. Vụ án tham ô tài sản có nhiều tình tiết phức tạp, KSV chưa chủ động phối hợp với HĐXX để tiến hành cách ly hoặc sắp xếp hợp lý về trình tự xét hỏi đối với các bị cáo dẫn đến trong một số trường hợp hiệu quả đấu tranh, làm rõ hành vi, thủ đoạn phạm tội qua xét hỏi tại phiên toà không cao; kết quả xét hỏi không hỗ trợ cho việc luận tội cũng như tranh luận; nhiều câu hỏi có nội dung mang tính chủ quan, kết luận, dài dòng, khó hiểu. Một số KSV lúng túng trong việc áp dụng chiến thuật hỏi, không tận dụng được nội dung trả lời của bị cáo để làm rõ những mâu thuẫn, tình tiết vụ án.

Diễn hình như vụ án tham ô tài sản xảy ra tại Bệnh viện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau do bị cáo Huỳnh Văn Thái (Kế toán trưởng), Nguyễn Huỳnh Minh (Thủ quỹ) và các đồng phạm thực hiện chiếm đoạt tổng cộng 7,2 tỉ đồng. Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Thái và Minh không thừa nhận hành vi, đổ lỗi cho nhau, lời khai còn mâu thuẫn với nhau về số tiền mà từng bị cáo chiếm đoạt được nhưng KSV không áp dụng chiến thuật hỏi hợp lý, không đấu tranh làm rõ những mâu thuẫn. Tòa án cấp sơ thẩm vẫn xét xử, sau đó, vụ án bị Tòa án cấp trên hủy án vì những mâu thuẫn trên [69].

Thứ hai, trình bày luận tội tại phiên tòa

Bên cạnh phần lớn những bản luận tội tại phiên toà có nội dung chất lượng, thuyết phục HĐXX, bị cáo, những người tham dự thì vẫn còn một số bản luận tội có nội dung còn sơ sài, chưa đạt yêu cầu. Bản luận tội sao chép nội dung cáo trạng, chưa phân tích được các biên bản sự việc, sổ sách, hoá đơn thu giữ để chứng minh hành vi phạm tội; nội dung dài dòng, lủng củng, lặp lại ý, chưa chú trọng vào việc phân tích và đánh giá chứng cứ mà chỉ phân tích 4 yếu tố cấu thành tội phạm. Nội dung luận tội chưa vận dụng được kết quả của phần xét hỏi công khai tại phiên toà; thuật ngữ pháp luật thiếu chính xác, chưa bám sát quy

định tại Điều 321 BLTTHS năm 2015 và mẫu hướng dẫn viết luận tội của VKSND tối cao.

Mặt khác, một số bản luận tội có nội dung chưa phân tích, kết hợp nhuần nhuyễn giữa yêu cầu nhiệm vụ chính trị với áp dụng pháp luật, do đó, còn xảy ra tình trạng đề nghị mức án thiếu nghiêm minh, không phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi tham ô tài sản. Trong một số trường hợp, KSV đã lạm dụng việc áp dụng Điều 54, Điều 65 BLHS năm 2015 (Điều 47, Điều 60 BLHS năm 1999) đề xuất hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hoặc cho hưởng án treo không đúng quy định pháp luật. Ví dụ như vụ án tham ô tài sản do Phạm Dũng thực hiện tại Trường trung học phổ thông huyện An Phú, tỉnh An Giang. Trong thời gian làm kế toán, Phạm Dũng đã lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao nhiều lần kê khống chứng từ để chiếm đoạt 197.261.055 đồng. VKS huyện An Phú ban hành cáo trạng truy tố Phạm Dũng về tội Tham ô tài sản theo quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, KSV trình bày luận tội và đề nghị áp dụng các điểm c, d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, trong khi bị cáo có 02 tình tiết định khung tăng nặng. Đây là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt vì theo quy định tại khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 thì khung hình phạt là từ 07 năm đến 15 năm tù. [69]

Bên cạnh đó, một số KSV trình bày bản luận tội còn thiếu tự tin, lúng túng; phát âm đôi lúc chưa rõ ràng, ngữ điệu không có điểm nhấn để thu hút người nghe, chưa diễn giải ý muốn cần trình bày, dẫn đến khó hiểu và không thuyết phục được HĐXX, cũng như những người tham dự phiên tòa.

Thứ ba, hoạt động tranh luận tại phiên tòa

Do không dự kiến được những vấn đề phải tranh luận dẫn đến trong một số trường hợp khi người bào chữa, bị cáo hoặc những người tham dự phiên tòa đưa ra vấn đề phản bác thì một số KSV mất bình tĩnh, lúng túng, dẫn đến tranh

luận cho có lệ mà không đưa ra được luận điểm thuyết phục. Một số KSV chưa chú ý ghi chép nội dung xét hỏi và vấn đề người bào chữa, bị cáo đề cập nên không thể sử dụng được kết quả của xét hỏi để đối đáp; hoặc nội dung đối đáp thiếu sắc bén, mang tính chung chung, không đúng với vấn đề mà người bào chữa và bị cáo muốn tranh luận. Trong trường hợp khác, do không nắm vững tài liệu, chứng cứ đã được thu thập, cũng như quy định pháp luật chuyên ngành, lĩnh vực có liên quan đến hành vi tham ô tài sản (như kế toán, tài chính đất đai, đấu thầu, ngân sách...), do đó KSV không xác định được vấn đề người bào chữa, bị cáo đưa ra là có căn cứ hay không nên lảng tránh việc tranh luận bằng cách nêu vấn đề đó đã có trong bản cáo trạng; không mạnh dạn, linh hoạt đối đáp, lúng túng trong việc sử dụng từ ngữ và cách lập luận. Điều này dẫn đến kết quả của hoạt động tranh tụng không cao, không có sức thuyết phục.

Ngoài ra, khi phát sinh vấn đề có lợi cho bị cáo không ảnh hưởng đến bản chất vụ án và không có căn cứ pháp luật để bảo vệ nhưng KSV đã không linh hoạt, cầu thị, ghi nhận mà lại cố gắng tranh luận, đối đáp. Đặc biệt, một số KSV xem nhẹ việc tranh luận đối đáp với những người tham gia tố tụng khác hoặc có tâm lý chủ quan đối với trường hợp không có người bào chữa tham gia phiên tòa.

Thứ tư, hoạt động kháng nghị bản án sơ thẩm

Trong nhiều trường hợp, VKS không kịp thời phát hiện vi phạm để ban hành quyết định kháng nghị phúc thẩm đối với bản án sơ thẩm có nội dung tuyên không phù hợp với tình tiết, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội đã được làm rõ tại phiên tòa. Hạn chế trong THQTC kháng nghị bản án cũng được phản ánh qua việc đối với một số bản án sơ thẩm đánh giá không đúng về tính chất về hành vi Tham ô tài sản nhưng VKS không phát hiện để kháng nghị, trong khi đó bị cáo có đơn kháng cáo. Sau đó, Tòa án cấp trên xét xử tuyên hủy bản án để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung do HĐXX cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ về các tài liệu, chứng cứ. Diễn hình như vụ án sau:

Đinh Văn H là nhân viên Phòng kinh doanh Công ty Cổ phần bê tông N, với nhiệm vụ là tìm khách hàng mua bê tông và thu tiền nộp về Công ty. Trong tháng 6 năm 2018, Đinh Văn H đã thu tiền của 13 khách hàng nhưng không nộp về Công ty theo quy định mà chiếm đoạt số tiền 470.590.000 đồng. VKSND thành phố NT tỉnh KH đã truy tố Đinh Văn H ra TAND để xét xử về tội Tham ô tài sản. Bản án hình sự sơ thẩm số 143/2019/HSST ngày 27/6/2019 của TAND thành phố NT, tỉnh KH: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 353 BLHS năm 2015 xử phạt Đinh Văn H 10 năm tù về tội Tham ô tài sản. Sau khi bản án sơ thẩm được bàn hành, VKSND thành phố NT và VKSND tỉnh KH không kháng nghị đối với bản án trên. Ngày 03/7/2019, bị cáo Đinh Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm ngày 01/11/2019, HĐXX căn cứ Điều 345, điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b, c khoản 1 Điều 358 BLTTHS năm 2015 tuyên huỷ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung. Lý do vì cấp sơ thẩm chưa làm rõ được các tình tiết liên quan đến vụ án như sau: *Một là*, bị cáo có chức vụ, quyền hạn gì trong Công ty N và có được giao nhiệm vụ quản lý tài sản hay không nhằm làm rõ cơ sở cấu thành tội danh, trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Đinh Văn H. *Hai là*, quy trình về việc thỏa thuận ký kết hợp đồng, cung cấp hàng hóa và thanh toán công nợ của khách hàng được Công ty Cổ phần bê tông N quy định cụ thể như thế nào đối với các bộ phận có liên quan trong công ty. *Ba là*, lấy lời khai của những cá nhân, tổ chức mua bê tông và thanh toán tiền cho bị cáo để làm rõ việc giữa các bên có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa hay không, đồng thời thu thập các hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định để có cơ sở xác định chính xác số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt; *Bốn là*, thu thập tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân Công ty N [64].

Qua vụ án trên cho thấy VKS đã không kịp thời phát hiện những thiếu sót trong việc đánh giá tài liệu, chứng cứ phản ánh hành vi phạm tội của bị cáo để kháng nghị theo quy định của pháp luật. Hạn chế trong THQCT kháng nghị bản

án sơ thẩm còn được phản ánh qua việc quyết định kháng nghị chuyển tội danh không có căn cứ dẫn đến Toà án cấp trên bác kháng nghị, điển hình như vụ án sau:

Công ty Vina Anh kinh doanh lĩnh vực mua bán gạch men, gạch ốp lát ký hợp đồng lao động với NHN làm nhân viên kinh doanh phụ trách bán hàng và thu hồi công nợ. Từ tháng 9/2018 đến tháng 01/2019, NHN báo cáo với Công ty là khách hàng chưa thanh toán, giả chữ ký của khách hàng ký vào sổ công nợ, ghi số tiền khách hàng thanh toán ít hơn số tiền NHN đã nhận. Bằng thủ đoạn này, NHN đã chiếm đoạt hơn 1,3 tỉ đồng của Công ty từ việc thu tiền của khách hàng.

Với hành vi trên, VKSND thành phố CT đã truy tố NHN ra Toà án để xét xử về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo Điều 175 BLHS năm 2015. Ngày 14/12/2019, TAND thành phố CT đưa vụ án ra xét xử và tuyên phạt bị cáo NHN 20 năm tù về tội Tham ô tài sản. Lý do HĐXX tuyên bị cáo phạm tội Tham ô tài sản là vì NHN được Công ty Vina Anh nhận vào làm việc có hợp đồng lao động và được giao nhiệm vụ bán hàng, thu tiền cho Công ty; số tiền bị chiếm đoạt là số tiền bị cáo có trách nhiệm quản lý nên thỏa mãn điều kiện mặt chủ thể tội phạm về chức vụ theo khoản 2 Điều 352 BLHS năm 2015 và đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản theo quy định tại Điều 353 BLHS năm 2015.

Sau đó, VKSND thành phố CT kháng nghị để xét xử bị cáo NHN phạm tội Lạm dụng chiếm đoạt tài sản. Ngày 30/3/2020, Toà án cấp phúc thẩm tiến hành xét xử và nhận định: Dù bị cáo không có chức vụ nhưng có quyền thu tiền của khách hàng nộp về cho Công ty, tuy nhiên, bị cáo lợi dụng nhiệm vụ được giao để thu tiền và chỉ nộp một phần về Công ty, số tiền còn lại bị cáo đã chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tham ô tài sản. Do đó, Tòa phúc thẩm tuyên bác kháng nghị, giữ y bản án sơ thẩm [69]. Trường hợp trên VKS đã đánh giá, nhận định về chứng cứ không chính xác nên kháng nghị không đúng bản chất hành vi phạm tội dẫn đến Toà án không chấp nhận kháng nghị.

3.4. Nguyên nhân của những hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

3.4.1. Về nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất, KSV chưa đề cao khả năng nhận thức, tinh thần trách nhiệm, trình độ nghiệp vụ trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Tình hình tội Tham ô tài sản ngày càng diễn biến phức tạp, tính chất mức độ ngày càng nghiêm trọng, thủ đoạn tinh vi, do đó, yêu cầu KSV phải nỗ lực, nâng cao trách nhiệm. Tuy nhiên, một số KSV còn hạn chế về ý thức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, chưa nắm vững văn bản hướng dẫn và quy định pháp luật liên quan, nhất là kiến thức về quản lý ngân sách, tài chính, đầu tư, ngân hàng... nên chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, chưa chủ động nghiên cứu tài liệu, chứng cứ để xuất quan điểm giải quyết, mất phương hướng về việc đánh giá chứng cứ trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản, nhất là đối với những trường hợp có nhiều tình tiết phức tạp. Một số KSV thiếu kiến thức về giám định tư pháp, định giá tài sản nên không chủ động, quyết đoán, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm của mình trong việc đánh giá, sử dụng kết luận giám định, định giá tài sản.

Thứ hai, công tác quản lý, chỉ đạo điều hành đối với KSV được phân công THQCT tội Tham ô tài sản còn chưa chặt chẽ, kịp thời. Lãnh đạo một số đơn vị VKS chưa quan tâm đúng mức, phân công KSV có năng lực, trình độ, kỹ năng THQCT thụ lý các vụ án Tham ô tài sản có tình tiết phức tạp; chưa có biện pháp chỉ đạo quyết liệt, yêu cầu KSV thực hiện các hoạt động nghiệp vụ để nâng cao chất lượng THQCT; chưa nghiêm túc, kịp thời nhắc nhở, phê bình, kiểm điểm trách nhiệm KSV còn thiếu sót trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Nhiều đơn vị VKS chưa chủ động phối hợp với CQĐT và các ngành liên quan xây dựng quy chế phối hợp cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giải quyết tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm cũng như giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố tội Tham ô tài sản.

Thứ ba, hoạt động hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ, tổ chức rút kinh nghiệm tuy được quan tâm nhưng chưa thường xuyên và có biện pháp cụ thể. Một số KSV còn hạn chế về kinh nghiệm, bản lĩnh nghề nghiệp; thiếu tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất đạo đức; không có ý chí cầu thị, phấn đấu học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ; chưa chủ động hỗ trợ, phối hợp với nhau nhằm hạn chế sai sót trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản; còn tình trạng né tránh, nể nang, ngại va chạm với cơ quan liên quan.

Thứ tư, một số KSV chưa chủ động phối hợp trong trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, quan điểm về đánh giá chứng cứ, tài liệu và xác định hậu quả của hành vi tham ô tài sản. KSV nghiên cứu hồ sơ chưa hình dung được thủ đoạn thực hiện hành vi tham ô tài sản diễn ra như thế nào nên chưa đề ra được yêu cầu điều tra có chất lượng trong việc làm rõ hành vi phạm tội. Hơn nữa, do còn hạn chế về kiến thức ở một số lĩnh vực chuyên môn, như: Tài chính, tín dụng, chứng khoán, công nghệ cao, xây dựng cơ bản và kiến thức xã hội làm cho KSV không tự tin, mạnh dạn trong đề ra yêu cầu điều tra vụ án tham ô tài sản liên quan đến các lĩnh vực này, cũng như gặp khó khăn trong việc yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ, tài liệu để chứng minh hành vi tham ô tài sản; không kịp thời phát hiện, áp dụng các biện pháp kê biên tài sản, phong toả tài khoản để thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại.

Thứ năm, kỹ năng tổng hợp, đánh giá chứng cứ, tài liệu của một số KSV được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản còn hạn chế. Nhiều trường hợp, không xác định đúng đối tượng, tội danh để khởi tố và những vấn đề cần phải chứng minh trong vụ án. Đối với vụ án phức tạp, dư luận xã hội quan tâm, KSV chưa đề cao bản lĩnh, bảo vệ quan điểm đúng; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm; còn dùn dẩy, né tránh trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Ngoài ra, nhiều trường hợp KSV lúng túng, thiếu quyết đoán trong việc xem xét, đánh giá chứng cứ, tài liệu, đặc biệt là việc sử dụng kết luận giám định, định giá trong trường hợp vụ việc có nhiều bản kết luận có nội dung khác nhau.

Thứ sáu, công tác đào tạo, bồi dưỡng năng lực, trình độ, kỹ năng THQCT cho KSV chưa được quan tâm đúng mức. Việc nâng cao trình độ, năng lực cho KSV là yêu cầu cần thiết nhằm đáp ứng quá trình cải cách tư pháp hiện nay. Tuy nhiên, trong thời gian qua KSV chưa được tham gia lớp bồi dưỡng về kỹ năng đề ra yêu cầu điều tra, xây dựng luận tội, tranh luận đối với tội Tham ô tài sản. Đồng thời, KSV cũng chưa được bồi dưỡng về kỹ năng mềm như: Kỹ năng xây dựng mối quan hệ cá nhân; khả năng kết hợp các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, quan sát, tổng hợp, đối đáp, phản bác; kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ, điện tử...

3.4.2. Về nguyên nhân khách quan

Thứ nhất, do áp lực từ khối lượng công việc và cơ cấu nguồn nhân lực ngành Kiểm sát. Khối lượng chứng cứ, tài liệu cần phải thu thập, xử lý trong vụ án tham ô tài sản tương đối lớn, đòi hỏi KSV đầu tư nhiều thời gian, nhân lực để nghiên cứu và bị áp lực về thời hạn tố tụng, trong khi đó số lượng KSV không đủ, thậm chí còn bị giảm do tình giãn biên chế nên trong một số trường hợp KSV không thể bám sát mọi hoạt động điều tra ngay từ đầu và trong suốt quá trình giải quyết vụ án để tăng cường trách nhiệm công tố làm rõ tội phạm, hành vi phạm tội Tham ô tài sản.

Thứ hai, chủ thể của tội Tham ô tài sản là những người có chức vụ quyền hạn, có vị trí cao trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, có tiềm lực kinh tế tốt, có kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực phạm tội do đó họ có khả năng che giấu hành vi hoặc tạo ảnh hưởng đến những người dưới quyền để những người này không cung cấp, khai báo nội dung liên quan đến hành vi tham ô tài sản. Đồng thời, một số đối tượng có nhiều mối quan hệ, đặc biệt là mối quan hệ với những người có chức vụ, quyền hạn trong các cơ quan Đảng, Nhà nước nên nhiều trường hợp có sự bao che từ những người này, hoặc hành vi phạm tội có liên quan đến chính những người có chức vụ, quyền hạn, do đó họ sẽ có tác động, cản trở gây khó khăn cho hoạt động thu thập chứng cứ của cơ quan có thẩm quyền.

Thứ ba, tiếp cận nguồn thông tin về tội Tham ô tài sản gặp khó khăn. Việc yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp chứng cứ, tài liệu phục vụ giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản gặp khó khăn kể cả trong trường hợp ban hành văn bản đề nghị, yêu cầu cung cấp nhưng một số cơ quan, tổ chức liên quan không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không đúng nội dung yêu cầu... Một số cơ quan chưa kịp thời chuyển kết luận cùng tài liệu có liên quan vụ việc có dấu hiệu tội Tham ô tài sản đến CQĐT để tiếp nhận, thụ lý, phân loại giải quyết theo thẩm quyền; kết luận sai phạm chung chung, tài liệu, chứng cứ phản ánh chưa đầy đủ về hành vi tham ô tài sản nên việc giải quyết kiến nghị khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản còn chậm và chất lượng không cao. Trong khi đó, quy định về trách nhiệm và thủ tục thực hiện việc trao đổi, cung cấp thông tin ban đầu giữa các cơ quan, tổ chức liên quan trong xử lý vụ án tham ô tài sản chưa đầy đủ, chặt chẽ, triển khai chưa kịp thời.

Bên cạnh đó, khi phát hiện có hành vi tham ô tài sản thì lãnh đạo một số đơn vị đã bao che, không xử lý do có liên quan đến bản thân; hoặc vì sinh mạng chính trị, thành tích, lợi ích nhóm và nhiều nguyên nhân khác mà cơ quan, đơn vị này chỉ xử lý hành chính, kỷ luật, nhắc nhở rút kinh nghiệm hoặc giải quyết nội bộ. Một số trường hợp, lãnh đạo đơn vị biết bản thân mình vi phạm hoặc đã phát hiện hành vi của cấp dưới có dấu hiệu tham ô tài sản, nhưng không chuyển hồ sơ cho CQĐT để xác minh, điều tra theo luật định; thậm chí còn có những hành vi gây khó khăn, cản trở việc xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội tham ô tài sản. Nếu CQTHTT kiên quyết khởi tố vụ án để điều tra, xử lý theo pháp luật thì họ lại tác động các quan hệ khác thúc ép để không xử lý hình sự. Hơn nữa, đa số vụ án tham ô tài sản có liên quan đến các đối tượng là Đảng viên, Lãnh đạo cấp cao hoặc người có uy tín trong Nhân dân... nên CQTHTT phải thực hiện thủ tục, báo cáo, xin ý kiến liên quan đến nhiều cơ quan, tổ chức khác nhau. Việc chờ xin ý kiến trong nhiều trường hợp mất rất nhiều thời gian, dẫn đến đối tượng có thời gian, tẩu tán, che giấu các tài liệu chứng cứ về hành vi phạm tội.

Thứ tư, xuất phát từ những hạn chế của hệ thống pháp luật liên quan. Thực tiễn cho thấy việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án tham ô tài sản hết sức phức tạp phụ thuộc rất nhiều vào sự hoàn thiện của hệ thống pháp luật và hiệu quả áp dụng pháp luật của CQTHTT. Trong khi đó, hệ thống pháp luật của nước ta nhìn chung còn hạn chế, thiếu tính đồng bộ:

- *Về quy định của BLHS năm 1999 và năm 2015*

Những quy định về định khung hình phạt, trong BLHS năm 1999, của tội Tham ô tài sản còn mang tính “định tính” dẫn đến sự áp dụng không thống nhất như: Gây hậu quả nghiêm trọng; dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm; phạm tội nhiều lần; gây hậu quả nghiêm trọng khác; gây hậu quả rất nghiêm trọng khác; gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng khác. Những quy định này dẫn đến sự không thống nhất trong áp dụng pháp luật giữa các CQTHTT.

Với BLHS năm 2015, những quy định “định tính” như trên về tội Tham ô tài sản đã được khắc phục. Quy định về các tình tiết định khung hình phạt tội Tham ô tài sản tại Điều 353 BLHS năm 2015 được quy định chi tiết, cụ thể hơn. Tuy nhiên, các quy định tại điểm b, g khoản 2 và điểm c khoản 3 Điều 353 BLHS năm 2015 vẫn còn gây khó khăn, vướng mắc khi áp dụng vào thực tế. Đó là những quy định: “*Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm*”, “*Ảnh hưởng xấu đến đời sống của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan, tổ chức*” và “*Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”. Những khó khăn, vướng mắc trên đã được hướng dẫn tại Nghị quyết số 03 ngày 30/12/2020 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, giúp cho CQTHTT có sự nhận thức và áp dụng thống nhất trong quá trình giải quyết vụ án tham ô tài sản.

- *Về quy định của BLTTHS năm 2015*

Một là, theo quy định của Điều 147 BLTTHS năm 2015, thời hạn tối đa để giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong trường hợp có gia hạn là không quá 04 tháng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy thời hạn này

không đủ để cơ quan có thẩm quyền tiến hành các biện pháp xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ phản ánh về hành vi tham ô tài sản, nhằm có căn cứ quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự được đúng quy định pháp luật, đặc biệt là đối với những tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản có tình tiết phức tạp, thủ đoạn tinh vi, nhiều đối tượng tham gia, hành vi phạm tội kéo dài trong nhiều năm. Điều này dẫn đến nhiều trường hợp giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản quá thời hạn quy định làm ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động THQCT. Do vậy, quy định về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo và kiến nghị khởi tố tại Điều 147 BLTTHS năm 2015 còn gây khó khăn trong thực tiễn áp dụng, cần phải được điều chỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong xác minh làm rõ hành vi phạm tội, đây là căn cứ để ban hành các quyết định khi THQCT dùng pháp luật.

Hai là, Điều 88 BLTTHS năm 2015 quy định về thời hạn CQĐT phải chuyển giao tài liệu, chứng cứ thu thập được cho VKS trong giai đoạn điều tra. Nhưng lại không quy định thời hạn để CQĐT phải chuyển giao tài liệu, chứng cứ thu thập được trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm, trong đó có tội Tham ô tài sản, cho VKS để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật. Điều này dẫn đến VKS gặp khó khăn khi xác định căn cứ, cơ sở để kịp thời THQCT, đề ra yêu cầu xác minh, chứng minh hành vi tham ô tài sản ngay từ ban đầu, dẫn đến người thực hiện hành vi vi phạm pháp luật có thời gian, điều kiện tiêu hủy, xóa bỏ dấu vết, tài liệu hoặc kịp thời tẩu tán tài sản. Vì vậy, Điều 88 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung quy định về thời hạn CQĐT chuyển giao tài liệu, chứng cứ thu thập được trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm cho VKS.

Ba là, quá trình điều tra vụ án tham ô tài sản thì việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam là điều không thể tránh khỏi. VKS có trách nhiệm phê chuẩn hoặc không phê chuẩn lệnh tạm giam của CQĐT [35, tr.113], nếu quy định về điều kiện tạm giam không rõ ràng sẽ ảnh hưởng đến chất lượng THQCT. Theo quy định Điều

119 BLTTHS năm 2015 thì bị can, bị cáo là người già yếu, bị bệnh nặng mà có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng thì việc áp dụng biện pháp tạm giam phải có điều kiện: Bị can bỏ trốn và bị bắt theo quyết định truy nã; tiếp tục phạm tội; có hành vi mua chuộc, cưỡng ép, xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; tiêu hủy, giả mạo chứng cứ, tài liệu, đồ vật vụ án, tẩu tán tài sản liên quan đến vụ án; đe dọa, khống chế, trả thù người làm chứng, bị hại, người tố giác tội phạm hoặc người thân thích của những người này; bị can, bị cáo về tội xâm phạm an ninh quốc gia và có đủ căn cứ xác định nếu không tạm giam đối với họ thì sẽ gây nguy hại đến an ninh quốc gia [35, tr.113].

Người già yếu, người bị bệnh nặng là những người được hưởng chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước nhằm tạo cho những người này có điều kiện để chăm sóc sức khỏe, cũng như tinh thần nên căn cứ để áp dụng biện pháp tạm giam đối với họ thu hẹp hơn so với những đối tượng khác. Tuy nhiên, các văn bản hướng dẫn chưa quy định cụ thể việc xác định về căn cứ không áp dụng biện pháp tạm giam “người già yếu” và “người bị bệnh nặng”. Điều này làm phát sinh trong thực tế tình trạng áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam không đúng đối tượng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ, dẫn đến sự không thống nhất trong áp dụng pháp luật.

Hiện nay, Điều 67 BLHS năm 2015 quy định “người bị bệnh nặng có thể được hoãn chấp hành hình phạt tù”, quy định này được hướng dẫn cụ thể tại Nghị quyết số 01/2007/NĐ-HĐTP ngày 02/7/2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC “hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt”. Theo đó, một số bệnh như: Ung thư giai đoạn cuối, xơ gan cổ chướng, lao nặng độ 4 kháng thuốc, bại liệt, suy tim độ 3 trở lên, suy thận độ 4 trở lên, HIV chuyển giai đoạn AIDS đang có các nhiễm trùng cơ hội và có tiên lượng xấu... thì bị án có thể được hoãn chấp hành án phạt tù. Về vấn đề “người già yếu”, hiện nay theo Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì người già được xác định là

người từ 70 tuổi trở lên. Còn theo quy định tại Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/7/2007 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC thì “người già yếu” là người từ 70 tuổi trở lên; hoặc người từ 60 tuổi trở lên nhưng thường xuyên đau ốm. Tuy nhiên, các quy định trên chỉ hướng dẫn áp dụng đối với người bị kết án bị xử phạt tù trong trường hợp bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án mà không hướng dẫn đối với trường hợp căn cứ áp dụng, huỷ bỏ, thay thế biện pháp tạm giam. Do đó, cần có hướng dẫn cụ thể thế nào là “người già yếu” và “người bị bệnh nặng” đối với đối tượng không áp dụng biện pháp tạm giam quy định tại khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm 2015.

Bốn là, một trong những yêu cầu trong quá trình giải quyết các vụ án tội phạm về tham nhũng nói chung, về tội Tham ô tài sản nói riêng là thu hồi tài sản bị tham nhũng. Với quy định BLTTHS năm 2015, thì CQTHTT có trách nhiệm áp dụng các biện pháp để đảm bảo cho việc thu hồi tài sản, đó là kê biên tài sản và phong toả tài khoản được quy định tại Điều 128 và Điều 129 BLTTHS năm 2015.

Theo quy định tại Điều 128 BLTTHS năm 2015 thì biện pháp kê biên tài sản chỉ được tiến hành đối với bị can, bị cáo và Điều 129 BLTTHS năm 2015 thì biện pháp phong toả tài khoản được áp dụng đối với người bị buộc (người bị bắt, bị tạm giữ, bị can, bị cáo [35, tr.9]) tội về tội mà BLHS quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại. Điều đó có nghĩa là chỉ được kê biên tài sản sau khi đã khởi tố bị can và áp dụng phong toả tài khoản sau khi đã có quyết định bắt người (bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp). Quy định này không đảm bảo tính kịp thời trong việc thu hồi tài sản vì quá trình giải quyết nguồn tin về tội Tham ô tài sản thì các hoạt động kiểm tra, xác minh đã được tiến hành trước đó một thời gian khá dài. Điều này đã tác động và tạo điều kiện để đối tượng phạm tội có thời gian tẩu tán, cất giấu tài sản nên thực tế diễn ra có nhiều trường hợp khi áp dụng biện

pháp kê biên hay phong tỏa tài khoản thì tài sản của bị can không còn hoặc còn rất ít.

Mặt khác, theo quy định tại khoản 3 Điều 128 và khoản 3 Điều 129 BLTTHS năm 2015 thì chỉ kê biên phần tài sản hoặc phong tỏa tài khoản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền, bị tịch thu hoặc phải bồi thường thiệt hại. Vấn đề đặt ra là phải áp dụng các biện pháp này càng sớm càng tốt, nhằm đảm bảo thu hồi được tài sản, tránh trường hợp đối tượng tẩu tán, che giấu tài sản. Tuy nhiên, từ giai đoạn giải quyết nguồn tin tội Tham ô tài sản, việc xác định phần tài sản tương ứng với mức có thể bị phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại là rất khó khăn, do chưa thể làm rõ được số tài sản bị thiệt hại cũng như số tài sản bị chiếm đoạt.

Bên cạnh đó, trong một số vụ án việc khởi tố ngay về tội Tham ô tài sản là không thể thực hiện được do chưa có đủ căn cứ mà phải khởi tố về tội phạm khác (tội danh này có thể không có hình phạt tiền hoặc bồi thường thiệt hại) sau đó khi thu thập được các tài liệu, chứng cứ, xác định có căn cứ để khởi tố về tội Tham ô tài sản, lúc đó mới có thể áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên tài sản hoặc phong tỏa tài khoản. Do đó, đây cũng là một trong những nguyên nhân kéo dài thời gian, tạo cơ hội cho người có hành vi tham ô tài sản tẩu tán, cất giấu tài sản chiếm đoạt được.

Vấn đề khác cần được xem xét, đó là trường hợp qua điều tra thu thập chứng cứ xác định được bị can đã dùng số tiền chiếm đoạt được mua tài sản là bất động sản nhưng bất động sản này còn có tài sản của người khác góp phần cùng mua với bị can. Tuy nhiên, hiện nay pháp luật chưa có hướng dẫn quy định về việc kê biên tài sản từng phần. Điều này dẫn đến những khó khăn nhất định về hiệu quả thu hồi tài sản và khi THQCT yêu cầu kê biên tài sản đối với bị can phạm tội Tham ô tài sản.

Năm là, theo quy định tại Điều 102 và Điều 107 Hiến pháp năm 2013 thì *“Tòa án thực hiện chức năng xét xử”* và *“Viện kiểm sát thực hiện chức năng thực*

hành quyền công tố”. Tuy nhiên, hiện nay BLTTHS năm 2015 có những quy định thể hiện về sự buộc tội của Toà án đối với tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội, trong khi đây là đối tượng của THQCT, như quy định về trình tự xét xử tại phiên toà, khởi tố vụ án của HĐXX, trả hồ sơ để điều tra bổ sung khi thiếu chứng cứ để xác định hành vi phạm tội, giới hạn xét xử. Nếu Toà án tích cực và thực hiện có hiệu quả những quy định này thì vô hình chung đã làm mờ nhạt vai trò của THQCT; đồng thời, trong một số trường hợp, sẽ làm cho chính VKS không ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ của mình. Chính vì vậy, cần phải sửa đổi một số quy định của BLTTHS hiện hành nhằm phân định rõ chức năng xét xử, chức năng buộc tội, đảm bảo Toà án thực hiện đúng chức năng xét xử, VKS thực hiện chức năng THQCT, nâng cao vai trò công tố theo đúng tinh thần cải cách tư pháp.

- Về quy định của Luật Tương trợ tư pháp hình sự

Tương trợ tư pháp hình sự liên quan đến thu hồi tài sản đối với tội phạm về tham nhũng bao gồm tội Tham ô tài sản nói riêng thường phức tạp về trình tự, thủ tục phải được thực hiện qua nhiều giai đoạn, hiệu quả thực hiện tương trợ chủ yếu phụ thuộc vào pháp luật và đặc biệt là thiện chí của nước được yêu cầu. Một số trường hợp yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự đối với nước ngoài nhưng bị từ chối tương trợ với lý do Việt Nam áp dụng hình phạt tử hình đối với người phạm tội Tham ô tài sản. Một số quốc gia chỉ đồng ý tương trợ tư pháp nếu Việt Nam cam kết không áp dụng hình phạt này. Tuy nhiên pháp luật hiện nay chưa có nội dung quy định về điều kiện, trình tự, thẩm quyền và thủ tục đưa ra cam kết này.

Trình tự, thủ tục về lập, gửi yêu cầu về hoạt động tương trợ tư pháp hình sự trong việc thu hồi tài sản do phạm tội chưa được quy định đầy đủ. Đồng thời, hiện nay nhiều quốc gia phát sinh hoạt động tương trợ tư pháp về hình sự với Việt Nam nhưng chưa ký kết Hiệp định, do đó, việc yêu cầu thực hiện tương trợ tư pháp hình sự chủ yếu được thực hiện trên cơ sở áp dụng nguyên tắc có đi có lại nên thiếu tính ràng buộc về nghĩa vụ pháp lý.

Tiểu kết chương 3

Qua phân tích số liệu về thực trạng thực hành quyền công tố giải quyết các vụ án về tội Tham ô tài sản trong thời gian vừa qua, Chương 3 đã đánh giá, phân tích về kết quả đạt được trong thực hành quyền công tố trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với tội Tham ô tài sản; đảm bảo các quyết định thuộc nội dung thực hành quyền công tố được ban hành có căn cứ quy định pháp luật, góp phần nhất định trong việc chứng minh hành vi của người phạm tội Tham ô tài sản, hạn chế mức thấp nhất bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội.

Bên cạnh đó, Chương 3 cũng xác định những hạn chế, thiếu sót trong thực hành quyền công tố như không phát hiện kịp các tài liệu, chứng cứ chứng minh hành vi tham ô tài sản để đề ra yêu cầu kiểm tra, xác minh kịp thời dẫn đến thống nhất quyết định khởi tố vụ án, phê chuẩn quyết định khởi tố bị can chưa chính xác về tội danh; chưa chứng minh được hành vi phạm tội phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung; hoạt động xét hỏi tại phiên tòa xét xử vụ án tham ô tài sản còn sơ sài, chưa phản ánh được tinh thần đấu tranh làm rõ tội phạm và hành vi phạm tội; nội dung luận tội trong một số trường hợp chưa phản ánh sâu về hành vi, tính chất, mức độ phạm tội; quá trình tranh luận, Kiểm sát viên chưa mạnh dạn, bình tĩnh để lựa chọn những tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh nên nội dung tranh luận chưa được sâu sắc, tính thuyết phục không cao. Hơn nữa, sau phiên tòa Kiểm sát viên vẫn chưa đầu tư thời gian, công sức để đánh giá, đối chiếu quyết định tuyên án của Hội đồng xét xử với tài liệu chứng cứ đã được thu thập, thẩm tra để ban hành quyết định kháng nghị đạt chất lượng cao.

Trên cơ sở đánh giá những hạn chế, Chương 3 cũng phân tích về nguyên nhân của những hạn chế trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, gồm nguyên nhân khách quan và nguyên nhân chủ quan. Trong đó có những nguyên nhân xuất phát từ quy định pháp luật, nhận thức của Kiểm sát viên... đây là căn cứ để đề xuất các giải pháp tại Chương 4.

Chương 4

YÊU CẦU VÀ GIÁP PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ ĐỐI VỚI TỘI THAM Ô TÀI SẢN TRONG THỜI GIAN TỚI

4.1. Các yêu cầu đảm bảo nâng cao chất lượng thực hành quyền công tổ đối với tội Tham ô tài sản

4.1.1. Yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc thứ XIII của Đảng định hướng: *“Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị”*. Trên cơ sở đó, Đảng và Nhà nước thực hiện Đề án *“Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”*, trong đó đề cập chiến lược cải cách tư pháp. Chiến lược này có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với sự nghiệp phát triển đất nước trong giai đoạn mới, nhất là hệ thống bộ máy nhà nước, bao gồm VKSND.

Tư tưởng, giá trị phổ biến và tiến bộ của Nhà nước pháp quyền là đề cao vai trò pháp luật trong tương quan với quyền lực của Nhà nước. Theo đó, Nhà nước phải hoạt động trên cơ sở quy định pháp luật; đề cao các giá trị công bằng, công lý và quyền con người. Nhằm cụ thể hóa những tư tưởng, giá trị phổ biến về Nhà nước pháp quyền vào thực tiễn hoạt động, tổ chức của Nhà nước và xã hội, đòi hỏi phải có các yếu tố sau: *Một là*, Hiến pháp và sự thượng tôn Hiến pháp; *hai là*, tính minh bạch của pháp luật và việc tuân theo pháp luật; *ba là*, có phân công, phối hợp quyền lực Nhà nước mà bản chất là nhằm xây dựng một nền tư pháp mạnh, đấu tranh có hiệu quả các tội phạm và vi phạm pháp luật, đặc biệt là đấu tranh tham nhũng trong tình hình hiện nay. Trên cơ sở đó, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là cơ sở cho hoạt động TTTHS được áp dụng

một cách thống nhất trong xử lý hành vi phạm tội, các hành vi vi phạm pháp luật đều phải được xử lý kiên quyết, triệt để, kịp thời.

Với vai trò là một thiết chế đặc biệt trong bộ máy nhà nước, có chức năng THQCT và kiểm sát hoạt động tư pháp, VKSND cần được tổ chức phù hợp, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động nhằm đáp ứng yêu cầu giải quyết tội phạm. Chức năng THQCT và kiểm sát việc tuân theo pháp luật của VKSND đóng vai trò vô cùng quan trọng, bảo đảm pháp chế được thống nhất, duy trì trật tự pháp luật trong xã hội. Các chức năng này có mối quan hệ chặt chẽ, hữu cơ với nhau nhằm bảo đảm thực hiện tốt nguyên tắc pháp chế XHCN trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước và quản lý điều hành xã hội, góp phần bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức, xử lý nghiêm minh những hành vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ lợi ích của Nhà nước và bảo vệ chế độ XHCN.

Để đạt được điều trên, trước hết cần tăng cường vai trò, trách nhiệm của VKSND trong thực hiện chức năng THQCT đối với tội phạm nói chung, tội Tham ô tài sản nói riêng, thông qua thực hiện tốt việc tăng cường trách nhiệm công tố, bảo đảm mọi hành vi tham ô tài sản được phát hiện, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh, đúng người, đúng tội. Với trách nhiệm là cơ quan duy nhất có chức năng quyền công tố, VKS phải bảo đảm việc buộc tội, truy cứu TNHS đối với tội phạm và người phạm tội. Đây là điều kiện quan trọng để pháp chế được tôn trọng và tuân thủ trong tố tụng hình sự. Đồng thời, làm tốt nhiệm vụ này sẽ góp phần xây dựng lòng tin của Nhân dân, của xã hội đối với Đảng, Nhà nước và các cơ quan tư pháp trong bảo vệ công lý, công bằng xã hội.

Để thực hiện tốt mục tiêu mọi hành vi phạm tội phải được xử lý theo quy định, đảm bảo sự phát triển của xã hội thì THQCT phải được tăng cường kiểm soát. THQCT đối với tội Tham ô tài sản là một hình thức áp dụng pháp luật, do đó phải thực hiện theo quy định pháp luật, đặc biệt là BLTTHS. Với sự giám

sát của nhân dân, xã hội, các tổ chức chính trị nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng, thống nhất và hiệu quả trong THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Từ đó giúp tăng cường sự tin tưởng của người dân đối với hệ thống tư pháp, đảm bảo thực hiện các quyền và nghĩa vụ của các bên khi tham gia tố tụng hình sự, đồng thời tránh lạm dụng quyền lực trong THQCT.

4.1.2. Yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội Tham ô tài sản

Tội Tham ô tài sản gây ra những thiệt hại rất lớn về vật chất, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, tác hại nghiêm trọng đối với xã hội, cản trở sự phát triển nền kinh tế, làm suy yếu hệ thống chính trị và pháp luật. Khi tội phạm này trở nên phổ biến sẽ gây giảm niềm tin của Nhân dân vào hệ thống các cơ quan Nhà nước, dẫn đến sự mất cân bằng và sự phân cực trong xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển và sự ổn định của quốc gia, nguy cơ dẫn đến mất ổn định chính trị - xã hội, thậm chí đe dọa tới sự tồn vong của chế độ. Thực tế qua các bảng số liệu cho thấy hành vi tham ô tài sản hàng năm xảy ra tương đối nhiều, ở các địa phương, các cấp, ở các lĩnh vực khác nhau; với thủ đoạn thực hiện tinh vi, đa dạng, có sự cấu kết chặt chẽ giữa các đối tượng. Đồng thời, trong điều kiện hiện nay với sự phát triển ngày càng nhanh và mạnh của khoa học công nghệ thì các thủ đoạn tham ô tài sản ngày càng được thực hiện tinh vi, xảo quyệt. Do đó, công tác đấu tranh, xử lý tội phạm Tham ô tài sản là một yêu cầu cấp bách, có vai trò quan trọng, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo xây dựng một xã hội công bằng, phát triển và bền vững.

Viện kiểm sát là cơ quan duy nhất thay mặt Nhà nước thực hiện THQCT đối với tội Tham ô tài sản, phải xác định việc truy cứu TNHS, buộc tội đối với tội phạm, người thực hiện hành vi Tham ô tài sản là nhiệm vụ thường xuyên, cấp bách, khó khăn, phức tạp và lâu dài. VKS có trách nhiệm áp dụng pháp luật hiệu quả, ứng dụng công nghệ thông tin, nghiên cứu và vận dụng các giải pháp nhằm không ngừng nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản, đảm

bảo mọi hành vi và người phạm tội Tham ô tài sản phải được xử lý theo đúng quy định.

4.1.3. Yêu cầu về đảm bảo quyền con người trong tổ tụng hình sự

Quyền con người và bảo đảm quyền con người luôn là vấn đề quan tâm hàng đầu của mỗi quốc gia. Đối với Việt Nam, là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân thì quyền con người được tôn trọng, bảo vệ không chỉ dừng lại ở việc ghi nhận trong Hiến pháp, pháp luật mà còn được bảo vệ trong thực tế, luôn được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta quan tâm. Bằng các quy định pháp luật, Nhà nước đã chính thức ghi nhận, thể chế hóa và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, coi đó như những chế định quan trọng.

Cùng với Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có BLTTHS năm 2015, là cơ sở pháp lý quan trọng góp phần bảo vệ quyền con người, đặc biệt là quyền của người bị buộc tội, cần được bảo vệ thông qua các quy định về quyền hạn và nghĩa vụ của hệ thống cơ quan Nhà nước tham gia vào quan hệ pháp luật hình sự, bao gồm VKSND. Có thể nói quyền con người của người bị buộc tội là đối tượng dễ bị xâm phạm, gây tổn thương và hậu quả để lại cũng nghiêm trọng, nhất là những quyền cơ bản như tự do, sinh mệnh chính trị của một cá nhân, bất khả xâm phạm tính mạng, sức khỏe,...

Hiến pháp năm 2013 cũng quy định những cơ chế quan trọng về trách nhiệm của Nhà nước để bảo đảm quyền con người được tôn trọng. Đó chính là những quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, trong đó có VKSND. Hiến pháp năm 2013 quy định VKSND với chức năng THQCT, kiểm sát hoạt động tư pháp, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ XHCN, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Vì lý do trên, việc nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải đảm bảo việc buộc tội, truy cứu TNHS đúng người thực hiện hành vi

phạm tội, tránh trường hợp làm oan, sai hay không bỏ lọt tội phạm; đồng thời cũng phát hiện và ngăn chặn kịp thời những hành vi xâm phạm đến quyền con người, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp của người bị buộc tội; bảo đảm việc áp dụng các biện pháp TTHS đối với người có hành vi tham ô tài sản như bắt giữ, tạm giam, khám xét phải được thực hiện có căn cứ pháp luật.

4.1.4. Yêu cầu hội nhập quốc tế

Thời gian qua, Việt Nam đã chủ trương thực hiện chính sách mở cửa hợp tác với nhiều nước trên thế giới trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội và chính trị. Điều này tạo thuận lợi đối với sự phát triển nền kinh tế của đất nước, đời sống Nhân dân được nâng lên. Tuy nhiên, song song đó là sự gia tăng đa dạng các loại tội phạm, trong đó, có hành vi phạm tội Tham ô tài sản ở cả lĩnh vực trong cũng như ngoài Nhà nước với các phương thức và thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội ngày càng tinh vi, xảo quyệt, nhiều đối tượng tham gia, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn ra nước ngoài nhằm trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật. Do đó, đòi hỏi Việt Nam phải có các hoạt động tương trợ tư pháp với các quốc gia khác để phối hợp kịp thời xử lý các hành vi phạm tội, bao gồm tội Tham ô tài sản.

Viện kiểm sát với vai trò là một CQTHTT, đồng thời là cơ quan đầu mối Trung ương thực hiện các hoạt động tương trợ tư pháp trong TTHS. Do đó, việc nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải đáp ứng được yêu cầu hợp tác quốc tế trong tình hình mới hiện nay, đặc biệt là trường hợp tương trợ tư pháp hình sự nhằm đảm bảo kịp thời trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật, thực hiện việc buộc tội, truy cứu TNHS người phạm tội.

Để đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi, minh bạch, an toàn trong quá trình hội nhập đòi hỏi phải xây dựng hệ thống pháp luật hoàn thiện, bảo đảm sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế và phù hợp với các điều ước quốc tế song phương, đa phương mà Việt Nam đã ký kết. Đây là cơ sở cho việc áp dụng

pháp luật đối với tội phạm về tham nhũng nói chung, tội Tham ô tài sản nói riêng ở nước ta ngày càng có sự tương đồng với các khuôn khổ pháp lý quốc tế nhằm ngăn chặn các hành vi phạm tội và tác hại của hành vi này. Do đó, quy định pháp luật cần nhanh chóng nội luật hoá một số nội dung của các điều ước quốc tế đã tham gia ký kết, các hiệp định có liên quan đến việc giải quyết vụ án tham ô tài sản.

4.1.5. Yêu cầu ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh

Trong công cuộc đổi mới, sự phát triển về kinh tế cũng căn cứ vào sự đổi mới trên nhiều lĩnh vực của xã hội, lĩnh vực tư pháp cũng không nằm ngoài những yêu cầu đó của sự phát triển kinh tế. Sự ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội luôn là nền tảng cho sự phát triển kinh tế. Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hội nhập sâu, rộng với nền kinh tế thế giới luôn cần có khung pháp lý bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng, bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư và những nhà kinh doanh.

Việc cải thiện chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải thực hiện trong mối quan hệ với sự phát triển nền kinh tế và sự ổn định chính trị. THQCT được thực hiện tốt, xử lý đúng người, đúng tội, không làm oan người vô tội và không bỏ lọt người có hành vi tham ô tài sản sẽ giúp cho các cơ quan, đơn vị trong Nhà nước và các doanh nghiệp, tổ chức ngoài Nhà nước hoạt động có hiệu quả, góp phần tạo ra những cơ hội thuận lợi để phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Việc xử lý tội Tham ô tài sản và đi tới loại dần tội phạm này sẽ tạo điều kiện cho hoạt động bình thường và phát triển của các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức trong Nhà nước cũng như ngoài Nhà nước; tăng niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước. Bên cạnh đó, THQCT đối với tội Tham ô tài sản đạt hiệu quả sẽ góp phần không nhỏ trong việc tạo môi trường kinh tế lành mạnh, cạnh tranh công bằng, xây dựng được niềm tin đối với các tổ chức, tập đoàn kinh tế lớn, thu hút được sự đầu tư kinh doanh của các công ty, tổ chức nước ngoài; tạo động lực thúc đẩy sự phát triển các mặt đời sống xã hội.

Hơn nữa, khi nền kinh tế, xã hội phát triển sẽ góp phần tạo điều kiện nâng cao đời sống của người dân và cán bộ công chức, viên chức. Đây là nền tảng làm thay đổi tư duy pháp lý, thúc đẩy hoạt động áp dụng pháp luật, trong đó có THQCT đối với tội Tham ô tài sản công tâm, khách quan, bảo vệ trật tự quản lý kinh tế, bảo vệ sự hoạt động bình thường của cơ quan Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

Trong tình hình nước ta hiện nay còn những khó khăn về kinh tế - xã hội dẫn đến ý thức pháp luật còn thấp, lối sống tuân theo pháp luật chưa trở thành thói quen, tiềm thức và tiêu chuẩn của đạo đức, nhân cách con người thì việc vi phạm pháp luật, vi phạm quyền công dân vẫn còn xảy ra phổ biến. Vì thế, bên cạnh việc tăng cường việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm quyền con người, bảo đảm pháp chế thì vấn đề nâng cao chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải góp phần tạo cơ sở, nền tảng cho quá trình phát triển kinh tế, văn hoá – xã hội, nâng cao văn hóa pháp lý, giáo dục pháp luật cho mọi công dân và cán bộ, công chức Nhà nước... Vấn đề tăng cường THQCT đối với tội Tham ô tài sản nhằm bảo vệ quyền con người chỉ có thể được giải quyết một cách tối ưu cùng với việc thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đồng bộ và toàn diện mọi mặt đời sống xã hội đang diễn ra ở nước ta hiện nay.

4.1.6. Yêu cầu thu hồi tài sản bị thất thoát, bị chiếm đoạt

Thực tiễn giải quyết vụ án về tội Tham ô tài sản cho thấy, đối tượng phạm tội đã làm thất thoát và chiếm đoạt một số lượng tài sản lớn hoặc đặc biệt lớn. Chính vì vậy, khi giải quyết các vụ án này mục đích của việc xử lý tội phạm không chỉ là trừng trị người thực hiện hành vi phạm tội mà còn nhằm thu hồi tài sản bị chiếm đoạt hoặc bị thất thoát, khắc phục hậu quả do tội Tham ô tài sản gây ra đối với xã hội và Nhà nước. Theo quy định tại Điều 93 Luật PCTN năm 2018 thì: “1. Tài sản tham nhũng phải được thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp hoặc tịch thu theo quy định của pháp luật. 2. Thiệt

hại do hành vi tham nhũng gây ra phải được khắc phục; người có hành vi tham nhũng gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.”.

Trong vụ án tham ô tài sản thường làm thất thoát lớn tài sản của Nhà nước, sau khi chiếm đoạt tài sản thì người thực hiện hành vi phạm tội luôn muốn cất giấu, tẩu tán tài sản, thậm chí gửi tại các ngân hàng nước ngoài, mua bất động sản ở nước ngoài, chuyển giao cho người thân cất giữ, đầu tư kinh doanh... Chính vì vậy, trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử đối với các vụ án về tội Tham ô tài sản, THQCT phải được áp dụng một cách linh hoạt, nhanh chóng, đồng bộ với hoạt động điều tra nhằm ngoài làm rõ tội phạm, hành vi phạm tội thì cũng phải kịp thời xác minh tài sản của người phạm tội, cũng như tài sản bị chiếm đoạt và những thiệt hại do hành vi tham ô tài sản gây ra. Trên cơ sở đó áp dụng kịp thời biện pháp phát hiện, thu giữ, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản để đảm bảo hiệu quả thu hồi tài sản trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và nhất là giai đoạn thi hành án.

4.2. Các giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

4.2.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

4.2.1.1. Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015

Thứ nhất, bổ sung nội dung tại Điều 147 BLTTHS năm 2015 theo hướng cho phép các cơ quan thẩm quyền có thêm thời hạn để tiến hành kiểm tra, xác minh, làm rõ hành vi tham ô tài sản để xác định có hay không có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản, trên cơ sở đó bảo đảm cho việc ban hành quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Cụ thể, cuối đoạn 1 khoản 2 Điều 147 BLTTHS năm 2015, cần thêm nội dung “*trường hợp vụ việc bị tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố thuộc các tội phạm về tham nhũng mà không thể kết thúc trong thời hạn đã được gia hạn thì Viện trưởng*

Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền có thể gia hạn lần thứ hai không nhưng quá 02 tháng”.

Thứ hai, bổ sung nội dung yêu cầu CQĐT kịp thời cung cấp tài liệu, chứng cứ trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm để VKS có điều kiện, căn cứ THQCT, kịp thời làm rõ tội phạm xử lý theo quy định. Cụ thể tại khoản 5 Điều 88 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung thêm nội dung: “Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin, khi thu thập, nhận được các tài liệu liên quan đến vụ việc thì trong thời hạn 24 giờ Cơ quan điều tra, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm chuyển biên bản, tài liệu này cho Viện kiểm sát để kiểm sát. Trường hợp do trở ngại khách quan thì thời hạn này có thể kéo dài nhưng không quá 72 giờ”.

Thứ ba, cần sửa đổi quy định về kê biên tài sản và phong tỏa tài khoản theo hướng mở rộng phạm vi áp dụng, cho phép CQTHTT được áp dụng những biện pháp này trong giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm. Cụ thể:

- Khoản 1 Điều 128 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung như sau: “Kê biên tài sản được áp dụng đối với người bị tình nghi, bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tiền hoặc có thể bị tịch thu tài sản hoặc để bảo đảm bồi thường thiệt hại”.

- Khoản 1 Điều 129 BLTTHS năm 2015 cần bổ sung như sau: “Phong tỏa tài khoản áp dụng đối với người bị tình nghi, người bị buộc tội về tội mà Bộ luật Hình sự quy định hình phạt tiền, bị tịch thu tài sản...”

Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền cần xây dựng Thông tư liên tịch có nội dung hướng dẫn trường hợp kê biên tài sản từng phần đối với một khối tài sản.

Thứ tư, để THQCT phê chuẩn quyết định áp dụng biện pháp tạm giam đối với người phạm tội Tham ô tài sản đúng quy định, thống nhất trong thực tiễn áp dụng và đảm bảo quyền lợi của bị can, bị cáo theo quy định Hiến pháp năm 2013. Các cơ quan có thẩm quyền cần ban hành hướng dẫn căn cứ không áp dụng biện pháp tạm giam được quy định tại khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm

2015 về quy định “người già yếu”, “người bị bệnh nặng”. Theo đó, quy định về “người già yếu”, và “người bị bệnh nặng” tại Nghị quyết 01/2007/NQ-HĐTP cần được hướng dẫn áp dụng đối với căn cứ không áp dụng biện pháp tạm giam tại khoản 4 Điều 119 BLTTHS năm 2015.

Thứ năm, sửa đổi các Điều 307, 209, 310, 311 BLTTHS năm 2015 về trình tự xét hỏi theo hướng: Hỏi bị cáo, người bị hại, nhân chứng... để làm rõ các tình tiết của vụ án là quyền, trách nhiệm của KSV và người bào chữa. KSV, chủ thể THQCT tại phiên toà, phải thực hiện xét hỏi đầu tiên và là người hỏi chính, sau đó đến bên bào chữa. HĐXX chỉ hỏi về phần thủ tục phiên toà, điều hành, duy trì việc xét hỏi, nêu vấn đề về các tình tiết của vụ án và đề nghị làm rõ khi nhận thấy những nội dung này chưa được làm sáng tỏ. Việc xét hỏi để làm rõ hành vi phạm tội, thuộc nội dung THQCT, là trách nhiệm của KSV, còn việc xét hỏi để giảm nhẹ, gỡ tội là trách nhiệm của người bào chữa. Điều này cũng phù hợp với thực tế diễn ra hiện nay. Trên cơ sở đó, khoản 1 và 2 Điều 307 BLTTHS năm 2015 cần sửa đổi như sau:

“1. Hội đồng xét xử yêu cầu Kiểm sát viên xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng nội dung vụ án và từng người. Chủ tọa phiên toà điều hành việc hỏi, duy trì và quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý.

2. Khi xét hỏi từng người, *Kiểm sát viên hỏi trước sau đó người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi. Hội đồng xét xử hỏi rõ thêm những tình tiết khi thấy cần thiết cho việc ban hành phán quyết.*

Người tham gia tố tụng tại phiên tòa có quyền đề nghị chủ tọa phiên tòa *yêu cầu Kiểm sát viên* hỏi thêm về những tình tiết cần làm sáng tỏ.

3. Người giám định, người định giá tài sản được hỏi về những vấn đề có liên quan đến việc giám định, định giá tài sản.”.

Tương tự như vậy, trường hợp xét hỏi cụ thể đối với bị cáo; bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ; người làm chứng được quy định tại các Điều 309,

310, 311 BLTTHS năm 2015 cũng phải sửa đổi theo hướng KSV là người hỏi chính thay cho chủ tọa phiên toà, HĐXX như quy định hiện nay.

Thứ sáu, hủy bỏ các quy định dẫn đến cách hiểu Tòa án có chức năng buộc tội trong TTHS như:

- Hủy bỏ các quy định về thẩm quyền, trách nhiệm khởi tố vụ án hình sự của Tòa án. Chỉ quy định Tòa án có quyền kiến nghị, yêu cầu VKS khởi tố vụ án mà không tự mình ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, cần xác định kiến nghị, yêu cầu của Tòa án như là một nguồn tin báo về tội phạm. Vì vậy, khoản 4 Điều 153 BLTTHS năm 2015 cần được sửa thành “*4. Hội đồng xét xử yêu cầu Viện kiểm sát khởi tố vụ án hình sự nếu qua xét xử tại phiên toà mà phát hiện có việc bỏ lọt tội phạm*”. Đồng thời, huỷ bỏ nội dung quy định tại đoạn 3 khoản 2 Điều 154 BLTTHS năm 2015.

- Hủy bỏ căn cứ để Toà án trả hồ sơ điều tra bổ sung quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015, cụ thể lần lượt đó là các trường hợp: Thiếu những chứng cứ dùng để chứng minh hành vi và người phạm tội; phát hiện hành vi phạm tội khác; có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm hoặc người khác thực hiện hành vi phạm tội liên quan đến vụ án mà chưa được khởi tố bị can. Chỉ quy định căn cứ để trả hồ sơ điều tra bổ sung là vi phạm thủ tục tố tụng và đây cũng là căn cứ để HĐXX trả hồ sơ bổ sung tại phiên toà. Ngoài ra, cần quy định khi phát hiện các căn cứ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều 280 BLTTHS năm 2015 thì Tòa án kiến nghị VKS xem xét khởi tố.

- Hủy bỏ nội dung quy định về trách nhiệm, nghĩa vụ xác định sự thật vụ án của Toà án tại Điều 15 BLTTHS năm 2015. Tòa án chỉ có nghĩa vụ chứng minh lý do và căn cứ cho bản án hoặc quyết định của mình vì sao Tòa án chấp nhận quan điểm truy tố của VKS mà không chấp nhận lời bào chữa của người bào chữa, bị cáo khi kết tội hoặc ngược lại, tại sao Tòa án không chấp nhận quan điểm truy tố của VKS mà lại chấp nhận lời bào chữa khi tuyên bị cáo về tội nhẹ hơn hay vô tội. Vì vậy, Điều 15 BLTTHS năm 2015 cần sửa đổi theo hướng “Trách nhiệm

chứng minh tội phạm thuộc về *Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát*. Người bị buộc tội có quyền nhưng không buộc phải chứng minh là mình vô tội. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, *Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát* phải áp dụng các biện pháp hợp pháp để xác định sự thật của vụ án...”

Thứ bảy, về giới hạn xét xử, tại khoản 3 Điều 298 BLTTHS năm 2015 cần sửa đổi nội dung theo hướng “Trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ tội danh đã truy tố thì *Tòa án xét xử theo tội danh Viện kiểm sát đã truy tố*”.

Thứ tám, về chế định rút quyết định truy tố tại phiên tòa của VKS được đề cập tại các Điều 319, 325, 326 BLTTHS năm 2015, cần phải sửa đổi theo hướng: Trường hợp tại phiên tòa VKS rút một phần quyết định truy tố thì Tòa án chỉ xét xử phần không bị rút quyết định truy tố. Cụ thể, Điều 325 BLTTHS năm 2015 cần điều chỉnh theo hướng “1. Khi Kiểm sát viên rút một phần quyết định truy tố hoặc kết luận về tội nhẹ hơn thì Hội đồng xét xử *chỉ tiếp tục xét xử đối với phần mà Viện kiểm sát không rút quyết định truy tố hoặc xét xử theo tội nhẹ hơn*. 2. Trường hợp Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố thì Hội đồng xét xử *đình chỉ vụ án*”. Đồng thời, huỷ bỏ nội dung quy định tại khoản 4 Điều 326 BLTTHS hiện nay.

Thứ chín, VKS là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong quá trình chứng minh tội phạm và trực tiếp thực hiện việc truy cứu TNHS, buộc tội, luận tội đối với bị cáo tại phiên tòa; về những oan, sai trong bắt, tạm giữ, tạm giam hoặc bỏ lọt tội phạm. Để việc chứng minh tội phạm có hiệu quả, giảm oan sai và bỏ lọt tội phạm thì VKS cần có căn cứ và cơ sở bảo đảm, đó chính là tài liệu, chứng cứ phản ánh về hành vi tham ô tài sản. Điều này chỉ đạt được hiệu quả cao nhất khi VKS chỉ đạo thu thập chứng cứ buộc tội đối với người bị khởi tố, CQĐT có trách nhiệm thực thi sự chỉ đạo của VKS. Chính vì vậy, cần giao cho VKS quyền chỉ

đạo điều tra và chịu trách nhiệm chính trong công tác điều tra nhằm bảo đảm tập trung thực thi hiệu quả QCT của Nhà nước, đồng thời sẽ hạn chế việc phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung giữa các CQTHTT. Do đó, BLTTHS cần sửa đổi bổ sung theo hướng sau:

Giao cho VKS là cơ quan trực tiếp quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án, khởi tố bị can, đồng thời là cơ quan trực tiếp ra quyết định áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn trong giai đoạn điều tra. VKS là đầu mối tiếp nhận và quyết định việc xử lý mọi tố giác, tin báo về tội phạm do cơ quan tổ chức và cá nhân cung cấp. CQĐT có trách nhiệm xác minh tố giác, tin báo về tội phạm theo yêu cầu của VKS và chuyển ngay kết quả xác minh cho VKS để xem xét quyết định khởi tố hoặc không khởi tố vụ án hình sự. Nếu xét thấy cần thiết thì VKS trực tiếp tiến hành điều tra khi nhận thấy việc điều tra của CQĐT không khách quan hoặc CQĐT thực hiện nhưng không đạt hiệu quả.

4.2.1.2. Sửa đổi nội dung văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật có liên quan đến công tác xử lý tội phạm nói chung và tội Tham ô tài sản nói riêng

Thứ nhất, tại khoản 1 Điều 13 Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 29/12/2017 của Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tài chính - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Viện kiểm sát nhân dân tối cao ban hành quy định phối hợp giữa các cơ quan có thẩm quyền trong việc thực hiện một số quy định BLTTHS năm 2015 về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cần bổ sung nội dung sau: “Đối với tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố thì trong thời hạn 24 giờ Cơ quan điều tra phải chuyển cho Viện kiểm sát cùng các tài liệu, chứng cứ để Viện kiểm sát thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật”.

Thứ hai, Điều 223 BLTTHS năm 2015 quy định về biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt, trong đó cho phép áp dụng khi điều tra tội Tham ô tài sản. Tuy nhiên, qua khảo sát thực tế từ khi BLTTHS năm 2015 có hiệu lực, ngày 01/01/2018 đến nay, hầu hết khi điều tra tội Tham ô tài sản, biện pháp điều tra đặc biệt chưa được áp

dụng vì còn có những khó khăn về trình tự, thủ tục. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền cần phối hợp để hướng dẫn cụ thể về việc áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt. Đồng thời, VKSND tối cao cần xây dựng quy chế hướng dẫn về THQCT đối với việc áp dụng biện pháp điều tra đặc biệt của CQĐT.

Thứ ba, để bảo đảm việc thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, bị thiệt hại do hành vi tham ô gây ra đạt hiệu quả thì CQTHTT cần nghiên cứu và ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn về việc áp dụng các biện pháp thu hồi tài sản tham nhũng, trong đó có tài sản bị tham ô. Đặc biệt cần nhắc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Cụ thể, khi có tài liệu, căn cứ xác định đối tượng bị tố giác, kiến nghị khởi tố về tội Tham ô tài sản có tài sản, tiền trong tài khoản tại ngân hàng thì CQTHTT có thể tiến hành các biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài sản đó hoặc phong tỏa tài khoản ngân hàng.

Đồng thời, cơ quan có thẩm quyền cần chủ động ký kết các Hiệp định tương trợ tư pháp, tham gia vào các cơ chế hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hồi tài sản do phạm tội mà có, đặc biệt là Nhóm hợp tác chống rửa tiền Châu Á - Thái Bình Dương (APG), Mạng lưới liên cơ quan về thu hồi tài sản do phạm tội mà có thuộc châu Á-Thái Bình Dương (ARIN-AP), Mạng lưới các cơ quan tình báo tài chính (Egmont Group)... Đây là căn cứ để CQTHTT có thể thực hiện hoạt động thu hồi tài sản bị tham ô nói riêng và tài sản tham nhũng nói chung ở nước ngoài.

4.2.1.3. Hoàn thiện Luật tương trợ tư pháp

Cần xây dựng quy định về phạm vi, trình tự, thủ tục hoạt động tương trợ tư pháp về thu hồi tài sản, xử lý vấn đề cam kết không thi hành án tử hình đối với người phạm tội trong trường hợp tương trợ tư pháp hình sự. Đồng thời, Cơ quan có thẩm quyền trong tương trợ tư pháp cần hướng dẫn thực hiện nhằm nâng cao chất lượng lập hồ sơ yêu cầu tương trợ tư pháp hình sự. Khẩn trương tiến hành đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế về tương trợ tư pháp hình sự, đặc biệt là với các nước có quan hệ kinh tế - đầu tư với nước ta, các nước có người

Việt Nam sinh sống, làm việc hoặc các nước phát sinh nhiều hoạt động tương trợ tư pháp hình sự thời gian qua.

4.2.2. Tăng cường hoạt động chỉ đạo của Lãnh đạo trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Căn cứ vào yêu cầu của công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng trong từng giai đoạn xây dựng và phát triển của đất nước, Lãnh đạo VKSND tối cao luôn quan tâm đến hiệu quả THQCT và thể hiện sự chỉ đạo, lãnh đạo thông qua các Chỉ thị, Thông tư, Quy chế để quán triệt và tổ chức thực hiện đường lối chính sách của Đảng về phòng chống tham nhũng, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên tạo điều kiện thuận lợi cho KSV thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi THQCT đạt kết quả. Từ thực tiễn cho thấy, ở nơi nào, lãnh đạo Viện và Thủ trưởng các đơn vị nghiệp vụ sâu sát trong quản lý, chỉ đạo, điều hành thì ở đó chất lượng THQCT được nâng lên.

Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành THQCT đối với tội Tham ô tài sản là một vấn đề rất cần thiết và quan trọng, được thể hiện từ giai đoạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố và trong suốt quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Viện trưởng VKSND các đơn vị cần phân bổ thời gian giữa công việc hành chính, sự vụ và hoạt động TTHS, trong đó có THQCT đối với tội Tham ô tài sản, tránh trường hợp phó mặc cho cấp Phó hoặc KSV dưới quyền. Khi nghe báo cáo, lãnh đạo Viện cần đóng vai trò như người bào chữa để giúp KSV đánh giá toàn diện về các tình tiết của vụ án, chủ động trao đổi với KSV về giá trị chứng minh hành vi phạm tội của những chứng cứ, tài liệu để phê chuẩn hoặc ban hành quyết định tố tụng theo quy định, nếu thấy có vướng mắc thì cần trực tiếp kiểm tra hồ sơ, tránh trường hợp ban hành quyết định chỉ trên cơ sở nghe KSV báo cáo. Điều này sẽ giúp nâng cao chất lượng và KSV tự tin hơn khi tham gia các hoạt động tố tụng, đặc biệt là THQCT, góp phần bảo đảm việc giải quyết vụ án được chính xác. Đối với một số vụ án tham ô tài sản có tình tiết phức tạp, dư luận quan tâm, Viện trưởng cần phải chủ động

bám sát hoặc trực tiếp tham gia THQCT nhằm bảo đảm quyết định pháp lý được ban hành hợp pháp và có căn cứ pháp luật.

Lãnh đạo VKSND phải thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động của KSV. Định kỳ hàng tháng, Lãnh đạo cần tiến hành họp và yêu cầu KSV được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản báo cáo tiến độ, qua đó Lãnh đạo biết được những khó khăn, vướng mắc để có biện pháp tác động tháo gỡ, giúp cho quá trình giải quyết vụ án đảm bảo về mặt chứng cứ theo quy định pháp luật, đồng thời được đúng thời hạn, tránh tình trạng kéo dài không cần thiết. Kiểm sát viên được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản đòi hỏi phải có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, ngoài kiến thức pháp lý cũng cần phải có kiến thức về các lĩnh vực, chuyên môn khác. Do đó, Lãnh đạo đơn vị cần căn cứ vào trình độ, năng lực của mỗi KSV để có sự phân công phù hợp giữa trình độ năng lực, kinh nghiệm tương ứng với độ phức tạp về tình tiết, chứng cứ mỗi vụ án tham ô tài sản.

Đối với vụ án tham ô tài sản thuộc diện Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; hoặc Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh theo dõi chỉ đạo thì lãnh đạo Viện phải truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Ban chỉ đạo về hướng giải quyết vụ án để KSV nắm được và thực hiện tốt chức năng THQCT, bảo đảm đáp ứng yêu cầu về chính trị, pháp luật và nghiệp vụ.

4.2.3. Nâng cao nhận thức, đề cao trách nhiệm và đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Kiểm sát viên trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản

Nội dung này luôn được các công trình khoa học nghiên cứu đề cập. Tuy nhiên, vấn đề này trong giai đoạn nào cũng cần thiết và phải thay đổi để phù hợp với tình hình mới. Chất lượng đội ngũ KSV như thế nào sẽ là yếu tố quyết định hiệu quả THQCT, trong đó có THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Trong thời gian qua, đội ngũ cán bộ, KSV được phân công THQCT đối với tội Tham

ô tài sản đã không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, hình thành đội ngũ cán bộ, KSV có bản lĩnh chính trị, có kiến thức chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm thực tiễn. Tuy nhiên, trước yêu cầu đấu tranh với sự phát triển ngày càng đa dạng của tội Tham ô tài sản thì đội ngũ cán bộ KSV được phân công THQCT ở một số nơi hiện nay có thể nói không còn đảm bảo về số lượng và chưa đạt yêu cầu về chất lượng, vì vậy yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ KSV tiếp tục được đề ra. Để nâng cao nhận thức và đề cao trách nhiệm đối với đội ngũ KSV được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản cần phải thực hiện những nội dung sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức, trình độ của cán bộ, Kiểm sát viên

Để thực hiện tốt chức năng THQCT đối với tội Tham ô tài sản thì ngoài nắm vững các quy định của pháp luật hình sự, các văn bản có liên quan, KSV còn phải nắm vững, vận dụng đúng đắn quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng về phòng, chống loại tội phạm này và các kiến thức pháp luật chuyên ngành. Chính vì vậy, công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu phải được các Lãnh đạo quan tâm đúng mức nhằm nâng cao trách nhiệm và năng lực đội ngũ KSV trong giai đoạn hiện nay là một yêu cầu cần thiết, đặc biệt là trong bối cảnh cải cách tư pháp. Trước hết, cán bộ, KSV các cấp cần nhận thức đúng, đủ chức năng THQCT mà BLTTHS năm 2015 và Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định. KSV phải thường xuyên chú trọng cập nhật những quy định mới trong văn bản hướng dẫn có liên quan; nắm vững các yếu tố cấu thành tội phạm của tội Tham ô tài sản và các tội phạm khác có một số dấu hiệu pháp lý gần tương đồng; đồng thời, phải nắm vững quy định văn bản pháp luật về các lĩnh vực thường xảy ra hành vi tham ô tài sản như: Luật Tài chính - Kế toán, Luật Ngân hàng, Luật Bảo hiểm, Luật Đất đai, Luật Xây dựng... Đây là những văn bản pháp luật mà khi THQCT, KSV phải viện dẫn những vi phạm của đối tượng để chứng minh tội phạm. Các tài liệu này cần hệ thống hoá, số hoá, biên tập thành sách điện tử theo chủ đề, lĩnh vực để thuận lợi cho KSV toàn ngành có thể cùng

nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ, kỹ năng; đồng thời, phục vụ trực tiếp cho THQCT, kịp thời đáp ứng yêu cầu tra cứu, trích dẫn áp dụng pháp luật của KSV, đặc biệt là quá trình THQCT đối với tội Tham ô tài sản tại phiên toà.

Kiểm sát viên phải thường xuyên tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ thông qua hình thức đào tạo tại chỗ, đào tạo tập trung, hội nghị tập huấn, hội thảo chuyên môn. Cần xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về một số lĩnh vực, chuyên ngành đang tìm ẩn nguy cơ xảy ra hành vi tham ô tài sản, đặc biệt là những kiến thức về việc sử dụng công nghệ cao để phạm tội, nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong thời gian tới, cũng như giúp ích cho KSV trong việc khai thác hiệu quả ứng dụng công nghệ vào kiểm tra, xác minh, đánh giá chứng cứ, từ đó tạo tiền đề vững chắc và hiệu quả cho việc thực hiện chức năng THQCT.

Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần tổ chức hội thảo, trao đổi, rút kinh nghiệm về THQCT đối với tội Tham ô tài sản trong trường hợp vụ án có tài liệu, chứng cứ phức tạp, thủ đoạn thực hiện hành vi phạm tội tinh vi cho KSV. Đơn vị có thẩm quyền cần xây dựng chuyên đề về kỹ năng và rút kinh nghiệm về THQCT đối với tội Tham ô tài sản, trong đó tập trung chỉ ra những thiếu sót, hạn chế mà cấp sơ thẩm hay mắc phải dẫn đến cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm phải huỷ án để điều tra, xét xử lại. Các cơ sở đào tạo của ngành Kiểm sát cần xây dựng chương trình giảng dạy riêng về kỹ năng THQCT đối với tội Tham ô tài sản trên cơ sở những kinh nghiệm, kiến thức tích lũy từ hoạt động thực tiễn.

Định kỳ tổ chức cuộc thi sát hạch để phân loại, đánh giá trình độ và phản ánh đúng chất lượng KSV, kịp thời bổ sung những KSV có năng lực cho Ngành. Đồng thời, thực hiện mô hình đào tạo KSV được phân công THQCT tại phiên toà thông qua hình thức cho những cán bộ đủ điều kiện thi để bổ nhiệm KSV, hoặc những KSV mới được bổ nhiệm tham gia hỗ trợ, giúp việc, cùng thực hiện nhiệm vụ THQCT tại phiên toà thực tế với những KSV có kinh nghiệm. Điều này giúp cho

KSV mới bổ nhiệm có điều kiện tiếp cận và học hỏi thêm kinh nghiệm, nâng cao bản lĩnh, trình độ để thực hiện tốt chức năng THQCT tại phiên toà.

Thứ hai, thực hiện tốt công tác rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ Kiểm sát viên

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, KSV được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản không những phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, khả năng giao tiếp, ứng xử mà họ còn phải là người có bản lĩnh nghề nghiệp, phẩm chất đạo đức, lương tâm trách nhiệm cao và trên hết phải là người có tâm sáng nhằm đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới nói chung và cải cách tư pháp nói riêng. Điều này phù hợp với yêu cầu của Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đối với cán bộ, KSV được phân công xử lý án tham nhũng *“phải luôn giữ cho mình thật sự trong sạch, thật sự liêm chính, phải là người có bản lĩnh, dũng khí, kiên quyết đấu tranh bảo vệ cái đúng, không khoan nhượng với tham nhũng”* khi làm việc với ngành Kiểm sát nhân dân vào ngày 17/01/2015.

Kiểm sát viên được phân công THQCT đối với tội Tham ô tài sản phải không ngừng rèn luyện ý thức chính trị, tức là đòi hỏi KSV phải luôn nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng đối với công tác chống tội phạm và quán triệt đầy đủ những chủ trương của cấp ủy Đảng về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương để điều chỉnh thực hiện tốt chức năng THQCT, phục vụ có hiệu quả nhiệm vụ chính trị địa phương. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, KSV phải thể hiện được bản lĩnh khi phát hiện có căn cứ theo quy định pháp luật làm thay đổi tình tiết vụ án thì mạnh dạn đề xuất hoặc quyết định độc lập và tự chịu trách nhiệm, không né tránh, không đồng tình trước những vi phạm; phải kiên quyết bảo vệ chân lý với phương châm *“không để lọt, làm oan”*. KSV phải bình tĩnh, chú ý lắng nghe từ nhiều nguồn thông tin khác nhau, chịu được áp lực dư luận quần chúng, báo chí, đơn khiếu nại gây áp lực.

Rèn luyện ý thức chính trị phải đi đôi với rèn luyện phẩm chất đạo đức của người cán bộ kiểm sát theo như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh *“Công minh,*

chính trực, khách quan, thận trọng và khiêm tốn”, không được dễ dãi đánh mất bản thân mình hoặc có hoạt động vì lợi ích cá nhân, tiêu cực. Việc xa rời rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức tổ chức kỷ luật thì KSV sẽ dễ bị lợi ích vật chất, tinh thần cám dỗ và đi đến vi phạm pháp luật làm ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng THQCT đối với tội Tham ô tài sản.

Lãnh đạo VKSND cần rà soát để đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ, KSV. Trên cơ sở đó đưa ra biện pháp nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống. Tạo nguồn những cán bộ có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn để thi chức danh tư pháp KSV nhằm đáp ứng khối lượng công việc ngày càng nhiều, yêu cầu càng cao.

Thứ ba, công tác tuyển dụng, bố trí, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ

Cùng với quy chuẩn đào tạo, ngành Kiểm sát cũng phải có quy chuẩn về tuyển chọn đối tượng đào tạo. KSV là người phải chịu nhiều áp lực với trách nhiệm cao, đặc thù công việc là tiếp xúc, giao tiếp trước nhiều người, yêu cầu làm việc độc lập; trong công việc nhiều khi bị cám dỗ, lôi kéo bởi lợi ích... Chính vì vậy, quá trình thi tuyển, bổ sung nguồn nhân lực cho ngành Kiểm sát thì ngoài việc lựa chọn người có kiến thức về pháp luật, bản lĩnh chính trị, đạo đức còn phải là người có diện mạo, ngoại hình nhất định, không bị khiếm khuyết về hình thể; không nói ngọng, nói lắp, nói nhịu, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử linh hoạt, diễn thuyết và thuyết trình trước nhiều người,... đây là những kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt THQCT tại phiên tòa, trong đó có xét hỏi, tranh luận.

Căn cứ vào khả năng, trình độ, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh của mỗi KSV mà Lãnh đạo cân nhắc, xem xét bố trí công việc phù hợp nhằm tạo điều kiện cho họ phát huy những điểm mạnh giúp cho THQCT đối với tội Tham ô tài sản đạt được kết quả cao nhất. Tránh trường hợp bố trí không đúng năng lực, trình độ dẫn đến không phát huy được sở trường, nhiệt huyết của KSV, làm họ nhụt chí, không có động lực phấn đấu, dễ phát sinh tình trạng tiêu cực khi có những tác động xấu, làm ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả THQCT.

Hiện nay, công tác bổ nhiệm chức danh tư pháp KSV được thực hiện thông qua thi tuyển hàng năm. Hình thức thi tuyển là thi viết tự luận và trắc nghiệm về kiến thức pháp luật và nghiệp vụ kiểm sát. Để đảm bảo KSV được bổ nhiệm thực hiện tốt chức năng THQCT đối với tội Tham ô tài sản thì cần phải tuyển chọn được những KSV không chỉ có năng lực, kiến thức pháp luật mà còn phải có khả năng tranh luận, đối đáp, phản ứng nhanh đối với các tình huống phát sinh tại phiên toà. Vì vậy, VKSND tối cao cần nghiên cứu, thay đổi hình thức thi tuyển KSV các cấp theo hướng bên cạnh thi tự luận như hiện nay thì cần phải thi thêm phần tranh luận, đối đáp. Như vậy, mới đảm bảo sàng lọc, tuyển chọn được những KSV ưu tú có nhiều ưu điểm, trình độ để thực hiện có hiệu quả THQCT đối với tội Tham ô tài sản trong tương lai.

Hàng năm, khi hết nhiệm kỳ KSV phải đánh giá về kết quả công tác chuyên môn, nghiệp vụ và giải trình về các vụ án do mình giải quyết bị cấp trên hủy hoặc sửa do vi phạm nghiêm trọng. Đối với trường hợp chưa đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, còn hạn chế về trình độ năng lực hoặc có biểu hiện tiêu cực thì miễn nhiệm, điều chuyển công tác khác. Ngoài ra, cần phải thường xuyên kiểm tra, thanh tra; xử lý nghiêm minh, kịp thời cán bộ vi phạm pháp luật, kiên quyết loại bỏ cán bộ thoái hóa biến chất.

Cùng với lực lượng KSV thì đội ngũ lãnh đạo các cấp cũng là yếu tố quan trọng. Kinh nghiệm cho thấy ở đâu lãnh đạo có đủ tâm và đủ tầm thì ở đó công tác nghiệp vụ chuyên môn vững vàng và chính họ có thể tham gia đào tạo đội ngũ kế cận. Cần có sự lựa chọn người ưu tú trong đội ngũ KSV đã trải qua thử thách và có khả năng chuyên môn, bản lĩnh nghề nghiệp và đạo đức trong sáng để đào tạo. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo phải gắn với việc thử thách cán bộ, có sự chọn lọc và cương quyết đưa ra khỏi quy hoạch những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu, đồng thời cần tuân thủ nguyên tắc việc bổ nhiệm chức danh quản lý phải dựa trên quy hoạch trừ trường hợp thật đặc biệt.

Đối với công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo đơn vị hiện nay, VKSND tối cao thực hiện bổ nhiệm trên cơ sở kết quả bỏ phiếu của cấp cơ sở, theo cách bổ nhiệm cho người đạt tỷ lệ phiếu cao trong trường hợp vị trí cần bổ nhiệm có nhiều người đủ điều kiện. Tuy nhiên, cách bỏ phiếu như vậy không khách quan, vì có tình trạng bỏ phiếu theo mối quan hệ như có cảm tình, thích người nào thì bỏ phiếu cho người đó; ngược lại, không thích, không có cảm tình với ai thì sẽ không bỏ phiếu cho họ và cũng không loại trừ trường hợp có sự vận động, xu nịnh, mua chuộc để bỏ phiếu cho người này, không bỏ phiếu cho người kia. Điều này dẫn đến tình trạng là người đạt được tỷ lệ phiếu cao lại là người có trình độ, năng lực khiêm tốn hơn người có tỷ lệ phiếu thấp. Chính vì vậy, cần quy định việc thi sát hạch trước khi bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của các đơn vị nhằm đảm bảo tính khách quan và công bằng.

4.2.4. Đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với cơ quan liên quan trong giải quyết vụ án Tham ô tài sản

4.2.4.1. Đẩy mạnh mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với Cơ quan điều tra và Tòa án trong việc giải quyết vụ án Tham ô tài sản

Thứ nhất, quan hệ phối hợp giữa VKS với CQĐT trong quá trình giải quyết tố giác, tin báo tội phạm và kiến nghị khởi tố, điều tra, truy tố vụ án tham ô tài sản.

- Đối với tố giác, tin báo tội phạm do cá nhân cung cấp về vụ, việc mang dấu hiệu tội Tham ô tài sản ít nghiêm trọng, nghiêm trọng có ghi rõ họ tên người tố cáo, người bị tố cáo kèm theo tài liệu chứng minh thì sau khi nhận thông báo của CQĐT, KSV phối hợp với ĐTV xây dựng kế hoạch kiểm tra, xác minh. Trong thực tế, đơn tố cáo dạng này thường kèm theo tố cáo các hành vi vi phạm khác như: Làm mất danh dự, uy tín, trù dập người viết đơn khiếu nại... thì KSV trao đổi với ĐTV khi kiểm tra, xác minh cần tập trung vào nội dung tố cáo hành vi tham ô tài sản và chú ý khai thác triệt để những thông tin, tài liệu mà họ nắm được tạo thuận lợi cho việc đánh giá về hành vi tham ô tài sản.

- Đối với tố giác, tin báo về vụ, việc có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản, xảy ra rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do người có chức vụ quyền hạn nhất định mà người tố cáo yêu cầu giữ bí mật họ, tên... thì KSV phải phối hợp với ĐTV trong việc ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh; trong việc bảo đảm bí mật về họ, tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác có thể làm lộ danh tính của người tố cáo khi có yêu cầu và áp dụng biện pháp bảo vệ người tố cáo khỏi sự trả thù của người bị tố cáo; phối hợp trong việc ban hành văn bản yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp thông tin, tài liệu chứng cứ liên quan đến hành vi có dấu hiệu của tội Tham ô tài sản. Nếu có dấu hiệu, chứng cứ xác định người bị nghi thực hiện hành vi tham ô tài sản có khả năng bỏ trốn ra nước ngoài thì cần trao đổi với ĐTV về việc áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh, thời hạn áp dụng để báo cáo Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng CQĐT ra quyết định và báo cáo lãnh đạo VKS trước khi thi hành.

- Sau khi có quyết định khởi tố vụ án về tội Tham ô tài sản, KSV cần trao đổi, thống nhất với ĐTV trong việc xác định sự cần thiết áp dụng biện pháp ngăn chặn, cưỡng chế, biện pháp điều tra, nhất là biện pháp điều tra đặc biệt (về biện pháp, đối tượng, thời gian áp dụng). Trên cơ sở nội dung trao đổi và nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đề xuất hướng giải quyết với Lãnh đạo đơn vị. Nếu người thực hiện hành vi phạm tội là Đảng viên, xác định thuộc trường hợp phải báo cáo Ban thường vụ Thành ủy, Tỉnh ủy theo quy định thì KSV chủ động báo cáo với lãnh đạo VKS thực hiện.

- Từ thực tiễn cho thấy hầu hết vụ án về tội Tham ô tài sản thì đối tượng phạm tội thường bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can để tạm giam và tiến hành khám xét. Lệnh bắt bị can để tạm giam, lệnh khám xét trong trường hợp này phải được VKS cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành. Chính vì vậy, lãnh đạo VKS phải phân công KSV tham gia việc thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam và lệnh khám xét. Trong tiến trình điều tra tội Tham ô tài sản, hoạt động khám xét chỗ ở, nơi làm việc, địa điểm, phương tiện có ý nghĩa đặc biệt quan

trọng, do đó KSV phải phối hợp chặt chẽ với ĐTV chủ trì khám xét trong việc xác định và kịp thời đề ra yêu cầu thu giữ các tài liệu, đồ vật, đặc biệt là phương tiện có chứa dữ liệu điện tử, tài sản cần phải thu giữ; đồ vật, tài sản cần phải niêm phong, số tiền phong tỏa tài khoản; việc đóng gói bảo quản, vận chuyển,... cũng như việc tuân theo trình tự, thủ tục tổ tụng trong quá trình khám xét.

- Kiểm sát viên cần phối hợp với ĐTV trong việc đánh giá tài liệu, hóa đơn, chứng từ đã thu thập được; loại phương tiện điện tử như máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy fax, điện thoại, máy ghi âm, ghi hình; xác định loại tài sản là đất đai, tài sản khác gắn liền với đất như nhà, công trình xây dựng, giấy tờ có giá trị; tài sản nào cần phải được tiến hành định giá, số lượng,... các thiết bị ngoại vi, tài liệu kèm theo cần phải gửi đi giám định, định giá; nội dung yêu cầu trung cầu, tổ chức, cá nhân được trung cầu giám định, định giá; thời hạn giám định, định giá; phối hợp với ĐTV trong việc đánh giá, sử dụng kết quả giám định, định giá, đặc biệt là giám định kỹ thuật số và điện tử.

- Trường hợp cần phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung theo quy định tại Điều 245 BLTTHS năm 2015 thì trước khi ban hành quyết định, KSV cần phối hợp với ĐTV về những vấn đề cần phải điều tra bổ sung nhằm bảo đảm tính khả thi và hiệu quả của việc tiến hành các hoạt động điều tra bổ sung.

Thứ hai, quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với Tòa án trong giai đoạn xét xử vụ án tham ô tài sản.

- Nhằm bảo đảm tiến độ giải quyết đối với tội Tham ô tài sản có tình tiết, chứng cứ phức tạp, VKS chủ động đề nghị Tòa án phân công Thẩm phán tham gia ngay từ khi khởi tố vụ án và trong suốt quá trình điều tra để có sự phối hợp với KSV, ĐTV trong việc nghiên cứu, đánh giá các tài liệu, chứng cứ nhằm khắc phục trường hợp Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung; đồng thời bảo đảm khi CQĐT kết thúc điều tra ra bản kết luận điều tra đề nghị truy tố, VKS truy tố thì Thẩm phán đã nắm bắt được toàn bộ nội dung vụ án. Điều này giúp cho việc giải quyết vụ án được nhanh chóng.

- Đối với những vụ án về tội Tham ô tài sản do VKS cấp trên THQCT, kiểm sát điều tra nhưng phân công cho VKS cấp dưới THQCT, kiểm sát xét xử thì ngay từ khi nhận được công văn yêu cầu của VKS cấp trên, lãnh đạo Viện phải phân công KSV đồng thời có thông báo cho Tòa án để phân công Thẩm phán cùng tham gia nghiên cứu hồ sơ vụ án và phối hợp với KSV cấp trên để kịp thời biết được nội dung vụ án, quan điểm đánh giá, sử dụng tài liệu, chứng cứ của vụ án. Đối với những vụ án tham ô tài sản gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng do đơn vị nghiệp vụ VKSND tối cao THQCT, kiểm sát điều tra, đồng thời cử KSV trực tiếp THQCT, kiểm sát xét xử thì Kiểm sát viên VKSND cấp tỉnh được phân công theo dõi vụ án cần chủ động phối hợp KSV các đơn vị nghiệp vụ VKSND tối cao để biết nội dung vụ án.

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử, KSV và Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa cần phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện quy định của BLTTHS về thời hạn xét xử, xác định thời gian mở phiên tòa, việc giao gửi các quyết định của tòa án. KSV cần cung cấp cho Thẩm phán là chủ tọa phiên tòa các tài liệu, chứng cứ về tội phạm, lý lịch bị cáo, những tình tiết cần lưu ý khi xét xử, thái độ khai báo, trạng thái tâm lý, diễn biến tư tưởng, tình trạng sức khỏe bị cáo, mối liên hệ giữa bị cáo với Luật sư bào chữa để Thẩm phán nắm bắt được tổng thể, toàn diện, kịp thời trong quá trình xét xử. Đồng thời, KSV cũng chủ động trao đổi về kế hoạch sử dụng thiết bị điện tử để trình chiếu tài liệu, chứng cứ đã được số hoá, dữ liệu điện tử tại phiên tòa; dự liệu các tình huống có thể phát sinh và phương pháp giải quyết nhằm nâng cao chất lượng THQCT. Tại phiên tòa, KSV cần phối hợp với HĐXX trong việc thẩm vấn, xem xét vật chứng; nghe, xem nội dung ghi âm, ghi hình có âm thanh, việc công bố lời khai... Trên cơ sở đó, thực hiện có hiệu quả THQCT, buộc tội đối với người phạm tội.

4.2.4.2. Bảo đảm mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với cơ quan, tổ chức khác có liên quan

Thông qua THQCT đối với tội Tham ô tài sản xảy ra ở địa phương, VKS cần chủ động phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan tiến hành sơ kết, tổng kết phân tích, tổng hợp làm rõ nguyên nhân, điều kiện phạm tội để tham mưu cho cấp ủy Đảng, Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, xây dựng và ban hành chương trình, kế hoạch về đấu tranh phòng, chống tham nhũng tại địa phương; VKSND tối cao tham mưu cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tham mưu cho Đảng, Nhà nước hoạch định chính sách phòng, chống tham nhũng.

Viện kiểm sát nhân dân các địa phương phối hợp với Thường trực Mặt trận Tổ quốc, cơ quan tổ chức liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế phối hợp nhằm tuyên truyền pháp luật về đấu tranh phòng, chống tham nhũng; giám sát hoạt động tố tụng đối với vụ án về tội phạm tham nhũng, đặc biệt là các vụ án về tội Tham ô tài sản.

Trong phạm vi chức năng của mình, VKSND và CQĐT phối hợp với Thanh tra, Kiểm toán, cơ quan, tổ chức thường xảy ra hành vi tham ô tài sản như: Ngân hàng, chứng khoán, quản lý đất đai, tài nguyên môi trường,... trong việc cung cấp tài liệu, hóa đơn, chứng từ làm căn cứ cho việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử; kiến nghị những biện pháp phòng, chống tham ô tài sản xảy ra tại các cơ quan này. Phối hợp với cơ quan chuyên môn trong một số lĩnh vực để kịp thời đưa ra kết luận nhằm bảo đảm việc xác minh giải quyết nguồn tin, thu thập chứng cứ được thuận lợi, chính xác và nhanh chóng.

Bên cạnh đó, trong quá trình thụ lý, THQCT đối với tội Tham ô tài sản. Lãnh đạo, KSV chủ động phối hợp với đơn vị chức năng của Ban Chỉ đạo về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh hoặc Cơ quan Đảng liên quan ở địa phương để các đơn vị này kịp thời nắm bắt thông tin; tranh thủ ý kiến chỉ

đạo của Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc Thường trực cấp ủy địa phương đối với những vấn đề phức tạp phát sinh trong quá trình giải quyết vụ án tham ô tài sản. Đối với bị can là đảng viên thì VKS cần chủ động phối hợp với tổ chức Đảng có liên quan để tiến hành quy trình xử lý đối với đảng viên có hành vi vi phạm, kịp thời có biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc để bảo đảm việc giải quyết vụ án đúng quy định.

Tiểu kết chương 4

Nội dung Chương 4 làm rõ yêu cầu về nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản qua các tiêu chí như:

- Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản phải thực hiện theo quy định pháp luật, nhằm đảm bảo tính minh bạch, công bằng, thống nhất và hiệu quả.

- Yêu cầu phòng, chống tội Tham ô tài sản: đảm bảo mọi hành vi và người phạm tội Tham ô tài sản phải được xử lý theo đúng quy định.

- Bảo vệ quyền con người: việc buộc tội, truy tố đúng người thực hiện hành vi phạm tội; phát hiện, ngăn chặn kịp thời những hành vi xâm phạm đến quyền con người, bảo vệ quyền lợi của người bị buộc tội.

- Hội nhập quốc tế: nội luật hoá một số nội dung của các điều ước quốc tế, các hiệp định song phương, đa phương đã tham gia ký kết.

- Góp phần ổn định và phát triển kinh tế - xã hội: tạo môi trường kinh tế lành mạnh, cạnh tranh công bằng, thu hút đầu tư, kinh doanh.

- Thu hồi tài sản tham ô: thu hồi tối đa tài sản bị chiếm đoạt, bị thất thoát.

Đồng thời, dựa trên kết quả đánh giá những hạn chế của quy định pháp luật hình sự hiện hành ảnh hưởng đến chất lượng thực hành quyền công tố vụ án tham ô tài sản, kết hợp với đánh giá thực trạng về hạn chế, khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là những nguyên nhân dẫn đến làm giảm hiệu quả thực hành quyền công tố đối với Tội tham ô tài sản. Chương 4 đã đưa ra một số giải pháp nhằm nâng

cao chất lượng thực hành quyền công tố vụ án về tội Tham ô tài sản trong thời gian tới, bao gồm nhóm giải pháp về hoàn thiện pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành về thực hành quyền công tố vụ án tham ô tài sản; nhóm giải pháp về tăng cường công tác chỉ đạo, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong ngành Kiểm sát; và một số giải pháp khác như: Hợp tác quốc tế, mối quan hệ phối hợp giữa Viện kiểm sát với các cơ quan, tổ chức

Thực hiện đồng bộ các giải pháp trên góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong tình hình mới, đáp ứng được yêu cầu cải cách tư pháp cũng như giải quyết vụ án đúng người, đúng tội, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội.

KẾT LUẬN

Các tội phạm về tham nhũng, trong đó tội Tham ô tài sản là một trong những vấn đề đang được sự quan tâm và bức xúc hiện nay ở nước ta. Công tác đấu tranh, phát hiện, điều tra, làm rõ để xử lý theo pháp luật đối với các hành vi phạm tội này đang là thách thức lớn đối với Đảng, là yêu cầu cấp thiết của xã hội đối với cơ quan tiến hành tố tụng, trong đó có Viện kiểm sát nhân dân. Với chức năng thực hành quyền công tố theo quy định của Hiến pháp, Viện kiểm sát có nhiệm vụ đảm bảo cho các hành vi phạm tội cũng như người thực hiện tội Tham ô tài sản phải bị xử lý theo đúng quy định pháp luật, tránh trường hợp làm oan người vô tội hoặc bỏ lọt tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội.

Qua nghiên cứu, tham khảo các công trình khoa học khác nhau, luận án đã làm rõ các khái niệm, phạm vi, đối tượng của thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản. Với sự vận dụng các phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp... luận án đã làm rõ những hoạt động cụ thể thuộc nội dung thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong các giai đoạn khác nhau của quá trình tố tụng, gồm giai đoạn giải quyết nguồn tin tội phạm tham ô tài sản, khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử vụ án.

Trên cơ sở nghiên cứu về lý luận và cơ sở quy định của pháp luật tố tụng hình sự về nhiệm vụ, quyền hạn của Viện kiểm sát, luận án đã đánh giá về thực trạng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản của Viện kiểm sát các cấp trên phạm vi toàn quốc, trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2022; và thực trạng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát hai cấp của địa phương như tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, tỉnh Lâm Đồng và Thành phố Hồ Chí Minh trong 04 năm 2019, 2020, 2021, 2022.

Qua phân tích thực trạng số liệu THQCT đối với tội Tham ô tài sản hàng năm, luận án đã đánh giá về những kết quả và hạn chế trong thực hiện chức trạng này. Kết quả nghiên cứu về thực trạng cho thấy, trước những diễn biến phức tạp của tình hình tội tham ô tài sản với những phương thức, thủ đoạn thực

hiện hành vi phạm tội tinh vi, xảo quyệt, nhưng Viện kiểm sát đã có nhiều nỗ lực, tích cực tiến hành đấu tranh, chống tội phạm này thông qua thực hành quyền công tố trong các giai đoạn khác nhau của tố tụng hình sự, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Các đơn vị Viện kiểm sát đã phát huy, vận dụng tốt quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn khi thực hành quyền công tố, góp phần bảo đảm hiệu quả, chất lượng trong khởi tố, điều tra, xét xử đối với tội Tham ô tài sản. Bên cạnh đó, thực tiễn cũng phản ánh thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản vẫn còn tồn tại, hạn chế, xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Tồn tại, hạn chế trong thực hành quyền công tố chỉ là số ít, tuy nhiên, dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đó là xử lý vụ án không đúng tội danh, bỏ lọt tội phạm hay làm oan người vô tội. Điều này làm suy giảm niềm tin của nhân dân vào các cơ quan bảo vệ pháp luật, sự lãnh đạo của Đảng.

Với kết quả nghiên cứu về thực trạng, luận án đã làm rõ yêu cầu, phương hướng của việc phải nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản trong thời gian tới. Đồng thời, để khắc phục những hạn chế trong thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản, đảm bảo việc khởi tố vụ án khởi tố bị can đúng tội danh, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ hạn chế việc trả hồ sơ điều tra bổ sung giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, hạn chế đến mức thấp nhất trường hợp Viện kiểm sát truy tố, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội tham ô tài sản, tuyên phạm tội khác hoặc huỷ để điều tra xét xử lại, luận án đã đưa ra một số giải pháp như sau:

- Hoàn thiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật có liên quan đến thực hành quyền công tố đối với vụ án nói chung và tội Tham ô tài sản nói riêng; hoàn thiện Luật Tương trợ tư pháp và Luật Phòng, chống tham nhũng để cơ quan có thẩm quyền tiến hành các hoạt động tương trợ tư pháp trong giải quyết vụ

án tham ô tài sản được thuận lợi, đồng thời giúp cho việc thu hồi tài sản tham ô được hiệu quả.

- Ngành Kiểm sát cần thực hiện các giải pháp sau: tăng cường hoạt động chỉ đạo của lãnh đạo; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ Kiểm sát viên được phân công thực hành quyền công tố đối với tội Tham ô tài sản; tăng cường mối quan hệ giữa các cơ quan có trách nhiệm trong giải quyết vụ án tham ô tài sản; đẩy mạnh hoạt động tương trợ tư pháp trong giải quyết vụ án tham ô tài sản có yếu tố nước ngoài; đảm bảo chế độ đãi ngộ, công tác khen thưởng, kỷ luật và tăng cường cơ sở vật chất.

Thực hiện có hiệu quả các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố của Viện kiểm sát nhân dân các cấp, nâng cao tỷ lệ phát hiện, khởi tố và xử lý tội tham ô tài sản đạt hiệu quả, hạn chế việc bỏ lọt tội phạm, làm oan người vô tội.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ

1. Nguyễn Trương Đức Thắng (2022), *Thực trạng thực hành quyền công tố khi giải quyết nguồn tin có dấu hiệu tội tham ô tài sản và một số kiến nghị*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 01 (104) 2022
2. Nguyễn Trương Đức Thắng (2022), *Thực trạng và một số giải pháp nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử vụ án tham ô tài sản*, Tạp chí Nhân lực Khoa học xã hội, số 04 (107) 2022

DANH SÁCH TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Bằng. 2017. “*Một số giải pháp và kiến nghị nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản tham nhũng trong công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án tham nhũng*”. Tạp chí Thông tin Khoa học kiểm sát, số 5, tr. 56.
2. Đỗ Mạnh Bông. 2019. “*Một số kinh nghiệm trong công tác giải quyết các vụ án về tham nhũng, kinh tế lớn trong thời gian qua*”, Tạp chí Kiểm sát, số 01, tr.34-39.
3. Bộ tư pháp, Viện khoa học pháp lý. 2006. *Từ điển Luật học*, tr.695.
4. Nguyễn Hòa Bình chủ biên. 2016. “*Những nội dung mới trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*”, sách chuyên khảo, Hà Nội, Nxb Chính trị Quốc gia.
5. Dương Thanh Biểu. 2007. *Tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
6. Hoàng Thị Quỳnh Chi. 2017. “*Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân trong phòng, chống oan, sai khi thực hành quyền công tố, kiểm sát việc giải quyết các vụ án tham nhũng*”, Tạp chí Thông tin khoa học kiểm sát, số 5, tr.31.
7. Lương Thị Thúy Dung. 2020. “*Kinh nghiệm xét hỏi của Kiểm sát viên trong Thực hành quyền công tố, kiểm sát điều tra vụ án hình sự*”, Tạp chí Kiểm sát, số 13, tr.16.
8. Hoàng Xuân Đàn. 2018. *Thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự ở Việt Nam hiện nay*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
9. Đảng cộng sản Việt Nam. 2021, Chỉ thị số 04-CT/TW “*Về tăng cường công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế*”, ban hành ngày 02/6/2021, Hà Nội.

10. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2002. *Nghị quyết số 08/NQ - TW về “một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”*, ban hành ngày 02/01/2002, Hà Nội.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2005. *Nghị quyết số 48/NQ - TW về “chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020”*, ban hành ngày 24/5/2005, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2005. *Nghị quyết 49-NQ/ TW về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”*, ban hành ngày 02/6/2005, Hà Nội.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2001, 2006, 2011, 2016, 2021. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, X, XI, XII, XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 50-51, 218.
14. Đảng Cộng sản Việt Nam. 2011. *Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.488.
15. Đại học Luật Hà Nội. 2017. *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
16. Trần Văn Độ. 2019. *“Hoàn thiện pháp luật hình sự đáp ứng yêu cầu phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động tư pháp”*.
17. Trần Huy Đức. 2019. *Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Thành phố Đà Nẵng*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
18. Đỗ Đức Hồng Hà. 2018. *“Bình luận về Tội tham ô tài sản”*. Tạp chí Kiểm sát, số 05.
19. Nguyễn Xuân Hà. 2017. *“Kết quả nghiên cứu tình hình tội phạm tham nhũng và một số giải pháp đấu tranh phòng chống”*. Tạp chí thông tin khoa học kiểm sát, tập 05, tr.5.
20. Nguyễn Thị Hương. 2019. *“Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra các vụ án tham ô tài sản”* Tạp chí Kiểm sát, số 04, tr.15.

21. Nguyễn Văn Khải. 2020. “*Vướng mắc trong thực tiễn áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế*”, Tạp chí Kiểm sát, số 19, tr. 35-37.

22. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. 2000. *Nghị quyết số 01, hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung Bộ luật Hình sự năm 1999*, ban hành ngày 04/8/2000, Hà Nội.

23. Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. 2020. *Nghị quyết số 01, hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ*, ban hành ngày 30/12/2020, Hà Nội.

24. Lê Minh Long. 2020. “*Giải pháp tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm*”, Tạp chí Kiểm sát, số 01, tr.20.

25. Liên hiệp quốc. 2003. “*Công ước về chống tham nhũng*” <<https://tttp.toaan.gov.vn/webcenter/portal/tttp/chi-tiet-dieu-uoc?dDocName=TAND024661>>. (truy cập lúc 9h ngày 11/01/2022)

26. Trần Thị Liên. 2019. “*Thực hành quyền công tố trong giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự*”, Luận án tiến sĩ, Đại học Luật Hà Nội.

27. Hoàng Thành Nam. 2017. “*Kết quả nổi bật 10 năm thực hiện nghị quyết trung ương 3 khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” trong công tác quản trị, lãnh đạo, chỉ đạo việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của ngành Kiểm sát nhân dân*”. Tạp chí Thông tin khoa học kiểm sát, số 5, tr.42.

28. Đàm Quang Ngọc. 2020. *Chức năng công tố trong tố tụng hình sự Việt Nam và Đức*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Hà Nội.

29. Ngô Phi Phi. 2014. *Chế độ kiểm sát Trung Quốc*, Học viện Kiểm sát quốc gia Trung Quốc.

30. Nguyễn Hải Phong. 2014. *Một số vấn đề tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra theo yêu cầu cải cách tư pháp*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

31. Tôn Thiện Phương. 2017. *Thực hành quyền công tố trong tố tụng hình sự từ thực tiễn tỉnh Nghệ An*, Luận án tiến sĩ, Học viện Khoa học xã hội.
32. Đinh Văn Quế. 2019. *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015, các tội phạm*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, tr.204
33. Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
34. Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. 2015. *Bộ luật Hình sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
35. Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. 2015. *Bộ luật Tố tụng hình sự nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia Hà Nội.
36. Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. 2014. *Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
37. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. 2007. *Luật Thương mại*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
38. Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. 2018. *Luật Phòng, chống tham nhũng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
39. Trịnh Phương Thảo. 2017. “*Yêu cầu của Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng – một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam*”. *Thông tin khoa học kiểm sát*, số 5, tr.83.
40. Nguyễn Kim Thản, Chủ biên. 2005. *Từ điển Văn hóa Sài Gòn*, Nxb Văn hoá Sài Gòn, tr.259, 283, 973, 1152, 1081.
41. Lê Hữu Thê. 2004. “*Vai trò của Viện kiểm sát nhân trong việc thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra các vụ án hình sự theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị*”, đề tài khoa học cấp bộ.

42. Lê Hữu Thê (2008), *Thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong giai đoạn điều tra*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.

43. Nguyễn Huy Tiến. 2019. “*Kinh nghiệm và bài học trong giải quyết các vụ án tham nhũng, kinh tế, chức vụ đặc biệt nghiêm trọng, phức tạp*”, Tạp chí Kiểm sát, số 06, tr. 08-15.

44. Thông tư liên tịch số 04/2018/TTLT-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 19/10/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an - Bộ Quốc phòng “*quy định về phối hợp giữa Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật tố tụng hình sự*”, Hà Nội.

45. Thông tư liên tịch số 02/2017/TTLT-VSNDTC-BCA-TANDTC ngày 22/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Công an – Toà án nhân dân tối cao “*quy định về phối hợp giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc thực hiện một số quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự về trả hồ sơ điều tra bổ sung*”, Hà Nội.

46. Nguyễn Đình Trung. 2019. “*Một số vấn đề về thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong lĩnh vực hình sự của Viện kiểm sát nhân dân*”, Tạp chí Kiểm sát, số 22, tr. 03-08.

47. Tăng Ngọc Tuấn. 2019. “*Một số kết quả và giải pháp nâng cao hiệu quả thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án tham nhũng*”, Tạp chí Kiểm sát, số 02, tr.15.

48. Tăng Ngọc Tuấn. 2019. “*Những nội dung cần chú ý để thực hiện tốt yêu cầu, nhiệm vụ của Viện kiểm sát trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm về tham nhũng*”, Tạp chí Kiểm sát, số 04, tr.03.

49. Nguyễn Khắc Tú. 2020. “*Căn cứ áp dụng tạm giam theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự*”, <<https://vksbacgiang.gov.vn/chuyendephapluat/59/9275>>. (15/7/2021).

50. Toà án nhân dân tối cao. *Số liệu thống kê xét xử tội Tham ô tài sản từ năm 2013 đến năm 2022*

51. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2013. *Chỉ thị số 06/CT-VKSTC về “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm”*, ban hành ngày 06/12/2013, Hà Nội.

52. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2016. *Chỉ thị số 09/CT-VKSTC về “Tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của Kiểm sát viên tại phiên tòa”*, ban hành ngày 06/4/2016, Hà Nội.

53. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2020. *Chỉ thị số 05/CT-VKSNDTC về “Tăng cường tách nhiệm công tố trong giải quyết vụ án hình sự đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm”*, ban hành ngày 27/4/2020, Hà Nội.

54. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2007. *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về tham nhũng trong Bộ luật hình sự Việt Nam*, Hà Nội.

55. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2011. *“Nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự”*, tài liệu hội thảo, Hà Nội.

56. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2012. *“Viện kiểm sát nhân dân trong tiến hành cải cách tư pháp”*, chuyên đề, Hà Nội.

57. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2014. *“Tranh tụng và những giải pháp nâng cao chất lượng tranh tụng của kiểm sát viên trong xét xử hình sự đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp”*, chuyên đề, Hà Nội.

58. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2015. *“Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng”*, chuyên đề, Hà Nội.

59. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2016. *“Án hình sự VKS truy tố, Tòa án tuyên bị cáo không phạm tội hoặc huỷ để điều tra, xét xử lại thuộc các tỉnh, thành phố khu vực phía Nam”*, chuyên đề, Hà Nội.

60. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2018. *“Thực trạng giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả bản yêu cầu điều tra khi thực hành quyền công tố trong giai đoạn điều tra vụ án hình sự”*, chuyên đề, Hà Nội.

61. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2018. *“Kinh nghiệm và bài học rút ra thông qua các vụ án Đinh La Thăng và Trịnh Xuân Thanh”*, Hà Nội.

62. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2020. Báo cáo về *“Kỹ năng, kinh nghiệm thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các vụ án tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ”*, Hà Nội.

63. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2020. Báo cáo về *“Việc giải quyết các vụ án tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ”*, ban hành ngày 14/10/2020, Hà Nội.

64. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2020. Báo cáo về *“Việc kiểm sát giải quyết tin tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố các dấu hiệu tội phạm tham nhũng, chức vụ và kinh tế có liên quan đến chức vụ”*, ban hành ngày 16/10/2020, Hà Nội.

65. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. Báo cáo công tác kiểm sát từ năm 2011 đến năm 2020.

66. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2020. Quy chế công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát việc khởi tố, điều tra và truy tố, ban hành kèm theo Quyết định số 111/QĐ-VKSTC ngày 17/04/2020, Hà Nội.

67. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. 2017. Quy chế thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự ban hành kèm theo Quyết định số 505 ngày 18/7/2017, Hà Nội.

68. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. *Số liệu thống kê tội Tham ô tài sản từ năm 2013 đến năm 2022 và thống kê về tương trợ tư pháp*

69. Viện kiểm sát nhân dân các địa phương: Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu, Lâm Đồng, An Giang, Cần Thơ, Cà Mau, Bạc Liêu, Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hoà, Nghệ An, (các hồ sơ án tham ô tài sản và số liệu giải quyết các vụ án về tội Tham ô tài sản).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO NƯỚC NGOÀI

70. David Hricik, Mercedes Meyer. 2009, “*Patent Ethics Prosecution*”.
71. Erik Luna; Marianne Wade. 2012, “*The Prosecutor in Transnational Perspective*”, Oxford University Press, USA.
72. Jorg-Martin Jehle. 2005, *The Function of Public Prosecution from a European Comparative Perspective - How international Research can contribute to the Development of Criminal Justice* (paper given at the UNDP-POGAR conference in Cairo, May 17-18,2005).
73. L. H. Erkelens, A.W.H. Meij, M. Pawlik. 2015, “*The European Public Prosecutor’s Office*”.
74. Lorena Bachmaier Winter. 2018, “*The European Public Prosecutor’s Office: The Challenges Ahead*”, Springer International Publishing.
75. Peter J. Henning, Lee Radek Publisher. 2011, *The Prosecution and Defense of Public Corruption: The Law and Legal Strategies*, Oxford University Press, USA.
76. Robert I. Rotberg. 2009, “*Corruption, Global Security, and World Order*”.
77. Rick Stapenhurst, Rasheed Draman, Brooke Larson, Anthony Staddon. 2020, “*Anti-Corruption Evidence: The Role of Parliaments in Curbing Corruption*”, Publisher: Springer International Publishing.
78. Shawn Marie Boyne. 2014, “*The German Prosecution Service: Guardians of the Law?*”.
79. Tommaso Rafaraci, Rosanna Belfiore. 2019, “*EU Criminal Justice: Fundamental Rights, Transnational Proceedings and the European Public Prosecutor’s Office*”, Nxb Springer Internatinoal Publishing.
80. Tony Paul Marguery. 2008, *The Unity and Diversity of the Public Prosecution Service in Europe* (PhD thesis), The University of Groinggen.
81. Willem Geelhoed, Leendert H. Erkelens, Arjen W.H. Meij (eds.). 2018, “*Shifting Perspectives on the European Public Prosecutor’s Office*”.

PHỤ LỤC 1
Bảng thống kê về vụ án, bị can phạm tội Tham ô tài sản
Bảng 1.1. Số vụ án, bị can đã khởi tố, truy tố, xét xử

Năm	Khởi tố mới để điều tra		Truy tố		Xét xử	
	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị cáo
2013	114	206	128	273	112	220
2014	123	213	118	208	116	244
2015	87	151	120	237	120	201
2016	72	101	94	161	80	161
2017	99	191	90	156	83	151
2018	109	174	114	260	113	266
2019	118	212	125	234	114	210
2020	129	208	132	275	111	271
2021	142	247	156	290	124	221
2022	196	342	184	301	200	319
Tổng Số	1.189	2.045	1.261	2.395	1.173	2.264

Bảng 1.2. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Năm	Số CQĐT thụ lý		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2013	204	416	122	255	8	8	6	7
2014	225	384	121	213	23	10	8	13
2015	192	360	126	264	5	5	4	3
2016	156	248	89	147	3	1	3	4
2017	170	313	87	155	3	2	2	3
2018	200	377	117	253	4	4	8	13
2019	226	399	116	244	3	3	7	8
2020	240	370	116	207	2	1	13	14
2021	282	442	161	300	1	0	15	12
2022	338	493	183	291	4	2	11	4
Tổng số	2.233	3.802	1.238	2.329	56	36	77	81

Bảng 1.3. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Năm	Số VKS thụ lý		VKS truy tố		VKS đình chỉ		VKS tạm đình chỉ		Trả hồ sơ điều tra bổ sung	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ (tỷ lệ %)	Bị can
2013	134	283	128	273	3	5	0	0	7 (5,2%)	11
2014	126	132	118	208	2	6	0	0	6 (4,8%)	9
2015	132	271	120	237	0	0	0	0	9 (6,8%)	15
2016	104	177	94	161	1	3	0	0	4 (3,8)	8
2017	101	176	90	156	2	2	0	0	5 (4,9%)	15
2018	126	276	114	260	0	1	0	0	6 (4,7%)	11
2019	132	251	125	251	1	3	0	0	7 (5,3%)	36
2020	142	328	132	275	0	4	0	0	7 (4,9%)	21
2021	165	310	153	290	0	2	0	0	8 (5,3%)	55
2022	192	319	184	301	1	2	0	0	8 (4,2%)	43
Tổng số	1.354	2.523	1.258	2.412	10	28	0	0	67 (4,9%)	224

Bảng 1.4. Số vụ án, bị cáo Tòa án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Năm	Số Tòa án thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả hồ sơ điều tra bổ sung	
	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ (tỷ lệ %)	Bị cáo
2013	154	332	112	220	0	0	3	10	14 (9,1%)	21
2014	159	332	116	244	0	0	1	9	11 (6,9%)	15
2015	159	291	120	201	0	1	0	0	9 (5,7%)	18
2016	126	253	80	161	1	1	0	1	9 (7,1%)	11
2017	128	247	83	151	0	0	1	2	7 (5,5%)	9
2018	150	340	113	266	0	0	2	0	13 (8,7%)	20
2019	151	307	114	210	0	0	0	0	12 (7,9%)	19
2020	173	434	111	271	0	0	0	0	15 (8,7%)	23
2021	220	416	124	221	0	0	0	0	15 (8,3%)	19
2022	281	494	200	319	1	1	0	0	16 (5,7%)	33
Tổng số	1.701	3.446	1.173	2.264	2	3	7	22	121 (7,1%)	188

**Bảng 1.5. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Bộ Công an khởi tố
VKSND tối cao, truy tố và phân công VKSND cấp tỉnh xét xử**

Năm	Khởi tố mới để điều tra		Truy tố		Xét xử (VKSNDTC phân công cấp tỉnh xét xử)	
	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị can	Số vụ	Bị cáo
2019	10	72	11	61	12	35
2020	10	72	9	98	7	60
2021	3	63	4	48	7	87
2022	0	0	0	0	2	13
Tổng Số	23	207	24	207	28	195

Bảng 1.6. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Bộ Công an đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ

Năm	Tổng thụ lý		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2019	26	134	12	70	02	0	0	01
2020	23	133	10	99	0	0	02	03
2021	11	95	4	48	0	01	0	0
2022	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số	60	362	26	217	2	1	2	3

Bảng 1.7. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân tối cao truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung

Năm	Tổng thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2019	12	70	11	61	0	0	0	0	1 (8,3%)	9
2020	10	99	9	98	0	0	0	0	0	0
2021	5	69	4	48	0	0	0	0	1 (20%)	21
2022	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số	27	238	24	207	0	0	0	0	2 (7,4%)	30

**Bảng 1.8. Số vụ án, bị can Toà án xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung
(vụ án do VKSNDTC truy tố và phân công VKS cấp tỉnh THQCT giai đoạn xét xử)**

Năm	Tổng thụ lý		xét xử		Đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị cáo
2019	18	84	12	35	0	0	01 vụ (5,5%)	02
2020	13	133	7	60	0	0	01 vụ (7,7%)	06
2021	9	114	7	87	0	0	0	0
2022	2	13	2	13	0	0	0	0
Tổng số	42	344	28	185	0	0	2 vụ (5%)	8

**Bảng 1.9. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra Thành phố Hồ Chí Minh
khởi tố, đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Khởi tố mới		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2019	20	20	Quận	5	6	3	5	2	2	0	0	0	0
			Thành phố	15	14	8	5	5	5	0	0	0	0
2020	20	21	Quận	11	11	8	7	6	7	0	0	3	2
			Thành phố	9	10	3	7	2	3	0	0	1	1
2021	33	26	Quận	21	17	9	11	3	9	0	0	1	1
			Thành phố	12	9	5	3	4	6	0	0	0	0
2022	32	28	Quận	20	15	10	9	9	12	0	0	5	0
			Thành phố	12	13	4	11	6	9	1	1	0	0
Tổng số			Quận	57	49	30	32	20	40	0	0	9	3
			Thành phố	48	46	20	26	17	23	1	1	1	1

**Bảng 1.10. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị can
2019	7	7	Quận	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
			Thành phố	5	5	5	5	0	0	0	0	0	0
2020	11	16	Quận	7	8	6	7	0	0	0	0	0	0
			Thành phố	4	8	3	7	0	0	0	0	0	0
2021	7	15	Quận	3	9	3	9	0	0	0	0	0	0
			Thành phố	4	6	4	6	0	0	0	0	3 (75%)	5
2022	20	32	Quận	13	21	13	21	0	0	0	0	2 (8,7%)	2
			Thành phố	7	11	7	11	0	0	0	0	1 (14,2%)	1
Tổng số			Quận	25	40	24	40	0	0	0	0	2(8%)	2
			Thành phố	20	30	17	24	0	0	0	0	4 (20%)	6

**Bảng 1.11. Số vụ án, bị cáo Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị cáo
2019	8	9	Quận	2	2	1	1	0	0	0	0
			Thành phố	6	7	3	4	0	0	0	0
2020	12	22	Quận	6	7	3	3	0	0	1 (16,6%)	1
			Thành phố	6	15	5	10	0	0	2 (33,33%)	7
2021	13	29	Quận	6	10	2	3	0	0	0	0
			Thành phố	7	19	2	6	0	0	0	0
2022	32	58	Quận	19	32	14	24	0	0	1 (5,2%)	5
			Thành phố	13	26	9	19	0	0	0	0
Tổng số			Quận	33	51	19	31	0	0	2 (6,06%)	6
			Thành phố	32	67	19	39	0	0	2 (6,2%)	7

**Bảng 1.12. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Khởi tố mới		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2019	1	9	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	1	9	0	1	1	9	0	0	0	0
2020	2	2	Huyện	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2021	2	3	Huyện	2	3	1	1	0	0	0	0	1	2
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2022	2	3	Huyện	2	3	0	0	2	3	0	0	1	2
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số			Huyện	6	8	3	3	2	3	0	0	2	4
			Tỉnh	1	9	0	1	1	9	0	0	0	0

**Bảng 1.13. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả ĐTB	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị can
2019	1	9	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	1	9	1	9	0	0	0	0	0	0
2020	0	0	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2021	0	0	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2022	2	3	Huyện	2	3	2	3	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng số			Huyện	2	3	2	3	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	1	9	1	9	0	0	0	0	0	0

**Bảng 1.14. Số vụ án, bị can Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị cáo
2019	2	16	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	2	16	1	7	0	0	0	0
2020	1	9	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	1	9	1	9	0	0	1 (100%)	9
2021	0	0	Huyện	0	0	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0
2022	4	13	Huyện	2	3	1	1	0	0	0	0
			Tỉnh	2	10	1	3	0	0	1 (50%)	7
Tổng số			Huyện	2	3	1	1	0	0	0	0
			Tỉnh	5	35	3	19	0	0	2 (40%)	16

**Bảng 1.15. Số vụ án, bị can Cơ quan điều tra tỉnh Lâm Đồng
đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Khởi tố mới		Đề nghị truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can
2019	4	5	Huyện	3	3	0	0	2	2	0	0	0	0
			Tỉnh	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0
2020	4	5	Huyện	2	3	1	2	2	3	0	0	0	0
			Tỉnh	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
2021	8	9	Huyện	4	5	4	5	2	2	0	0	0	0
			Tỉnh	4	4	1	1	4	4	0	0	0	0
2022	5	6	Huyện	3	3	2	2	3	3	0	0	0	0
			Tỉnh	2	3	2	3	0	0	0	0	0	0
Tổng số			Huyện	12	14	7	9	9	10	0	0	0	0
			Tỉnh	9	11	5	6	4	4	0	0	0	0

**Bảng 1.16. Số vụ án, bị can Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng
truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Truy tố		Đình chỉ		Tạm đình chỉ		Trả ĐTB	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ	Bị can	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị can
2019	2	2	Huyện	2	2	1	1	1	1	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2020	2	3	Huyện	2	3	2	3	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2021	6	6	Huyện	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	4	4	2	2	0	0	0	0	0	0
2022	5	5	Huyện	3	3	3	3	0	0	0	0	0	0
			Tỉnh	2	2	2	2	0	0	0	0	0	0
Tổng số			Huyện	9	10	8	9	1	1	0	0	0	0
			Tỉnh	6	6	4	4	0	0	0	0	0	0

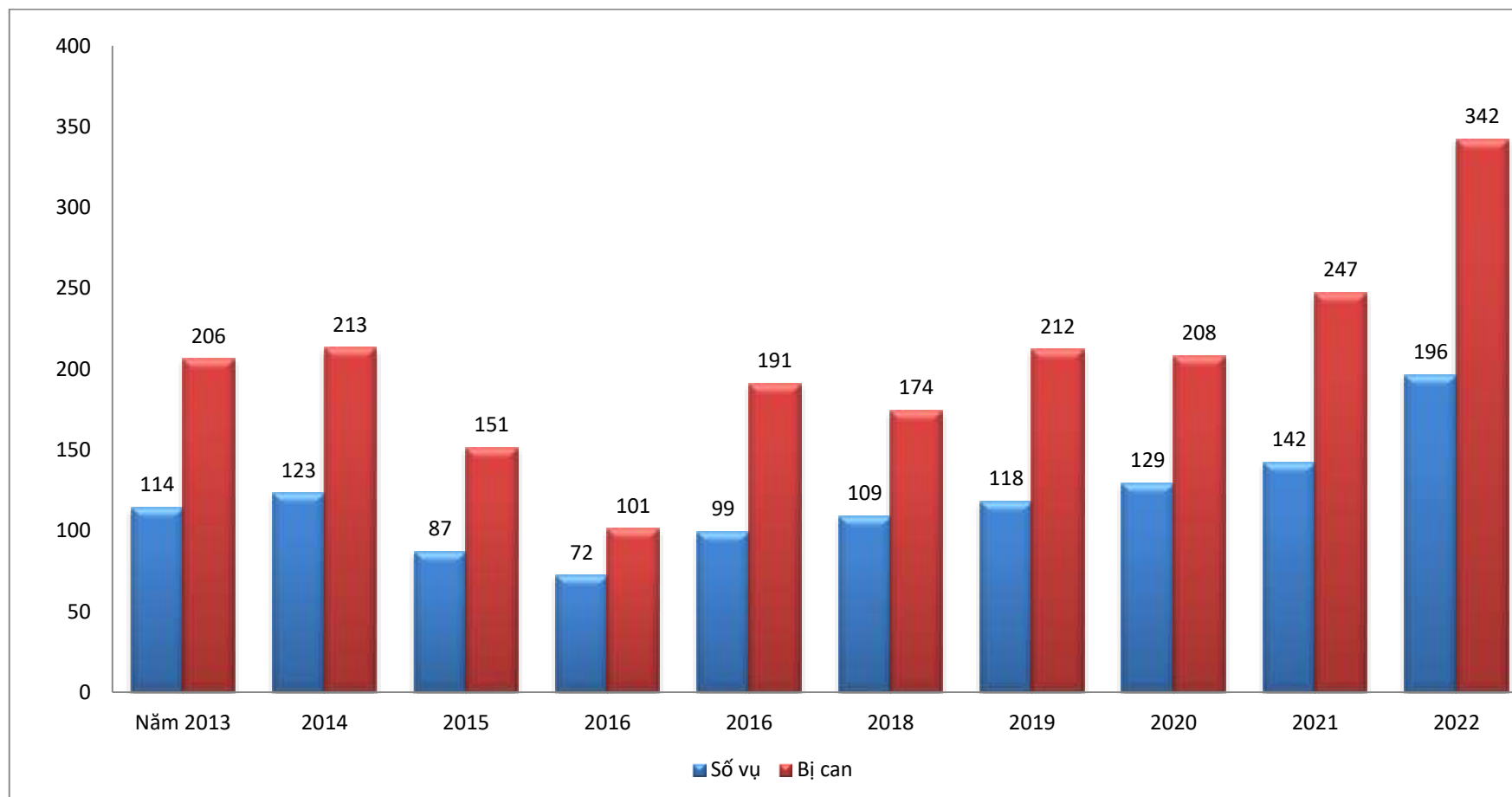
**Bảng 1.17. Số vụ án, bị cáo Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng
xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả hồ sơ điều tra bổ sung**

Năm	Tổng thụ lý		Cấp thụ lý	Số thụ lý		Xét xử		Đình chỉ		Trả ĐTBS	
	Vụ	Bị can		Vụ	Bị can	Vụ	Bị cáo	Vụ	Bị cáo	Vụ (Tỷ lệ %)	Bị cáo
2019	2	2	Huyện	2	2	2	2	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0
2020	3	4	Huyện	3	4	3	4	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0
2021	4	4	Huyện	4	4	2	2	0	0	0	0
			Tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0
2022	7	7	Huyện	5	5	4	4	0	0	0	0
			Tỉnh	2	2	2	2	0	0	0	0
Tổng số			Huyện	14	15	11	12	0	0	0	0
			Tỉnh	2	2	2	2	0	0	0	0

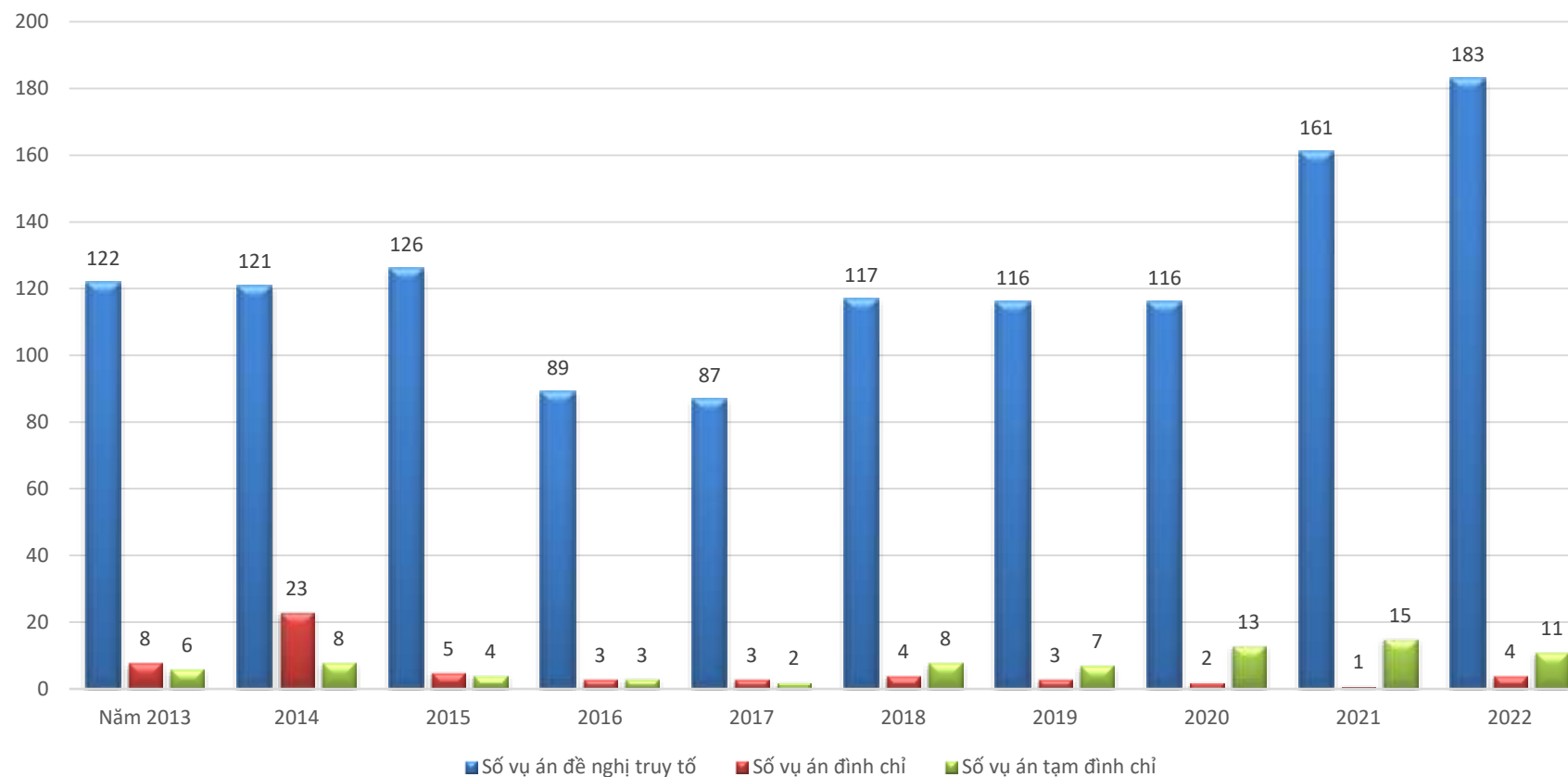
PHỤ LỤC 2

Biểu đồ về vụ án, bị can phạm tội Tham ô tài sản

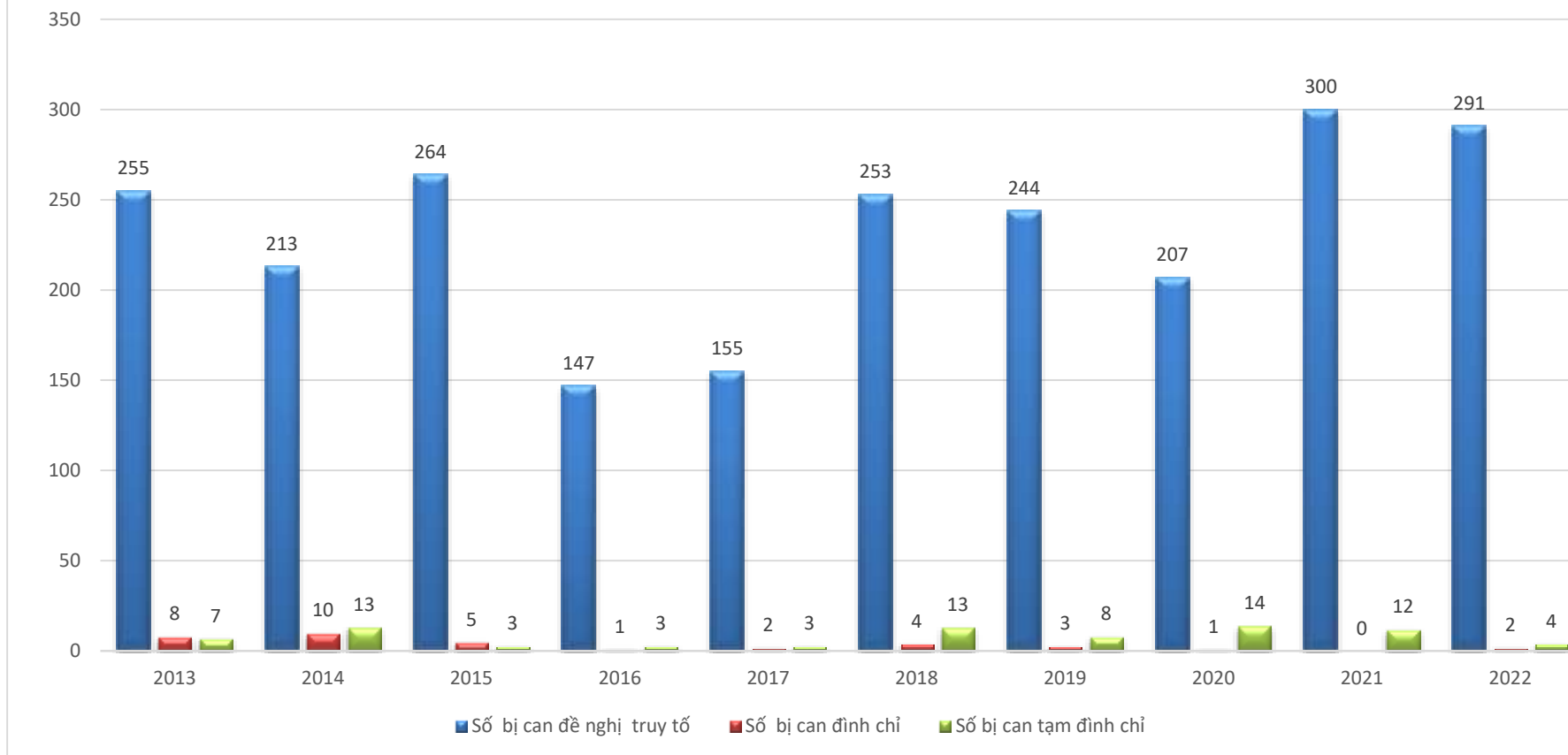
Biểu đồ 2.1. Số vụ án, bị can khởi tố về tội Tham ô tài sản



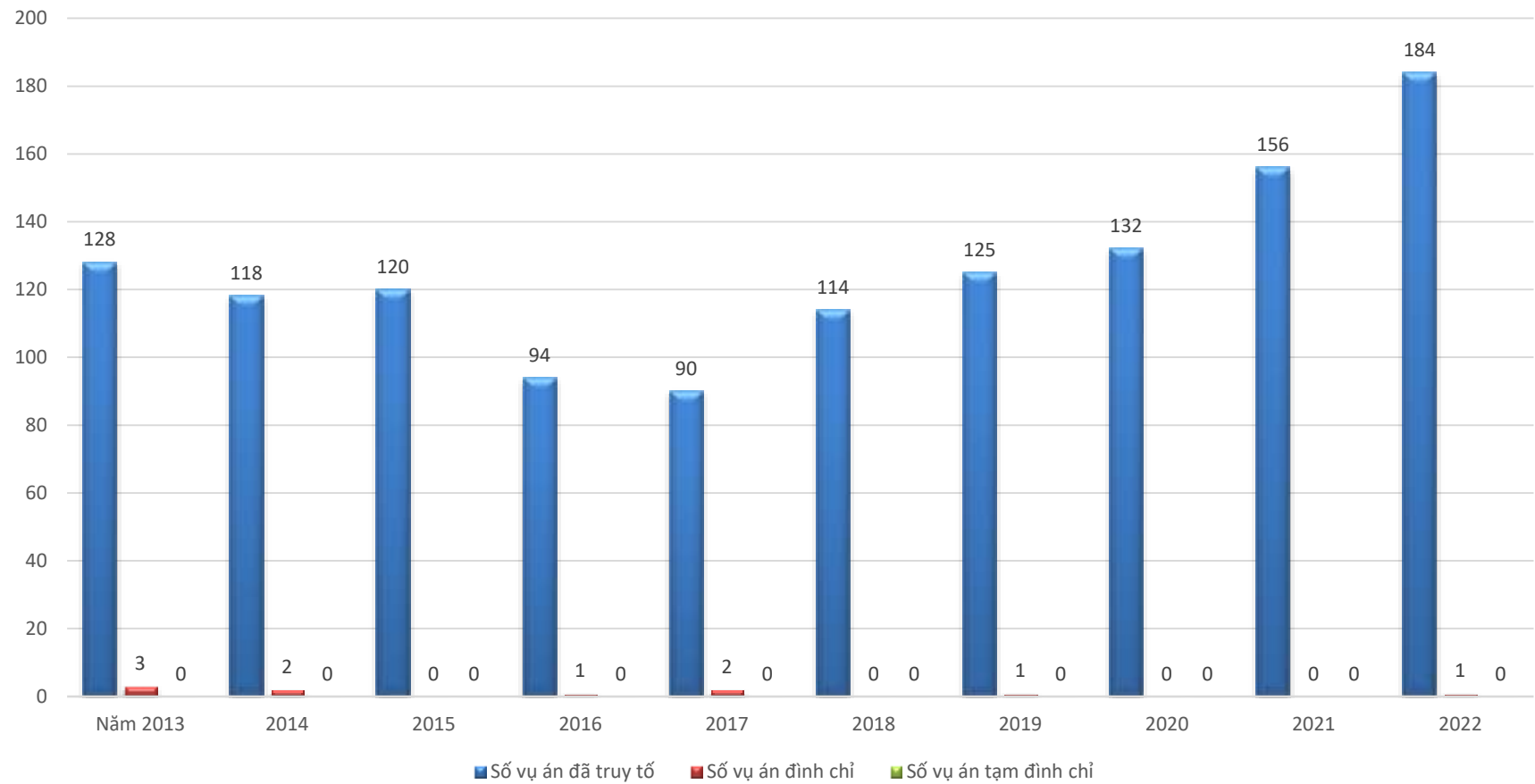
Biểu đồ 2.2. Số vụ án Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ



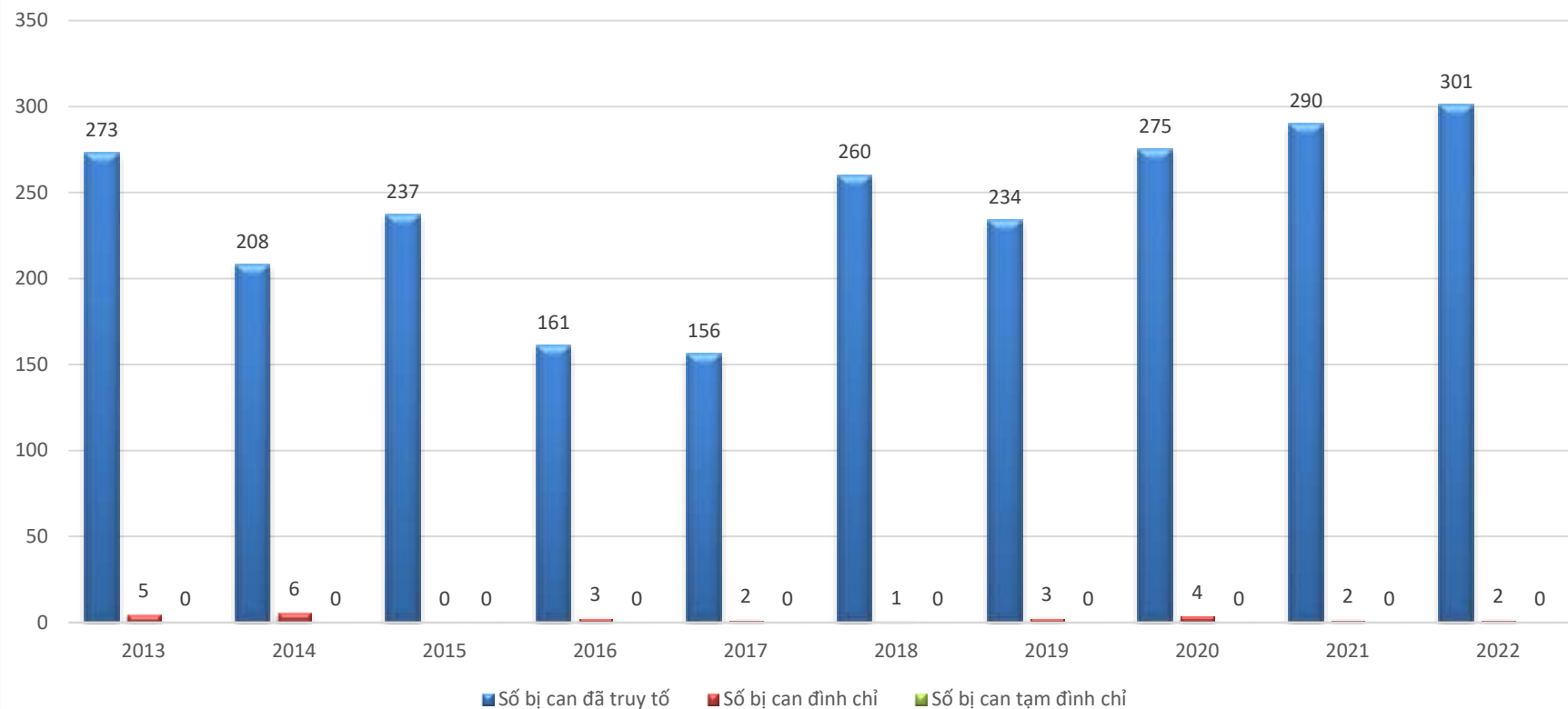
Biểu đồ 2.3. Số bị can Cơ quan điều tra đề nghị truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ



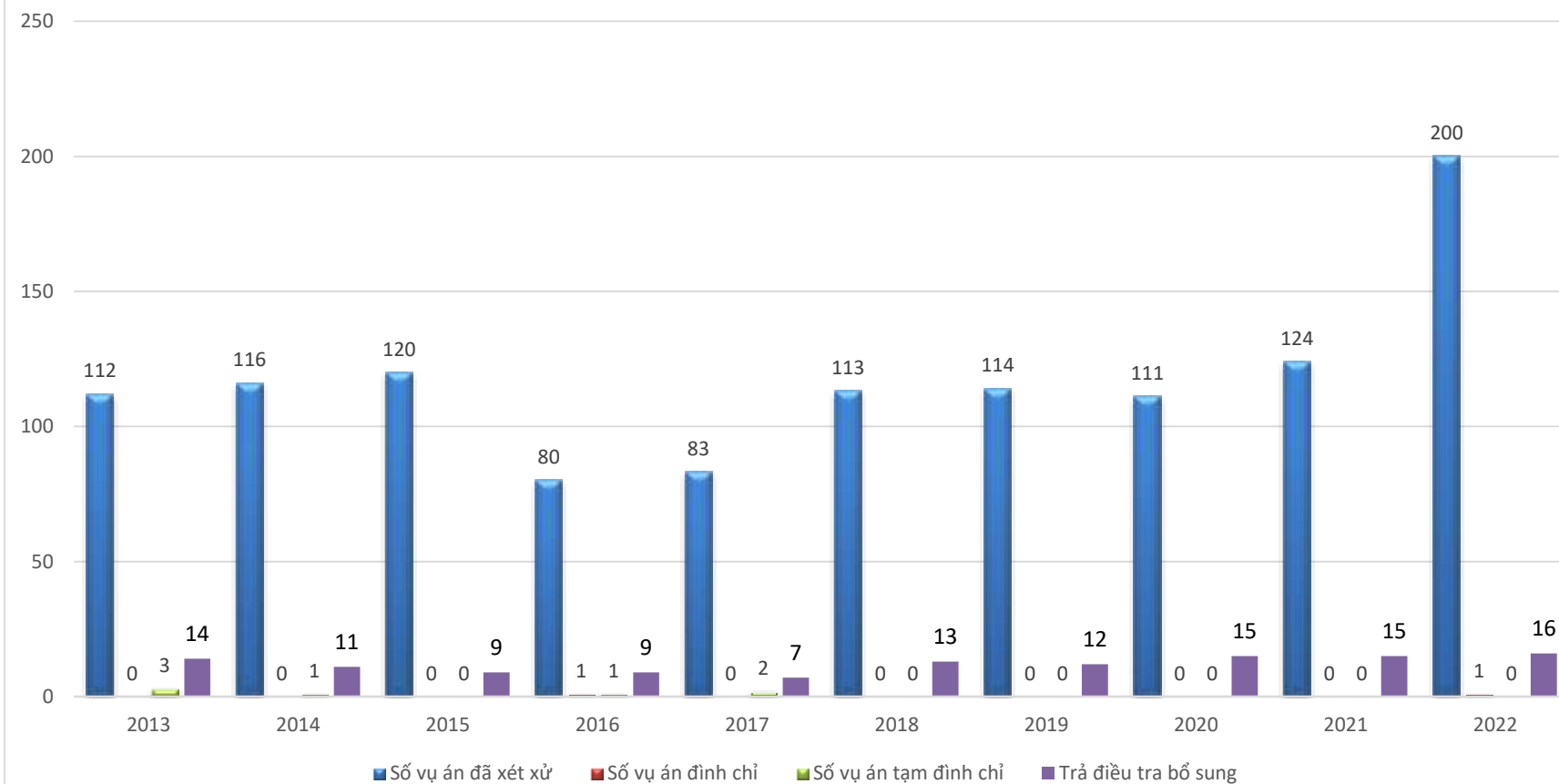
Biểu đồ 2.4. Số vụ án Viện kiểm sát nhân dân truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ



Biểu đồ 2.5. Số bị can Viện kiểm sát nhân dân truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ



Biểu đồ 2.6. Số vụ án Tòa án nhân dân xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả điều tra bổ sung



Biểu đồ 2.7. Số bị cáo Tòa án nhân dân xét xử, đình chỉ, tạm đình chỉ, trả điều tra bổ sung

